



ĐINH PHƯƠNG DUY (Tổng Chủ biên) – TRẦN THANH BÌNH (Chủ biên)
MAI KHẮC HÙNG – TRẦN MINH HƯỜNG – HÀ THỊ THANH NGA
LÂM HỒNG LÃM THUÝ – LÊ PHƯƠNG TRÍ

ĐẠO ĐỨC

Sách giáo viên



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

ĐINH PHƯƠNG DUY (Tổng Chủ biên) – TRẦN THANH BÌNH (Chủ biên)
MAI KHẮC HÙNG – TRẦN MINH HƯỜNG – HÀ THỊ THANH NGA
LÂM HỒNG LÂM THUÝ – LÊ PHƯƠNG TRÍ

ĐẠO ĐỨC

Sách giáo viên

1

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT

GV: giáo viên
HS: học sinh
SGK: sách giáo khoa
SGV: sách giáo viên
THCS: trung học cơ sở
THPT: trung học phổ thông
PPDH: phương pháp dạy học



Chân trời sáng tạo

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên Đạo đức 1 là tài liệu trực tiếp chia sẻ, gợi ý, hướng dẫn giáo viên cách thức tổ chức quá trình dạy học khi sử dụng quyển sách giáo khoa **Đạo đức 1** thuộc bộ sách giáo khoa **Chân trời sáng tạo** của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; đồng thời cũng là tài liệu tham khảo hữu ích giúp giáo viên có thêm những phương án dạy học khi sử dụng các quyển sách giáo khoa **Đạo đức 1** khác theo chương trình giáo dục phổ thông mới.

Do phương pháp dạy học và cách thức tổ chức quá trình dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học trong chương trình giáo dục phổ thông đổi với giáo viên hiện nay còn nhiều mới mẻ nên khi biên soạn tài liệu này, nhóm tác giả chủ trương: cố gắng kết hợp một cách hài hoà những hướng dẫn thuộc yêu cầu dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học và quy định của chương trình môn học với những chia sẻ, để xuất mang tính gợi ý để vừa đảm bảo yêu cầu dạy học chung, vừa tạo điều kiện cho giáo viên phát huy tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo, vận dụng các biện pháp, thao tác dạy học phù hợp với khả năng, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục và của bản thân.

Sách giáo viên Đạo đức 1 gồm hai phần:

Phần một – **Những vấn đề chung** giới thiệu khái quát một số nội dung thiết yếu của chương trình môn Đạo đức, cấu trúc và nội dung của sách giáo khoa **Đạo đức 1**, phương pháp dạy học và cách thức tổ chức quá trình dạy học môn Đạo đức theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, hướng dẫn đánh giá năng lực học sinh qua môn Đạo đức, v.v.

Phần hai – **Tổ chức hoạt động dạy học môn Đạo đức lớp 1** trình bày những gợi ý, chia sẻ, để xuất về quá trình tổ chức hoạt động dạy học liên quan trực tiếp đến các bài học trong sách giáo khoa **Đạo đức 1** thuộc bộ sách giáo khoa **Chân trời sáng tạo** của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Hi vọng tài liệu này sẽ là một trong những cơ sở cần thiết giúp giáo viên hiểu rõ, nắm vững nội dung, cấu trúc sách giáo khoa **Đạo đức 1** và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, kĩ thuật dạy học đặc thù vào thực tiễn dạy học của mình. Rất mong nhận được sự góp ý của các cơ sở giáo dục và quý thầy, cô giáo để tài liệu ngày càng được hoàn thiện hơn.

MỤC LỤC

	Trang
Quy ước viết tắt	2
Lời nói đầu	3
Phần một: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	5
1. Vị trí và mục tiêu dạy học môn Đạo đức	5
2. Yêu cầu cần đạt của việc dạy học môn Đạo đức	5
3. Nội dung giáo dục môn Đạo đức	7
4. Cấu trúc và nội dung sách giáo khoa <i>Đạo đức 1</i>	7
5. Cấu trúc bài học và các hoạt động dạy học <i>Đạo đức 1</i>	9
6. Phương pháp dạy học <i>Đạo đức 1</i>	10
7. Đánh giá kết quả học tập <i>Đạo đức 1</i>	12
8. Tài nguyên dạy học <i>Đạo đức 1</i>	14
Phần hai: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 1	14
Bài 1: Mái ấm gia đình	16
Bài 2: Quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ	21
Bài 3: Anh chị em quan tâm, giúp đỡ nhau	26
Bài 4: Tự giác làm việc ở trường	30
Bài 5: Tự giác làm việc ở nhà	35
Bài 6: Không nói dối và biết nhận lỗi	39
Bài 7: Không tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác	45
Bài 8: Trả lại của rơi	49
Bài 9: Sinh hoạt nền nếp	54
Bài 10: Cùng thực hiện nội quy trường, lớp	57
Bài 11: Tự chăm sóc bản thân	60
Bài 12: Phòng, tránh đuối nước	66
Bài 13: Phòng, tránh tai nạn trong sinh hoạt	70
Bài 14: Phòng, tránh tai nạn giao thông	77
TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ	82
Phụ lục	
MỨC ĐỘ YÊU CẦU CẨN ĐẠT CÁC NĂNG LỰC ĐẶC THÙ	
TRONG SÁCH GIÁO KHOA ĐẠO ĐỨC 1	83

Phần một

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. VỊ TRÍ VÀ MỤC TIÊU DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC

Trong Chương trình giáo dục phổ thông* (gồm Chương trình tổng thể và Chương trình các môn học), môn Giáo dục công dân được hợp thành từ 3 môn học ở 3 cấp học: Đạo đức (cấp Tiểu học), Giáo dục công dân (cấp THCS) và Giáo dục Kinh tế – Pháp luật (cấp THPT).

Ở cấp Tiểu học, môn Đạo đức giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp HS tiếp cận hai mục tiêu nhằm hình thành, phát triển ý thức và các chuẩn mực thái độ, hành vi của người công dân:

1. Bước đầu hình thành, phát triển ở HS những hiểu biết ban đầu về chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và sự cần thiết thực hiện theo các chuẩn mực đó; có trách nhiệm với thái độ, hành vi của bản thân.

2. Bước đầu nhận biết và điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi ứng xử của bản thân đối với gia đình, cộng đồng; biết lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cá nhân, hình thành thói quen, nền nếp cơ bản, cẩn thiết trong học tập, sinh hoạt.

2. YÊU CẦU CẨN ĐẠT CỦA VIỆC DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC

Theo Chương trình giáo dục phổ thông, môn Giáo dục công dân nói chung và môn Đạo đức nói riêng một mặt cùng các môn học, hoạt động giáo dục khác góp phần giúp HS hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo); mặt khác tập trung giúp HS hình thành, phát triển các năng lực đặc thù của môn học (năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội).

Ở cấp Tiểu học, yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù được chương trình môn học quy định như sau:

2.1. Năng lực điều chỉnh hành vi

a. Nhận thức chuẩn mực hành vi

– Nhận biết được một số chuẩn mực hành vi đạo đức và pháp luật thường gặp phù hợp với lứa tuổi và sự cần thiết của việc thực hiện theo các chuẩn mực đó.

* Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Có kiến thức cần thiết, phù hợp để nhận thức, quản lý, tự bảo vệ bản thân và duy trì mối quan hệ hoà hợp với bạn bè.

– Nhận biết được sự cần thiết của giao tiếp và hợp tác, trách nhiệm của bản thân và của nhóm trong hợp tác.

b. Đánh giá hành vi của bản thân và người khác

– Nhận xét được tính chất đúng/sai, tốt/xấu, thiện/ác của một số thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và bạn bè.

– Thể hiện được thái độ đồng tình với cái thiện, cái đúng, cái tốt; không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu.

– Nhận xét được thái độ của đối tượng giao tiếp; nhận biết được đặc điểm nổi bật của các thành viên trong nhóm để phân công công việc và hợp tác.

c. Điều chỉnh hành vi

– Tự làm được những việc phù hợp, vừa sức ở nhà và ở trường; không dựa dẫm vào người khác.

– Bước đầu biết điều chỉnh và nhắc nhở bạn bè điều chỉnh cảm xúc, thái độ, hành vi, thói quen của bản thân phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và lứa tuổi; biết sửa chữa sai sót, khuyết điểm.

– Thực hiện được một số hoạt động cần thiết, phù hợp để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với bạn bè.

– Bước đầu biết thực hành tiết kiệm và sử dụng tiền bạc hợp lí.

2.2. Năng lực phát triển bản thân

a. Tư nhân thức bản thân

Nhận biết được một số điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

b. Lập kế hoạch phát triển bản thân

– Nêu được các loại kế hoạch cá nhân, sự cần thiết phải lập kế hoạch cá nhân, cách lập kế hoạch cá nhân.

– Lập được kế hoạch cá nhân của bản thân.

c. Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân

– Thực hiện được các công việc theo kế hoạch đã đề ra.

– Có ý thức học hỏi, làm theo những gương tốt để hoàn thiện, phát triển bản thân.

2.3. Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội

a. Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội

– Bước đầu nhận biết được một số khái niệm cơ bản về xã hội và quan sát xã hội.

– Bước đầu biết quan sát, tìm hiểu về gia đình, quê hương, đất nước, các hành vi ứng xử trong đời sống hằng ngày.

– Nhận biết được vai trò của tiền bạc; sự cần thiết phải bảo quản, tiết kiệm, sử dụng tiền bạc hợp lí.

b. *Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội*

– Bước đầu nêu được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề đơn giản, phù hợp về đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống.

– Có cách cư xử, thói quen, nền nếp cơ bản, cần thiết trong học tập, sinh hoạt.

– Đề xuất được phương án phân công công việc phù hợp; thực hiện được nhiệm vụ của bản thân; biết trao đổi, giúp đỡ thành viên khác để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ trong nhóm.

– Tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi do nhà trường, địa phương tổ chức.

Trên cơ sở này, chương trình môn học sẽ xác định các mức độ cần đạt đối với từng năng lực cho từng lớp; đồng thời các SGK cũng căn cứ vào cơ sở này để lựa chọn, thiết kế những nội dung dạy học thích hợp.

3. NỘI DUNG GIÁO DỤC MÔN ĐẠO ĐỨC

Ở cấp Tiểu học, chương trình môn Đạo đức quy định nội dung giáo dục gồm:

– Giáo dục đạo đức: trọng tâm là các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm;

– Giáo dục kỹ năng sống: trọng tâm là các kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân và tự bảo vệ;

– Giáo dục kinh tế: chủ yếu là hoạt động tiêu dùng;

– Giáo dục pháp luật: chủ yếu là chuẩn mực hành vi pháp luật.

Trên cơ sở này, nội dung dạy học môn Đạo đức lớp 1 được quy định qua 8 chủ đề cụ thể: 1) *Yêu thương gia đình*; 2) *Quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình*; 3) *Tự giác làm việc của mình*; 4) *Thật thà*; 5) *Sinh hoạt nền nếp*; 6) *Thực hiện nội quy trường, lớp*; 7) *Tự chăm sóc bản thân*; 8) *Phòng, tránh tai nạn, thương tích*.

4. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG SÁCH GIÁO KHOA ĐẠO ĐỨC 1

Để quá trình tổ chức các hoạt động dạy học được thuận lợi, phù hợp với khả năng nhận thức, đặc điểm tâm sinh lý của HS và thời lượng tiết học ở Tiểu học, đồng thời đảm bảo thể hiện chính xác, đầy đủ, rõ ràng nội dung và mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực HS của chương trình, từ 8 chủ đề trong chương trình, SGK *Đạo đức 1* được chia thành 14 bài học. Cụ thể:

- Bài 1. *Mái ấm gia đình* (2 tiết).
- Bài 2. *Quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ* (2 tiết);
- Bài 3. *Anh chị em quan tâm, giúp đỡ nhau* (2 tiết).
- Bài 4. *Tự giác làm việc ở trường* (2 tiết);
- Bài 5. *Tự giác làm việc ở nhà* (2 tiết).
- Bài 6. *Không nói dối và biết nhận lỗi* (2 tiết);
- Bài 7. *Không tự ý lấy và sử dụng đồ của người khác* (2 tiết);
- Bài 8. *Trả lại của rơi* (2 tiết).
- Bài 9. *Sinh hoạt nền nếp* (2 tiết).
- Bài 10. *Cùng thực hiện nội quy trường, lớp* (2 tiết).
- Bài 11. *Tự chăm sóc bản thân* (3 tiết).
- Bài 12. *Phòng, tránh đuối nước* (3 tiết);
- Bài 13. *Phòng, tránh tai nạn trong sinh hoạt* (3 tiết);
- Bài 14. *Phòng, tránh tai nạn giao thông* (3 tiết).

Như vậy:

- Thời lượng giáo dục đạo đức: 10 bài x 2 tiết = 20 tiết (khoảng 60% tổng thời lượng);
- Thời lượng giáo dục kỹ năng sống: 4 bài x 3 tiết = 12 tiết (khoảng 30% tổng thời lượng);
- Thời lượng đánh giá định kì: 3 tiết (khoảng 10% tổng thời lượng).

Theo cách thiết kế trên, cấu trúc nội dung và phân bổ thời lượng dạy học trong SGK *Đạo đức 1* đáp ứng quy định của chương trình. Tuy nhiên, đây chỉ là cấu trúc và phân bổ mang tính định hướng. Khi thực hiện, GV có thể căn cứ vào yêu cầu cần đạt đã quy định trong chương trình và thực tế dạy học ở mỗi lớp để chủ động thiết kế giáo án, sắp xếp nội dung và phân bổ thời lượng một cách thích hợp (xem thêm ma trận *Mức độ yêu cầu cần đạt các năng lực đặc thù trong SGK Đạo đức 1* ở Phụ lục cuối sách).

5. CẤU TRÚC BÀI HỌC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC ĐẠO ĐỨC 1

5.1. Cấu trúc bài học

Dựa trên cơ sở *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa** (sau đây viết gọn là *Quy định tiêu chuẩn, quy trình*

* Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

bìa soạn, chỉnh sửa SGK): “Cấu trúc bài học trong SGK bao gồm các thành phần cơ bản sau: mở đầu, kiến thức mới, luyện tập, vận dụng” (mục 2, Điều 7), bài học trong SGK *Đạo đức 1* bao gồm 4 thành phần cơ bản: *khởi động, khám phá, luyện tập, thực hành*.

Khởi động: là hoạt động nhằm kích hoạt vốn kiến thức, kỹ năng đã có của HS, tạo tâm thế, hứng thú để chuẩn bị bước vào bài học, tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới.

Về bản chất, phần *khởi động* này tương ứng với thành phần *mở đầu* trong cấu trúc bài học theo *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK*.

Khám phá: là hoạt động giúp HS tự nhận thức, tự chiếm lĩnh kiến thức mới hoặc hình thành nhận thức mới đúng hơn, tốt hơn, chính xác hơn về một vấn đề thông qua hệ thống các câu hỏi/giải pháp/tình huống phù hợp với nội dung và mức độ yêu cầu cần đạt đã được quy định trong chương trình.

Về bản chất, phần *khám phá* này tương ứng với thành phần *kiến thức mới* trong cấu trúc bài học theo *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK*.

Luyện tập: là hoạt động giúp HS củng cố, mở rộng, phát triển kiến thức, nhận thức vừa khám phá và rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống phù hợp với nội dung và mức độ yêu cầu cần đạt đã được quy định trong chương trình.

Về bản chất, phần luyện tập trong SGK *Đạo đức 1* tương ứng với thành phần *luyện tập* trong cấu trúc bài học theo *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK*.

Thực hành: là hoạt động giúp HS bước đầu biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã khám phá và luyện tập để giải quyết một số vấn đề trong thực tế gia đình, nhà trường và xã hội phù hợp với nội dung và mức độ yêu cầu cần đạt đã được quy định trong chương trình.

Về bản chất, phần *thực hành* trong SGK *Đạo đức 1* tương ứng với thành phần *vận dụng* (ở mức độ thấp nhất) trong cấu trúc bài học theo *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK*.

5.2. Các hoạt động dạy học

Khởi động

Trong SGK *Đạo đức 1*, các tác giả có đưa ra nội dung khởi động nhưng cẩn hiểu đó chỉ là một gợi ý mang tính định hướng giúp GV kết nối hoạt động tạo tâm thế, hứng thú của HS với hoạt động dẫn dắt HS vào bài học.

Khám phá

Trong SGK *Đạo đức 1*, các hoạt động *khám phá* bao gồm:

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi

Hoạt động 2: Thảo luận

Hoạt động 3: Chia sẻ

Luyện tập

Trong SGK *Đạo đức 1*, các hoạt động *luyện tập* bao gồm:

Hoạt động 1: Xử lý tình huống

Hoạt động 2: Liên hệ bản thân

Thực hành

Trong SGK *Đạo đức 1*, các hoạt động *thực hành* bao gồm:

Hoạt động 1: Những thực hành trên lớp

Hoạt động 2: Những thực hành trong thực tiễn cuộc sống.

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐẠO ĐỨC 1

6.1. Định hướng chung

Chương trình môn Giáo dục công dân (trong đó có môn Đạo đức) đã giới thiệu một cách khái quát 4 nguyên tắc giáo dục phù hợp với đặc trưng môn học, đó là:

“1. Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh họa để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kỹ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

2. Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu; xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hàng ngày; thảo luận nhóm; đóng vai; dự án;...

3. Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kỹ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

4. Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội”.

Từ những nguyên tắc trên, GV có thể nhận thức rõ hơn về PPDH theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học qua những mở rộng sau đây:

Thứ nhất, thay cho cách tiếp cận “HS biết cái gì từ những điều đã học?”, chương trình giáo dục phổ thông hiện nay chú trọng đến mục tiêu “HS biết làm gì từ những điều

đã học?"; do vậy, tinh thần của dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực là phát huy tối đa tiềm năng của mỗi cá nhân HS, giúp HS tự tìm tòi, khám phá tri thức dựa trên khả năng, sở thích và mối quan tâm riêng của mình, giúp HS làm chủ tri thức và vận dụng tri thức vào thực tế cuộc sống, thúc đẩy tư duy sáng tạo, phản biện và khả năng giải quyết vấn đề, nhấn mạnh đến các tinh huống thực tế cuộc sống và thông qua kĩ năng giải quyết các tinh huống đó, tạo điều kiện để HS có thể rút ra kinh nghiệm và kiến tạo tri thức cho riêng mình...

Thứ hai, những yêu cầu cơ bản đối với PPDH theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực là:

– Quá trình dạy học được tổ chức thành các hoạt động học tập trên cơ sở phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của người học, từ đó giúp HS tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn;

– Trong quá trình dạy học, GV tổ chức, hướng dẫn để HS biết huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau chứ không phải chỉ biết kiến thức, kĩ năng chuyên biệt của môn học;

– Mục tiêu dạy học là nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập; tạo điều kiện để HS biết vận dụng sáng tạo, linh hoạt những kiến thức, kĩ năng mới, qua đó phát triển được những năng lực cần thiết trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống.

Thứ ba, để đáp ứng những yêu cầu cơ bản trên, bản chất của đổi mới PPDH giờ đây không phải được thể hiện ở chỗ GV có ý thức, khả năng, điều kiện vận dụng các phương pháp, phương tiện, biện pháp dạy học hiện đại hay không mà là ở chỗ các phương pháp, phương tiện, biện pháp dạy học đó có ưu tiên cho việc tích hợp, thực hành vận dụng kiến thức, gắn các nội dung học tập với trải nghiệm của HS, đặt người học vào các tinh huống của thực tiễn đời sống để yêu cầu phát biểu suy nghĩ và đề xuất các giải pháp hành động... hay không.

Nói cách khác, đổi mới PPDH không phải là đánh giá xem phương pháp đó là truyền thống hay hiện đại mà là sự vận dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện dạy học và hiệu quả của nó đổi với mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực người học theo các yêu cầu cần đạt do chương trình đề ra. Khi GV tổ chức các hoạt động học tập cho HS theo tinh thần chú ý đến việc rèn luyện phương pháp tư duy, khả năng tự học, nhu cầu hành động và thái độ tự tin; có sự kết hợp giữa học tập cá thể (hình thức học cá nhân) với học tập hợp tác (hình thức học theo nhóm, theo lớp); chú trọng kết hợp học với hành, nâng cao tri thức với rèn luyện các kĩ năng, gắn với thực tiễn cuộc sống; phát huy thế mạnh của các PPDH tiên tiến, hiện đại, các phương tiện, thiết bị dạy học và những ứng dụng của công nghệ thông tin nhưng vẫn kết hợp hài hòa với các PPDH truyền thống... thì khi đó mới có thể nói được là GV đã thực sự đổi mới PPDH.

6.2. Định hướng dạy học theo SGK Đạo đức 1

Khi sử dụng SGK *Đạo đức 1*, trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học, GV cần chú ý thêm một số điểm sau:

– SGK *Đạo đức 1* hạn chế tối đa kẽm chữ và sử dụng tối đa kẽm hình với nhiều tính chất, nội dung, chức năng khác nhau (minh họa nội dung, diễn tả tình huống, yêu cầu HS miêu tả nội dung hình hoặc liên kết các hình để kể thành câu chuyện, v.v.). GV cần hiểu được tính chất, nội dung, chức năng của từng hình ảnh để có hướng khai thác một cách chính xác và hiệu quả nhất.

– SGK *Đạo đức 1* sử dụng câu hỏi ở các mức độ khác nhau (nhận biết, lựa chọn đúng/sai, đồng tình/không đồng tình, phân biệt lợi ích/tác hại của ứng xử theo chuẩn mực hành vi/ không theo chuẩn mực hành vi, v.v.). GV cần phân biệt tính chất, độ khó của câu hỏi và chủ động quan sát lớp học để kịp thời gợi ý, hỗ trợ HS trả lời, không để HS bị áp lực khi khám phá nội dung bài học và không để lớp rơi vào những khoảng trống nặng nề.

– SGK *Đạo đức 1* đưa vào một số hoạt động sắm vai để giúp HS luyện tập, thực hành một cách sinh động, hấp dẫn. GV cần có sự chuẩn bị (hoặc hướng dẫn HS chuẩn bị) về đạo cụ, trang phục, không gian... để hoạt động có thể diễn ra nhanh, gọn, an toàn và hấp dẫn.

– SGK *Đạo đức 1* có một số hoạt động thảo luận, chia sẻ. GV cần chú ý đến việc linh hoạt trong cách chia nhóm (nhóm lớn, nhóm nhỏ, nhóm cố định, nhóm ngẫu nhiên; nhóm theo giới tính; nhóm theo sở thích...); theo dõi và phát triển các quan hệ giao tiếp, hợp tác cũng như các đức tính nhường nhịn, hoà nhã; khuyến khích HS đề xuất và trao đổi, lựa chọn cách xử lý đối với một số tình huống sinh động, gần gũi với đời sống và phù hợp với HS... để quá trình dạy học đồng thời đạt được nhiều mục tiêu.

Ngoài ra, vì chương trình môn Đạo đức, cũng như chương trình các môn học khác, đều được xây dựng theo hướng mở (chỉ quy định những yêu cầu cần đạt và những nội dung dạy học cơ bản, cốt lõi nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt) cho nên trong quá trình sử dụng quyển SGK *Đạo đức 1* này, căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chương trình, GV hoàn toàn có thể chủ động, sáng tạo trong việc mở rộng, thay thế một số hình ảnh, tình huống, câu hỏi, hoạt động sắm vai... miễn sao phù hợp và đạt hiệu quả dạy học cao nhất.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP ĐẠO ĐỨC 1

Trong Chương trình giáo dục 2018, yêu cầu đổi mới căn bản phương pháp đánh giá chất lượng giáo dục theo hướng hỗ trợ phát triển phẩm chất và năng lực HS; phản ánh mức độ đạt chuẩn quy định trong chương trình; cung cấp thông tin chính xác, khách quan, kịp thời cho việc điều chỉnh hoạt động dạy, hướng dẫn hoạt động học nhằm nâng cao dần năng lực HS đã thực sự trở thành điểm nhấn của dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học nói chung.

Nhìn chung, đánh giá theo phát triển phẩm chất, năng lực là đánh giá mức độ đạt được của HS về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học nhằm ghi nhận sự tiến bộ và những điểm còn hạn chế của mỗi HS tại thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của bản thân; đồng thời cung cấp thông tin để GV điều chỉnh việc dạy học và cơ quan quản lý giáo dục thực hiện phát triển chương trình.

Đánh giá các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm* của HS chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS khi tham gia, thực hiện các hoạt động học tập.

Đánh giá các *năng lực chung* và *năng lực đặc thù* là đánh giá kết hợp cả ba yếu tố kiến thức, kỹ năng, thái độ trong quá trình học tập theo yêu cầu cần đạt về năng lực thông qua các sản phẩm đầu ra như: các câu trả lời, các bài tập, bài nghiên cứu, bài viết, các tư liệu HS thu thập được, các tranh vẽ, kịch bản, clip... mà HS thực hiện được và thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập trên lớp, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng cũng như trong sinh hoạt và giao tiếp hằng ngày.

Để đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập môn Đạo đức của HS lớp 1 nói riêng, GV cần lưu ý một số yêu cầu sau:

– Khi đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập, công cụ đánh giá chỉ nên là những bài trắc nghiệm vừa sức, chủ yếu để HS lựa chọn 1 trong 2 phương án đúng/sai, nên/không nên, có lợi/có hại, v.v.

– Đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, hoạt động tập thể.

– Đánh giá quá trình học tập trên lớp cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình sinh hoạt ở nhà và tham gia các hoạt động cộng đồng.

– Kết quả đánh giá toàn diện HS phải là sự kết hợp của các loại hình đánh giá: GV đánh giá, HS tự đánh giá bản thân, bạn bè đánh giá lẫn nhau, phụ huynh đánh giá con em...; trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất.

* Hiện nay, việc tổ chức dạy học nói chung, đánh giá kết quả giáo dục, dạy học nói riêng ở bậc Tiểu học vẫn đang thực hiện theo Thông tư số 3866/BGDDT-GDTH ngày 26/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo *Hướng dẫn chuẩn bị tổ chức dạy học đối với lớp 1 năm học 2020 – 2021*. Khi chính thức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ ban hành những văn bản hướng dẫn cần thiết về tổ chức dạy học nói chung, đánh giá kết quả giáo dục, dạy học nói riêng để giúp GV thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

8. TÀI NGUYÊN DẠY HỌC ĐẠO ĐỨC 1

Hỗ trợ trực tiếp cho việc sử dụng SGK Đạo đức 1 trong suốt quá trình dạy học là *Vở bài tập Đạo đức 1* và *Kể chuyện Đạo đức 1*.

Vở bài tập Đạo đức 1 là tài liệu hỗ trợ được thiết kế bám sát những mức độ yêu cầu cần đạt của 14 bài học trong SGK Đạo đức 1 nhằm giúp HS luyện tập, củng cố, mở rộng kiến thức trong giờ học thông qua các dạng bài tập chủ yếu: lựa chọn các phương án đúng/sai, nêu/không nêu, đồng tình/không đồng tình; giải các bài tập nối chữ – hình, điền khuyết, trắc nghiệm; xử lý tình huống,...

Kể chuyện Đạo đức 1 là tài liệu tham khảo thiết yếu, gồm một số câu chuyện ngắn gọn, sinh động, hấp dẫn, có nội dung gần gũi với các bài học trong SGK Đạo đức 1, có hình minh họa và hệ thống câu hỏi sau mỗi văn bản để một mặt giúp GV mở rộng bài học, xây dựng hoạt cảnh, thiết kế tình huống trong dạy học; mặt khác để HS tự đọc hoặc phụ huynh sử dụng để đọc, kể cho con em ở nhà, qua đó giúp HS tiếp nhận các giá trị đạo đức một cách nhẹ nhàng, tự nhiên, góp phần hình thành ở các em niềm say mê đọc sách.

Ngoài ra, vì SGK Đạo đức 1 là sản phẩm của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN), được biên soạn dưới sự chỉ đạo trực tiếp của NXBGDVN cho nên khi sử dụng sản phẩm này, GV sẽ nhận được sự hỗ trợ cực kì to lớn của NXBGDVN.

Trước hết, NXBGDVN đảm bảo GV sẽ có điều kiện tiếp cận với một nguồn tài nguyên đồ sộ, đa dạng, phong phú (gồm sách tham khảo, tranh ảnh, đồ dùng dạy học...) và nhiều học liệu điện tử do các đơn vị thành viên của NXBGDVN tổ chức biên soạn, thiết kế.

Trong quá trình dạy học, GV hoàn toàn có thể, trên cơ sở của SGK Đạo đức 1, khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên của NXBGDVN để xây dựng các tình huống, sử dụng các tranh ảnh, video clip, mở rộng hoặc làm mới nội dung bài học bằng những câu chuyện đạo đức, thiết kế các hoạt động trải nghiệm, v.v. phù hợp với mục tiêu từng bài học để quá trình dạy học thực sự là quá trình tích hợp, huy động kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau; đồng thời quá trình dạy học cũng là quá trình phát triển năng lực, nghiệp vụ sư phạm cho GV.

Thứ hai, khi chuyển từ cách dạy truyền thụ kiến thức sang cách dạy phát triển phẩm chất, năng lực, GV sẽ rất cần được tập huấn, bồi dưỡng để nắm bắt được những cái mới về mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá... theo chương trình mới.

Để giúp GV sử dụng SGK của NXBGDVN một cách hiệu quả nhất, cùng với các hoạt động tập huấn trực tiếp, NXBGDVN còn phát triển hệ thống tập huấn qua mạng (taphuan.nxbgd.vn) để đảm bảo cho tất cả GV, cán bộ quản lí giáo dục được tiếp cận trực tiếp bài giảng, giải đáp của chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK, qua đó tiếp nhận đầy đủ và có thể vận dụng sáng tạo ý tưởng, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học của SGK mới vào dạy học, quản lí dạy học tại địa phương.

Thứ ba, cùng với việc xuất bản SGK giấy, NXBGDVN còn tổ chức xuất bản SGK điện tử (hanhtrangso.nxbgd.vn) trên cơ sở ứng dụng những thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin, giúp “động hóa” các thông tin từ kênh hình, các cơ chế, quá trình; kết hợp được hình ảnh, âm thanh, chữ viết trong việc thể hiện nội dung kiến thức; linh hoạt trong việc bổ sung, hoàn thiện kiến thức.

Theo đó, SGK điện tử Đạo đức 1 là phiên bản điện tử của SGK Đạo đức 1, được thực hiện tích hợp truyền thông đa phương tiện, liên thông nội dung SGK với các nguồn thông tin điện tử có liên quan như các tệp âm thanh, hình ảnh, clip, video,...; những hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học cần thiết; những hướng dẫn trả lời câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra và đáp án; những giáo án, bài giảng mẫu, v.v.



Phần hai

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 1

Bài 1

MÁI ẤM GIA ĐÌNH

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- *Nêu được một số biểu hiện của tình yêu thương gia đình;*
- *Nhận biết được sự cần thiết của tình yêu thương gia đình;*
- *Đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương; không đồng tình với thái độ, hành vi không thể hiện tình yêu thương gia đình;*
- *Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương đối với người thân trong gia đình.*

KHỞI ĐỘNG

HS lớp 1 đã biết khá nhiều bài hát ngắn, vui, dễ hát về gia đình. Bài hát *Ba ngọn nến lung linh* (sáng tác: Ngọc Lễ) mà SGK giới thiệu chỉ là một gợi ý. GV có thể chọn một bài hát khác có cùng chủ đề (ví dụ: *Niềm vui gia đình* của Hoàng Vân, *Cả nhà thương nhau* của Phạm Văn Minh, *Gia đình nhỏ, hạnh phúc to* của Nguyễn Văn Chung, v.v.) và cho cả lớp hát để vừa tạo tâm thế, hứng thú, vừa kết nối HS với nội dung bài học.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi

Khi xem hình, HS có thể trả lời câu hỏi theo nhiều cách hiểu khác nhau. Ví dụ, hình 1: thể hiện tình cảm yêu thương; bồ mót lĩnh lương; bồ thường cho hai chị em... Hình 2: con chưa biết chải tóc; mẹ chăm sóc con; con làm nũng mẹ...

GV cần động viên, khích lệ những ý đúng trong các câu trả lời của HS để từ đó dẫn dắt HS tiếp cận nội dung chính của bài học: tình yêu thương gia đình.

Hoạt động 2: Thảo luận

Tùy theo hoàn cảnh, GV có thể chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận về việc làm thể hiện tình yêu thương gia đình trong một hình hoặc cho cả lớp phát biểu, thảo luận về từng việc làm thể hiện trong mỗi hình.

- Hình 1: Đại gia đình gồm ông, bà, cha, mẹ, các con quây quần bên nhau trong ngày Tết.
- Hình 2: Mẹ quàng khăn ấm cho con trước khi con đến trường.

- Hình 3: Bố làm việc miệt mài trên máy tính; con trai rót nước mang đến mời bố uống.
- Hình 4: Con trai vẽ chân dung tặng mẹ; mặc dù nét vẽ còn chưa đẹp nhưng người mẹ vẫn xúc động đón nhận món quà của con.

Sau khi HS đã thảo luận về từng việc làm, GV bước đầu có thể đưa ra ý khái quát: Tình yêu thương gia đình luôn được mọi người thể hiện mọi lúc, mọi nơi, không phân biệt vùng miền, dân tộc; không chỉ là ông bà, cha mẹ yêu thương con cháu mà con cháu cũng phải biết yêu thương ông bà, cha mẹ.

Hoạt động 3: Chia sẻ

Để bước chuyển tiếp từ hoạt động 2 sang hoạt động 3 được tự nhiên, liền mạch, GV cần có những lời dẫn phù hợp.

Gợi ý: Tình yêu thương đem lại niềm vui, hạnh phúc cho gia đình. Tuy nhiên, do tuổi còn nhỏ, cũng có những khi các em quên hoặc chưa ý thức được điều này. Hãy xem các hình ở mục *Chia sẻ* và cho biết ý kiến của mình nhé.

a. Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào? Vì sao?

- Hình 1: Cả nhà quây quần quanh mâm cơm; bố mẹ gấp thức ăn cho con.
- Hình 2: Bố cẩn thận cài quai mũ bảo hiểm cho con trước khi chở con đi học.
- Hình 3: Anh mải mê chơi đồ chơi một mình, để mặc em đứng phụng phịu, buồn bã.
- Hình 4: Mẹ giúp con chuẩn bị bài cho ngày mai đi học.

Sau khi quan sát các hình, HS có thể dễ dàng đồng tình với việc làm ở các hình 1, 2, 4 và không đồng tình với việc làm ở hình 3. Tuy nhiên, để phát triển toàn diện nhận thức cho HS, GV nên tổ chức cho HS thảo luận sâu hơn về tình huống ở hình 3.

Gợi ý:

- Nếu các câu hỏi như:
 - + Vì sao em không đồng tình với việc làm của bạn?
 - + Em sẽ khuyên bạn thế nào trong tình huống này?, v.v.
- Có thể khi thảo luận về cách xử lý tình huống này, HS sẽ đưa ra những ý kiến khác nhau (phải nhường nhịn em; cho em chơi cùng; không cho em chơi cùng vì sợ em làm hỏng đồ chơi; không cho em chơi cùng vì em không biết chơi đồ chơi đó...); vì vậy, GV cần chuẩn bị các phương án đối thoại sao cho vừa tôn trọng suy nghĩ của các em, vừa đảm bảo định hướng giáo dục của bài học.

Ví dụ: GV có thể hướng dẫn HS trả lời tiếp những câu hỏi như:

- + Em cảm thấy thế nào khi để em gái đứng một mình, không có gì chơi?
- + Nếu sợ em gái làm hỏng đồ chơi của mình, em cần làm gì?

+ Nếu em gái chưa biết chơi đồ chơi đó, em sẽ làm gì?, v.v.

Mục tiêu cuối cùng ở đây là giúp các em nhận biết được điều cơ bản: cần đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương; không đồng tình với thái độ, hành vi không thể hiện tình yêu thương trong gia đình.

b. Kể thêm một số việc làm thể hiện tình yêu thương gia đình.

SGK chỉ nêu một số biểu hiện về tình yêu thương gia đình. Vì thế, trong hoạt động này, GV cần gợi ý, động viên, khuyến khích để HS, xuất phát từ thực tế của gia đình mình, nêu lên những biểu hiện phong phú, đa dạng khác về tình yêu thương.

Ví dụ: bố mẹ mua quần áo, sách vở, bánh kẹo... cho con; bố, mẹ đưa đón con đi học; ông bà kể chuyện cho cháu nghe; con cái ngoan ngoãn, vâng lời ông bà, cha mẹ, giúp bố mẹ những việc nhỏ trong nhà, v.v.

c. Với HS lớp 1, những câu hỏi dạng “vì sao...” thường là câu hỏi khó. Để giúp HS trả lời câu hỏi *Vì sao trong gia đình, mọi người phải yêu thương nhau?* được dễ dàng hơn, GV cần chuẩn bị một số câu hỏi gợi ý, giúp HS có thể nhìn nhận vấn đề từ nhiều khía cạnh cụ thể. Ví dụ:

– Khi mọi người yêu thương nhau, không khí gia đình sẽ như thế nào?

– Nếu bố mẹ không yêu thương em mà chỉ đánh đòn, la mắng, trách phạt..., em sẽ cảm thấy thế nào?

– Khi em biết yêu thương ông bà, cha mẹ thì ông bà, cha mẹ sẽ đón nhận tình cảm của em ra sao?, v.v.

Trên cơ sở những câu trả lời của HS, GV có thể kết luận để HS nhận biết được: Trong gia đình, mọi người đều là ruột thịt, cùng sống chung dưới một mái nhà, vì thế mọi người phải yêu thương nhau để gia đình được yên ấm, hạnh phúc, vui vẻ.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 1

Về thực chất, đây cũng là hoạt động *Xem hình và trả lời câu hỏi* như hoạt động 1 ở phần *Khám phá* nhưng có yêu cầu cao hơn.

GV phải hướng dẫn HS liên kết 4 hình để hình dung được câu chuyện: Gia đình bạn Quân gồm bố, mẹ và Quân. Một buổi chiều, trời mưa to khiến bố Quân chưa về nhà được. Mẹ Quân đứng trước cửa nhà, nhìn ra trời mưa, lo lắng cho bố. Tuy còn nhỏ nhưng Quân cũng biết chia sẻ nỗi lo với mẹ và quyết định đợi bố về để cả nhà cùng ăn cơm tối cho đỡ vui.

Sau khi HS hình dung được câu chuyện, GV hướng dẫn để HS phát hiện và xác định ý nghĩa của những lời nói, việc làm thể hiện tình yêu thương của những người trong gia đình Quân. Ví dụ:

- Cử chỉ của mẹ: đứng đợi bố về (yêu thương bố); xoa đầu con (yêu thương con).
- Cử chỉ của Quân: đến bên mẹ (chia sẻ nỗi lo lắng với mẹ).
- Lời nói của mẹ: *Chưa thấy bố về, con a.* (yêu thương bố); *Con có đòi không?* (quan tâm đến con).
- Lời nói của Quân: *Sao mẹ lo lắng thế a?* (quan tâm đến mẹ); *Mình đợi bố về cùng ăn, mẹ nhé!* (quan tâm đến bố).

Hoạt động 2

Về thực chất, đây là hoạt động cung cấp cho hoạt động lựa chọn đồng tình/không đồng tình ở mục *Chia sẻ* nhưng có yêu cầu cao hơn.

Tình huống mà SGK giới thiệu khá đơn giản. HS dễ dàng không đồng tình với việc trêu chọc em của bạn Hải; nhưng ở ý thứ hai: *Nếu là bạn Hải, em sẽ làm gì?*, câu trả lời của HS có thể rất khác nhau (không trêu chọc em; nhường đồ chơi cho em; cùng chơi với em, v.v.). GV nên động viên, khuyến khích HS tự đặt mình vào vị trí của nhân vật Hải trong tình huống để đưa ra cách xử lí của riêng mình, không rập khuôn, máy móc.

Để làm được điều này, GV cần chuẩn bị một số câu hỏi gợi ý để HS có thể tiếp tục đưa ra cách xử lí của mình sau khi bạn đã đưa ra cách xử lí của bạn.

Ví dụ:

- Ngoài ý kiến của bạn..., em nào có ý kiến khác?
- Các em thích ý kiến của bạn... hay ý kiến của bạn...?
- Các em thấy có thể làm thế này được không?, v.v.

Mục tiêu cuối cùng ở đây là giúp các em cùng có được yêu cầu cơ bản: cần đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương; không đồng tình với thái độ, hành vi không thể hiện tình yêu thương trong gia đình.

Hoạt động 3

Để HS có thể kể lại một việc đã làm thể hiện tình yêu thương đối với ông bà, cha mẹ của mình, GV có thể: a) Cho HS chuẩn bị trước ở nhà để phát biểu trong giờ học; hoặc b) Xem đây như một bài tập, HS về nhà chuẩn bị và vào buổi học sau, GV cho một vài HS phát biểu trước lớp.

THỰC HÀNH

Hoạt động 1: Săm vai

SGK chỉ giới thiệu 2 tình huống: 1) *Khi bố, mẹ đi làm về*; 2) *Khi ông, bà ở quê lên thăm*. Tuỳ theo điều kiện, hoàn cảnh, GV có thể lựa chọn, xây dựng các tình huống tương tự khác như: khi em đi học về; khi bố, mẹ đi làm về muộn; khi em về quê thăm ông bà, v.v.

Để đảm bảo thời lượng, GV chỉ nên đặt ra những yêu cầu đơn giản về lời nói, động tác, thái độ cần thể hiện trong mỗi tình huống; mỗi tình huống chỉ nên yêu cầu 2, 3 HS tham gia.

Sau khi HS thực hiện xong hoạt động sắm vai, GV có thể cho cả lớp nhận xét, đánh giá để biếu dương, rút kinh nghiệm.

Hoạt động 2

SGK chỉ giới thiệu 3 tình huống. Để mở rộng phạm vi thực hành, GV cần nhắc lại những kiến thức đã học trong bài (ví dụ: câu b của mục *Chia sẻ: Kể thêm một số việc làm thể hiện tình yêu thương gia đình*), giúp HS có thêm cơ sở vận dụng hiệu quả bài học vào thực tế cuộc sống.

GHI NHỚ

Kết thúc bài học, GV cho HS học thuộc lòng câu: *Gia đình là nơi bắt đầu của mọi yêu thương*.



Bài 2

QUAN TÂM, CHĂM SÓC ÔNG BÀ, CHA MẸ

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- *Nêu được một số biểu hiện của quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ (lễ phép, vâng lời, hiểu thảo);*
- *Nhận biết được sự cần thiết của quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ;*
- *Đồng tình với thái độ, hành vi quan tâm, chăm sóc; không đồng tình với thái độ, hành vi chưa quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ;*
- *Thực hiện được những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ trong gia đình em.*

KHỞI ĐỘNG

HS lớp 1 đã biết khá nhiều bài hát ngắn, vui, dễ hát về sự quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình. Bài hát *Cháu yêu bà* (sáng tác: Xuân Giao) mà SGK giới thiệu chỉ là một gợi ý. GV có thể chọn một bài hát khác có cùng chủ đề (ví dụ: *Mùa cho mẹ xem* của Xuân Giao, *Cả nhà thương nhau* của Phạm Văn Minh, *Gia đình nhỏ, hạnh phúc to* của Nguyễn Văn Chung, v.v.) hoặc đọc cho cả lớp nghe một bài thơ ngắn (ví dụ: *Lấy tăm cho bà* của Định Hải, *Thương ông* của Tú Mỡ, *Yêu mẹ* của Nguyễn Bao, *Về quê* của Nguyễn Lãm Thắng, v.v.) để vừa tạo tâm thế, hứng thú, vừa kết nối HS với nội dung bài học.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi

Khi xem hình, HS có thể dễ dàng trả lời các câu hỏi:

- Hình 1: Minh lễ phép, khoanh tay chào mẹ.
- Hình 2: Mai lễ phép vâng lời ông.
- Hình 3: Lan đỡ tay giúp ông đi đứng.
- Hình 4: Hai bạn tặng hoa và quà cho mẹ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3.

GV cần động viên, khích lệ những ý đúng trong các câu trả lời của HS để từ đó dẫn dắt HS tiếp cận nội dung chính của bài học: Trong gia đình, các em phải biết quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ.

Hoạt động 2: Thảo luận

a. Bạn Thảo có vâng lời bố và lễ phép với bà không?

Hoạt động này có yêu cầu cao hơn hoạt động 1 ở chỗ: HS phải biết liên kết nội dung 2 hình và chú ý đến bóng nói ở từng hình để xác định câu trả lời:

- Hình 1: Bố đưa điện thoại cho Thảo và nói Thảo hỏi thăm bà ngoại.
- Hình 2: Thảo nói chuyện với bà ngoại nhưng bóng nói cho thấy lời nói của Thảo chưa lễ phép.

Để khai thác tình huống trên, GV không nên dừng lại ở việc chỉ yêu cầu HS lựa chọn câu trả lời *có/không* mà nên gợi ý để HS trả lời thêm các câu hỏi như:

- Khi bố đưa điện thoại và nói Thảo hỏi thăm bà, Thảo có vâng lời bố không?
- Khi nói chuyện với bà, lời nói của Thảo có lễ phép không? Vì sao?
- Nếu em là Thảo, trong tình huống này, em sẽ nói với bà như thế nào?, v.v.

b. Các bạn đã thể hiện sự hiểu thảo đối với ông bà, cha mẹ qua những lời nói, việc làm nào?

Tùy theo hoàn cảnh, GV có thể chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận về việc làm của các bạn thể hiện sự quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ trong một hình hoặc cho cả lớp phát biểu, thảo luận về từng việc làm thể hiện trong mỗi hình:

- Hình 1: Nhớ và muốn về quê thăm ông bà.
- Hình 2: Nhớ và đang vẽ tranh tặng bố.
- Hình 3: Địu ngô giúp mẹ.
- Hình 4: Gắp thức ăn cho bà.

Sau khi HS đã thảo luận về từng việc làm, GV bước đầu có thể đưa ra ý khái quát: Trong gia đình, các em có thể làm được nhiều việc phù hợp, vừa súc để quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ.

Hoạt động 3: Chia sẻ

Để bước chuyển tiếp từ hoạt động 2 sang hoạt động 3 được tự nhiên, liền mạch, GV cần có những lời dẫn phù hợp.

Gợi ý: Trong gia đình, các em có thể làm được nhiều việc phù hợp, vừa súc để quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ. Tuy nhiên, cũng có những khi các em quên hoặc chưa ý thức được điều này. Hãy xem các hình ở mục *Chia sẻ* và cho biết ý kiến của mình nhé.

a. Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào? Vì sao?

- Hình 1: Lễ phép khi nhận quà của bà.

- Hình 2: Thái độ, lời nói chưa lễ phép khi đi cùng ông bà.
- Hình 3: Thái độ, cử chỉ không lễ phép khi bố phê bình, nhắc nhở.
- Hình 4: Thái độ, lời nói lễ phép trước khi ăn cơm.

Sau khi quan sát tranh, HS có thể dễ dàng đồng tình với việc làm ở các hình 1 và 4, không đồng tình với việc làm ở các hình 2 và 3. Tuy nhiên, để phát triển toàn diện nhận thức của HS, GV nên tổ chức cho HS thảo luận thêm về tinh huống ở hình 2 và 3 bằng cách nêu các câu hỏi như:

- Vì sao em không đồng tình với việc làm của bạn?
- Em sẽ khuyên bạn thế nào trong tinh huống này?
- Em sẽ làm gì trong các tinh huống đó?, v.v.

Có thể khi trả lời, HS sẽ đưa ra những ý kiến khác nhau (Hình 1: phải đi bên cạnh ông bà; phải biết ông bà đã lớn tuổi nên đi chậm...; Hình 2: phải có thái độ lễ phép với bố; không được nhìn bố với vẻ thách thức, bức túc...); vì vậy, GV cần chuẩn bị các phương án đối thoại sao cho vừa tôn trọng suy nghĩ của các em, vừa đảm bảo định hướng giáo dục của bài học.

Mục tiêu cuối cùng ở đây là giúp các em nhận biết được điều cơ bản: cần đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện hiếu thảo, lễ phép, vâng lời; không đồng tình với thái độ, hành vi không hiếu thảo, lễ phép, vâng lời ông bà, cha mẹ.

b. Kể thêm một số việc làm thể hiện sự hiếu thảo, lễ phép, vâng lời ông bà, cha mẹ.

SGK chỉ nêu một số biểu hiện về hiếu thảo, lễ phép, vâng lời ông bà, cha mẹ. Vì thế, trong hoạt động này, GV cần gợi ý, động viên, khuyến khích để HS, chủ yếu xuất phát từ thực tế của gia đình mình, nêu thêm những biểu hiện phong phú, đa dạng, gần gũi khác.

Ví dụ: đưa kính cho ông đọc báo; đỡ bà lên, xuống cầu thang; hỏi thăm khi bố, mẹ đi làm về, v.v.

c. Vì sao phải quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ?

Để giúp HS trả lời câu hỏi được dễ dàng hơn, GV cần chuẩn bị một số gợi ý, tạo điều kiện cho HS có thể nhìn nhận vấn đề từ nhiều khía cạnh cụ thể. Ví dụ: vì ông bà đã già; vì bố mẹ đã làm nuôi gia đình; vì ông bà, cha mẹ dạy bảo em nên người, v.v.

Trên cơ sở những câu trả lời của HS, GV có thể đúc kết để HS bước đầu nhận biết được vấn đề lớn hơn: Quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ chính là biểu hiện cơ bản của truyền thống đạo lí “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây” của dân tộc Việt Nam.

LUYỆN TẬP

Hoạt động: Xử lý tình huống

SGK đưa ra 4 tình huống:

- Hình 1: Bà rửa chén bát một mình.
- Hình 2: Ông ôm nǎm trên giường.
- Hình 3: Mẹ đang tập trung suy nghĩ.
- Hình 4: Bố không đội mũ, nón, đang tưới rau dưới trời nắng gắt.

Sau khi HS hình dung được các tình huống, GV hướng dẫn để HS suy nghĩ và đề xuất những cách xử lý mang tính tích cực, thích hợp. Ví dụ:

- Hình 1: Giúp bà sắp xếp chén bát đã rửa; cùng bà rửa chén bát; lấy khăn cho bà lau tay sau khi rửa chén bát, v.v.
 - Hình 2: Lấy nước cho ông uống thuốc; đắp khăn ướt lên trán cho ông; hỏi thăm sức khoẻ của ông, v.v.
 - Hình 3: Trật tự cho mẹ làm việc; lấy nước cho mẹ uống; không quấy rầy mẹ, v.v.
 - Hình 4: Nhắc bố đội mũ, nón; lấy mũ, nón cho bố; yêu thương, kính trọng bố hơn...
- Khi HS đưa ra những cách xử lý tình huống, GV nên rèn luyện thêm kĩ năng cho các em bằng những câu hỏi gợi mở như:
- Ngoài ý kiến của bạn..., em nào có ý kiến khác?
 - Các em thích ý kiến của bạn... hay ý kiến của bạn...?
 - Các em thấy có thể làm thế này được không? v.v.

THỰC HÀNH

Hoạt động 1: Sắm vai

SGK chỉ giới thiệu 2 tình huống: a) *Lấy nước cho bà uống thuốc*; b) *Xách đồ giúp mẹ* khi mẹ đi chợ về. Tuỳ theo hoàn cảnh, GV có thể lựa chọn, xây dựng các tình huống tương tự khác lấy từ các hoạt động dạy học ở trên.

Để đảm bảo thời lượng, GV chỉ nên đặt ra những yêu cầu đơn giản về lời nói, động tác, thái độ cần thể hiện trong mỗi tình huống; mỗi tình huống chỉ nên yêu cầu 2, 3 HS tham gia.

Sau khi HS thực hiện xong hoạt động sắm vai, GV có thể cho cả lớp nhận xét, đánh giá để biểu dương, rút kinh nghiệm.

Hoạt động 2

SGK chỉ đưa ra yêu cầu về sử dụng một số từ ngữ kết hợp với một số động tác thể hiện sự lẽ phép, vâng lời. Để việc thực hành thiết thực, sát đúng với thực tế, GV cần hướng dẫn thêm cho HS về những thái độ, cử chỉ cần thiết khác như: ánh mắt, giọng nói, tư thế cúi đầu, v.v. giúp HS vận dụng hiệu quả bài học vào thực tế cuộc sống.

GHI NHỚ

Kết thúc bài học, GV cho HS học thuộc lòng câu tục ngữ: *Uống nước nhớ nguồn*.



Bài 3

ANH CHỊ EM QUAN TÂM, GIÚP ĐỠ NHAU

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- *Nêu được biểu hiện của sự quan tâm, chăm sóc anh chị em trong gia đình;*
- *Nhận biết được sự cần thiết của việc quan tâm, giúp đỡ nhau giữa anh chị em trong gia đình;*
- *Có thái độ đồng tình với sự quan tâm, giúp đỡ nhau; không đồng tình với những việc làm không thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ nhau của anh chị em trong gia đình;*
- *Thể hiện được sự quan tâm, giúp đỡ anh chị em trong gia đình bằng một số việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.*

KHỞI ĐỘNG

Nội dung khởi động SGK gợi ý là bài hát *Làm anh khó đáy* (Nhạc: Nguyễn Đình Khiêm; thơ: Phan Thị Thanh Nhàn). Đây vốn là bài thơ *Làm anh nổi tiếng*, được đưa vào SGK Tiếng Việt lớp 1 (học kì 2), chương trình giáo dục tiểu học năm 2006. Dù rất quen thuộc, song GV cũng cần lưu ý đến việc HS lớp 1 thuộc lời bài hát (thơ). Bài hát này trên Youtube có nhiều video clip khá sinh động, GV có thể tham khảo để lựa chọn tổ chức khởi động.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi

Hoạt động này có 2 hình, nội dung đối lập nhau. Mục tiêu (và cũng là câu hỏi) của hoạt động này là HS nhận xét việc làm của các bạn trong hình, vì vậy GV cần tổ chức cho HS quan sát kĩ hình để nhận diện được tính chất của việc làm qua các biểu hiện:

Hình 1: Chị đang hướng dẫn em chơi (hoặc cùng em chơi) lắp ráp robot. Tính chất của đồ chơi (thường phổ biến với các bé trai); khuôn mặt vui của chị, sự chăm chú có phần thích thú của em trai cho phép GV gợi dẫn để HS nhận ra đây là hành động yêu thương, giúp đỡ của chị đối với em trai.

Hình 2: Anh và em trai đang giằng nhau hộp màu. Khuôn mặt nhăn nhó, ửng đỏ của em trai cho thấy em đang cố giằng, tranh hộp màu của anh. Trong khi đó, khuôn mặt anh tỏ vẻ ngạc nhiên và cũng không nhường em. Như vậy, hình 2 là sự tranh giành của hai anh em, không ai nhường nhịn ai.

Tổ chức cho HS quan sát 2 hình này, GV cần lưu ý và gợi dẫn HS để biểu cảm khuôn mặt của các nhân vật, giúp các em nhận ra đúng nội dung của hình để từ đó đưa ra nhận xét của mình.

Hoạt động 2: Thảo luận

Hoạt động này có 4 hình, với câu hỏi: *Việc làm nào thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ nhau của anh chị em trong gia đình?*

Trong 4 hình thì 3 hình thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ nhau của anh chị em trong gia đình, HS có thể dễ dàng nhận ra điều này. Tuy vậy, GV cần tổ chức khai thác các tình huống trong mỗi hình cụ thể để hoàn thành mục tiêu hoạt động:

Hình 1: Anh đang hướng dẫn em đọc sách. Tính chất của hình khá mở, GV cần cho HS nhiều hơn một sự lựa chọn về nội dung của hình, chẳng hạn:

- Anh hướng dẫn em đọc sách;
- Anh đọc sách cho em nghe;
- Anh kể chuyện tranh cho em;
- ...

Hình 2: Chị đang địu em trên vai. Hình ảnh này rất quen thuộc với trẻ em đồng bào dân tộc ít người nhưng có thể khá lạ lẫm đối với HS thành phố, nên GV cần có những gợi ý, hướng dẫn để HS nắm rõ: Chị địu em trên lưng, em bé ngủ ngoan lành, tay chị vòng ra sau ôm em... là những chi tiết thể hiện hành vi yêu thương của chị đối với em, giúp em ngủ ngoan, không giật mình thức giấc.

Hình 4: Em đang đưa chai nước cho chị. Đây là việc làm thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ của em đối với chị, cụ thể là khi chị (đi học) quên chai nước, em đã giúp đỡ chị.

Riêng hình 3: Anh không nhường đèn trung thu cho em gái, là một hành động thể hiện sự thiếu nhường nhịn và yêu thương em nhỏ. Đây là tình huống gây nhiễu nhằm giúp HS xác định đúng hơn các biểu hiện, việc làm, hành động nhường nhịn, quan tâm, giúp đỡ giữa anh chị em trong gia đình. Biểu cảm ở khuôn mặt là tín hiệu tin cậy để GV tổ chức cho HS nhận ra điều này.

GV cần lưu ý, sự quan tâm, giúp đỡ nhau của anh chị em trong gia đình luôn có tính chất hai chiều: từ anh/chị đối với em và ngược lại. Nội dung hoạt động này cần khai thác yếu tố trên, tránh mặc định trong gia đình thì chỉ luôn luôn là anh/chị quan tâm, chăm sóc em.

Hoạt động 3: Chia sẻ

Mục a của hoạt động này yêu cầu HS bày tỏ quan điểm đồng tình hay không đồng tình với các việc làm, tình huống trong 4 hình.

Hình 1: Chị đang đưa nôi cho em ngủ.

Hình 2: Em đang đòi lon nước ngọt của anh nhưng anh không nhường, không cho em (khai thác chi tiết em đang khóc, anh giơ lon nước lên cao, tay chống mạnh như thách em lấy được...).

Hình 3: Anh đang ngồi học bài, em hát hò inh ỏi, làm ồn, anh không học được.

Hình 4: Chị đang hướng dẫn em học bài.

Một lần nữa, GV cần lưu ý đến tính chất hai chiều của việc quan tâm, giúp đỡ nhau của anh chị em trong gia đình. Cần tổ chức cho HS quan sát, phân tích nội dung hình trước khi đưa ra quan điểm của các em đồng tình hay không đồng tình.

Đối với yêu cầu của mục b. *Kể thêm một số việc làm thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ nhau của anh chị em trong gia đình*, GV có thể mở rộng thêm các tình huống như: giúp em nhỏ ăn cơm (cháo); lau mặt, tay chân cho em khi em bị vẩy bẩn; giúp anh chị lấy đồ/ quần áo... để HS có thể lựa chọn và tự rút ra được một số việc làm phù hợp với hoàn cảnh gia đình mình.

Cần lưu ý đến thực tiễn gia đình của HS trong lớp, đặc biệt là đối với các em HS con một.

Mục c là một câu hỏi khá khó và có tính chất mở: có nhiều phương án trả lời cho câu hỏi *Vì sao anh chị em trong gia đình phải quan tâm, giúp đỡ nhau?*

Tuỳ vào hoàn cảnh, nhận thức và cách hiểu của từng em, HS có thể đưa ra nhiều phương án trả lời không giống nhau. GV cần linh hoạt để xử lý trong các tình huống. Có thể cần có một định hướng chung, chẳng hạn: quan tâm, giúp đỡ nhau là sự thể hiện tình yêu thương của những người thân trong gia đình.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Xử lý tình huống

Nội dung hoạt động này đưa ra 4 tình huống khác nhau:

Hình 1: Anh trai đi học nhưng để quên hộp bút trên bàn.

Hình 2: Em bé bò chơi một mình giữa nhà, giơ tay về phía chiếc quạt máy đang quay.

Hình 3: Chị gái đứng trên ghế thấp để lấy sách ở tầng trên của giá sách cao.

Hình 4: Anh trai đi đá bóng về bị chấn thương, trầy xước chân.

Cả 4 tình huống đều cần đến sự quan tâm, giúp đỡ. GV cần tổ chức để HS tìm ra cách thức quan tâm, giúp đỡ người thân trong những tình huống này. Nói cách khác, HS phải trả lời được: phải quan tâm, giúp đỡ như thế nào? Vì vậy, tổ chức hoạt động nhóm nhỏ cũng là một lựa chọn khả dĩ đối với nội dung này.

Hoạt động 2: Liên hệ bản thân

GV có thể cho HS kể về anh chị hoặc em gái, em trai của mình, qua đó khơi dậy lòng yêu thương, biết quan tâm của anh chị em trong gia đình (cần lưu ý đến các HS có hoàn cảnh đặc biệt) để tiếp nối hoạt động yêu cầu HS cho biết mình đã quan tâm, giúp đỡ anh chị em trong gia đình chưa. Nếu chưa thì cần phải làm gì? Đây là hoạt động vừa có tính liên hệ vừa có tính tự nhắc nhở đối với cá nhân HS, vì vậy GV cần khích lệ ý thức tự giác của các em, sao cho việc em cần làm sắp tới không phải là sự bắt buộc mà là tự nhận thức, để thể hiện sự quan tâm, yêu thương đối với anh chị em của mình.

THỰC HÀNH

Hoạt động 1: Vẽ tranh hoặc trang trí thiệp để tặng anh, chị hoặc em của em.

Để tổ chức hoạt động này, GV cần có sự chuẩn bị trước và cần phân bổ thời gian hợp lý. Không nhất thiết tổ chức cho HS vẽ tranh theo một chủ đề nhất định, mà có thể cá nhân hóa hoạt động này bằng sở thích, hoàn cảnh gia đình của từng em cho phù hợp.

Lưu ý, cần đảm bảo bức tranh được hoàn thành và được tặng đúng người em muôn. GV cũng nên quan tâm đến phản hồi của việc tặng tranh này vào tiết học hôm sau qua lời kể của các em.

Hoạt động 2: Thực hiện những lời nói, động tác phù hợp khi:

Buộc dây giày giúp em; Chải đầu, tết tóc cho em; Hồi thăm khi anh, chị bị ốm; Chia vui với thành tích học tập của anh, chị.

Để tăng cường hiệu quả của hoạt động này, sử dụng phương pháp sắm vai là một lựa chọn có thể. Hoạt động sắm vai vừa mang tính trực quan cao vừa cho các em được trải nghiệm thực tế công việc.

Khi HS vừa thực hiện, vừa nói (kết hợp hành động và lời nói), GV có thể điều chỉnh, uốn nắn trực tiếp để đạt được hiệu quả cao hơn.

GHI NHỚ

Kết thúc bài học, GV cho HS cùng đọc to, học thuộc lòng câu ca dao:

*Anh em như thể chân tay
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.*

Chân trời sáng tạo

Bài 4

TỰ GIÁC LÀM VIỆC Ở TRƯỜNG

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- *Nêu được một số biểu hiện của tự giác trong học tập, sinh hoạt ở trường;*
- *Hiểu được sự cần thiết của tự giác; đồng tình với thái độ, hành vi tự giác; không đồng tình với thái độ, hành vi chưa tự giác trong học tập, sinh hoạt ở trường;*
- *Thực hiện được và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè tự giác trong học tập, sinh hoạt ở trường.*

KHỞI ĐỘNG

Vườn trường là một bài thơ nhỏ, phù hợp với HS trong những tuần đầu tiên của năm học lớp 1. GV có thể đọc cho HS nghe và cho HS đọc theo.

Ngoài bài thơ, GV có thể gợi ý cho HS một số câu ca dao, tục ngữ, truyện kể về tính tự giác. Sau hoạt động này, GV có thể giải thích cho HS nghĩa của từ “tự giác” (tự mình thực hiện các công việc, hoạt động theo đúng thời gian, kế hoạch mà không cần phải nhắc nhở, thúc giục), cùng HS nêu ra một số ví dụ hoặc việc làm mà em nghĩ là thể hiện sự tự giác.

Đối với HS mới vào lớp 1, việc làm quen với nền nếp, thực hiện nội quy, quy định của trường tiểu học chưa tốt. Vì thế, bài học này hướng các em đến việc sinh hoạt có ý thức, chấp hành nội quy, yêu cầu, hướng dẫn của thầy, cô giáo.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi

GV đặt câu hỏi cho HS tìm hiểu nội dung các hình bằng cách mô tả hình, sau đó trả lời câu hỏi:

Hình 1: Các bạn HS đang quyên góp sách vở để hỗ trợ các bạn vùng lũ.

Hình 2: Các bạn HS tự giác ngồi học nghiêm túc và giơ tay xin trả lời.

Hoạt động 2: Thảo luận

HS mới làm quen với hoạt động thảo luận. Vì thế, GV cần hướng dẫn rõ hơn cách thức hoạt động nhóm:

- Cử nhóm trưởng;
- Giao nhiệm vụ cụ thể;
- Cử đại diện phát biểu.

a. Các bạn đã tự giác trong học tập, sinh hoạt ở trường như thế nào?

GV cho HS nhận diện nội dung các hình:

Hình 1: Hai bạn HS đang tưới nước cho bồn hoa ở sân trường.

Hình 2: Ba bạn HS đang cùng nhau thảo luận.

Hình 3: Một bạn HS đang bỏ rác vào thùng rác ở trường.

Hình 4: Hai bạn HS đang ở thư viện trường, một bạn đọc sách, một bạn chọn sách trên kệ.

HS có thể trả lời về việc các bạn HS đã tự giác trong các công việc như:

- Tự giác chăm sóc cây cảnh trong vườn trường.
- Tự giác phát biểu ý kiến, tham gia các hoạt động chung.
- Tự giác bỏ rác vào thùng.
- Tự giác đọc sách, xếp sách đúng quy định.

b. Kể thêm những biểu hiện tự giác trong học tập, sinh hoạt ở trường.

GV cần nhấn mạnh lại cho HS hiểu như thế nào là tự giác. GV cũng cần gợi ý về các phương diện:

- Tự giác về trang phục, vệ sinh.
- Tự giác về giờ giấc.
- Tự giác trong giờ học.
- Tự giác trong giờ chơi.
- Tự giác trong giờ ngủ (nếu học bán trú).
- Tự giác trong giờ ăn (nếu học bán trú).

Sau đó, GV cho các nhóm trả lời và nhận xét, bổ sung. Việc nhận xét, bổ sung này cần kĩ lưỡng vì HS có thể hiểu chưa đúng về tự giác nên nếu ví dụ chưa chính xác. GV cần giúp các em hiểu đúng để các em thực hành, rèn luyện trong thực tế.

Hoạt động 3: Chia sẻ

a. Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào? Vì sao?

Đối với hoạt động này, hình thức thích hợp nhất vẫn là thảo luận nhóm 4 HS. Tuy nhiên, GV cũng có thể áp dụng cách khác như: phát biểu ý kiến cá nhân, thảo luận nhóm đôi, phân nhóm theo luồng ý kiến (nhóm đồng tình, nhóm không đồng tình),...

Trước khi HS phát biểu ý kiến, GV cần cho HS nhận ra nội dung của từng hình:

Hình 1: Một bạn nam đang hái hoa ở sân trường.

Hình 2: Nhóm các HS đang vệ sinh trường lớp.

Hình 3: Các bạn HS đang tập thể dục.

Hình 4: Các bạn HS đang sinh hoạt tập thể.

Từ việc tìm hiểu hình, HS có thể trả lời:

– Không đồng tình với bạn nam ở hình 1, vì bạn đã tự ý hái hoa trong sân trường, làm mất cảnh đẹp của trường.

– Đồng tình với:

+ Các bạn quét sàn, lau cửa làm sạch đẹp trường lớp.

+ Các bạn tập thể dục rèn luyện sức khoẻ.

+ Các bạn hoạt động tập thể để rèn luyện kỹ năng, tạo niềm vui,...

b. Vì sao phải tự giác làm việc ở trường?

Câu hỏi này khá khó với HS mới vào lớp 1, GV cần dẫn dắt để HS trả lời và giúp các em hiểu được:

– Các bạn lớp 1 đã 6 tuổi, không còn bé nữa, cần phải tự mình làm một số việc phù hợp với khả năng.

– Trường học có nội quy nên HS cần phải chấp hành.

– Tự giác làm việc có thể giúp rèn luyện sức khoẻ, tinh thần, ý thức, thái độ sống tích cực, có trách nhiệm với chính mình và người khác.

– Tự giác làm việc giúp việc học tập trở nên tốt hơn.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Xử lý tình huống

Em sẽ tự giác làm gì để tham gia giờ chào cờ đầu tuần?

Đây là hoạt động có vẻ rất bình thường nhưng lại mới mẻ đối với HS lớp 1, nhất là việc các em có thể làm gì để thể hiện sự tự giác của mình.

Phản này, cách tổ chức dạy học linh động, nếu có điều kiện và khả năng, GV có thể cho các nhóm tiến hành sắm vai như một vở kịch nhỏ, không chú trọng diễn xuất mà chú ý vào cách làm của các em.

HS có thể có nhiều câu trả lời nhưng GV cần chốt lại các ý:

– Đến trường đúng giờ quy định để dự lễ chào cờ;

– Mặc trang phục quy định;

– Sắp ghế, chỗ ngồi;

– Tham gia các hoạt động trong nghi lễ chào cờ: hát *Quốc ca*, tư thế nghiêm, hoạt động tập thể;

– Lắng nghe phát biểu ý kiến, dặn dò của các thầy, cô giáo...

Hoạt động 2: Liên hệ bản thân

a. Kể lại một việc em đã tự giác làm ở trường và cho biết lợi ích của việc làm đó.

b. Ở trường, em còn chưa tự giác làm việc gì? Em sẽ phấn đấu thực hiện như thế nào?

Đối với hoạt động này, GV mời một số HS kể lại việc thật của mình khi các em biết tự giác hoặc chưa tự giác làm việc của mình.

GV có thể cho HS đối chiếu với những việc cần làm để thể hiện sự tự giác ở các bài tập trước, giúp HS lựa chọn xem các em đã làm được hay chưa làm được những gì. Đặc biệt, GV cần yêu cầu HS lập kế hoạch để phấn đấu thực hiện. GV lưu ý HS chăm chỉ rèn luyện để thành công.

THỰC HÀNH

Hoạt động 1: Tập hát bài Quốc ca, tư thế đúng nghiêm

GV tổ chức cho HS học hát *Quốc ca*, tập luyện tư thế chào cờ.

– Tập hát *Quốc ca*: Đây là bài hát mà mọi công dân Việt Nam đều phải thuộc. Đối với HS, *Quốc ca* được hát hằng tuần, trong mỗi giờ chào cờ. Đến tuần thứ ba, các em đã được nghe ít nhất 4 lần trong các buổi chào cờ nên ít nhiều quen thuộc. Hoạt động học hát *Quốc ca* có thể tiến hành như sau:

+ GV cho HS nghe hoặc xem video clip về hoạt động chào cờ và hát *Quốc ca*.

+ GV có thể nói ngắn gọn về nội dung, ý nghĩa của bài hát để các em hiểu và ghi nhớ sâu hơn.

+ GV chia bài hát thành từng phần, hát mẫu và cho các em luyện tập hát từng câu.

+ GV có thể tổ chức hoạt động nhóm để tập hát và thi đua giữa các nhóm.

Lời bài hát khá dài, HS lớp 1 chưa thể thuộc ngay. GV có thể nhờ thêm sự giúp đỡ của phụ huynh để giúp các em luyện tập ở nhà.

– Tập tư thế chào cờ:

+ Trước khi học bài học này, ở các buổi chào cờ, GV dặn HS chú ý quan sát tư thế chào cờ của các anh chị lớp trên.

+ GV cho HS xem video clip hướng dẫn tư thế chào cờ.

+ GV làm mẫu.

+ GV tổ chức cho các nhóm luyện tập và thi đua giữa các nhóm.

+ Khi HS luyện tập, GV cần quan sát kĩ để điều chỉnh sao cho các em luyện tập đúng tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc.

Trong 2 hoạt động này, GV cũng có thể mời các HS lớp trên đến hướng dẫn và làm mẫu cho các em HS lớp 1, giúp các em vừa có trực quan vừa tạo mối liên hệ, học hỏi giữa các khoá HS trong trường.

GV lưu ý HS: Chào cờ Tổ quốc và hát *Quốc ca* là hoạt động thiêng liêng, được tổ chức thường kì hằng tuần và trong các dịp quan trọng. Các em cần ghi nhớ và tự giác luyện tập nghiêm túc để thể hiện trách nhiệm của một HS, một công dân.

Hoạt động 2: Tìm hiểu các hoạt động của Sao Nhi đồng và tư giác tham gia

Đối với hoạt động tìm hiểu thông tin, GV có thể mời một số HS lớp lớn đến giúp các em tìm hiểu, hướng dẫn hoạt động, chia sẻ kinh nghiệm.

GV có thể giúp HS tìm hiểu các nội dung như:

- Sao Nhi đồng là gì? Tại sao cần có Sao Nhi đồng?
- Sao Nhi đồng có những hoạt động gì?
- Lớp của các em sẽ tổ chức hoạt động của Sao Nhi đồng như thế nào?
- Khi tham gia Sao Nhi đồng, em nghĩ mình sẽ tự giác tham gia các hoạt động như thế nào?
- Em muốn cùng các bạn tham gia những hoạt động nào?

Sau khi tìm hiểu về Sao Nhi đồng và mỗi HS có Sao của mình, GV có thể cho HS tự giới thiệu về Sao của mình (tên Sao, các thành viên, khẩu hiệu hoặc mong muốn của Sao mình,...).

Sau 2 hoạt động ở phần Thực hành, GV lưu ý HS cố gắng rèn luyện để hình thành thói quen tự giác khi ở trường và trong các hoạt động khác.

GHI NHỚ

Kết thúc bài học, GV cho HS học thuộc bốn câu thơ:

*Mỗi ngày mình đến lớp
Học tập và vui chơi
Phải chuyên cần, tư giác
Mời tiền bối bạnơi.*

Bài 5

TỰ GIÁC LÀM VIỆC Ở NHÀ

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- Nêu được những việc cần tự giác làm ở nhà;
- Biết vì sao phải tự giác làm việc của mình;
- Đồng tình với hành vi, thái độ tự giác và không đồng tình với thái độ, hành vi không tự giác làm việc ở nhà;
- Thực hiện một số việc của mình ở nhà một cách tự giác.

KHỞI ĐỘNG

Với mục đích “làm nóng” và gây hứng thú, tạo không khí thoải mái cho HS bước vào bài học, nội dung khởi động SGK gợi ý là bài hát *Bé quét nhà* (Nhạc và lời: Hà Đức Hậu). Để phát huy hiệu quả của hoạt động, khi tổ chức, GV cần lưu ý đến sự tập trung của HS, sự đồng đều khi hát. Khả năng thuộc lời bài hát của HS trong lớp cũng cần được tính đến trước khi tổ chức hoạt động này.

GV có thể chọn phương án khác như một bài hát có nội dung tương tự hoặc một bài thơ, kể một câu chuyện ngắn hướng vào chủ đề tự giác làm việc nhà... để tổ chức khởi động bài học.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi, có 2 nhiệm vụ học tập:

a. Các bạn đang làm gì? Đó có phải là những việc em thường làm không?

Hoạt động này có 4 hình, GV cần tổ chức cho HS quan sát thật kỹ các hình, lưu ý đến không gian, bối cảnh của từng hình:

Hình 1: Bé gái đang gấp chăn (không gian phòng ngủ, chi tiết chiếc đồng hồ).

Hình 2: Bé trai đang đeo dép lên kệ (chi tiết mang ba lô khi đi học về, không gian gần cửa cần được khai thác).

Hình 3: Bé trai đang lau bàn (không gian nhà bếp).

Hình 4: Bé gái đang lau nhà (không gian phòng khách).

Đây là những không gian và công việc quen thuộc của mỗi gia đình, vì vậy khi đã khai thác được các không gian như vừa nêu, HS có thể dễ dàng liên hệ được với bản thân: đó có phải là những việc em thường làm không?

Đối với câu b. Khi làm việc không cần ai nhắc nhở, các bạn đã thể hiện điều gì?, GV cần gợi ý thêm để HS tự nhận ra được: tất cả các bạn nhỏ trong 4 hình trên đều làm việc một cách thoải mái, với tác phong nhanh nhẹn và tâm trạng vui vẻ. Khi làm việc không cần ai nhắc nhở là lúc em thể hiện tinh túc của mình.

Hoạt động 2: Thảo luận, có 2 nhiệm vụ học tập:

a. Các bạn đã tự giác làm những việc gì?

Nhiệm vụ này có 4 hình, tiếp tục khai thác các không gian và công việc quen thuộc trong gia đình:

Hình 1: Sau bữa cơm gia đình, cả nhà đều chung tay dọn dẹp. GV cần lưu ý khai thác các chi tiết cả bố mẹ và hai con đều cùng nhau dọn dẹp.

Hình 2: Hai chị em đang tự gấp quần áo trong phòng.

Hình 3: Bé gái đang giúp mẹ nhặt rau trong nhà bếp.

Hình 4: Bé trai đang thu dọn đồ chơi ở phòng khách.

Đây là nhiệm vụ không khó, tùy theo điều kiện của lớp, GV có thể chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một việc liên quan đến một hình hoặc cho cả lớp phát biểu, thảo luận về từng việc làm thể hiện trong mỗi hình.

b. Kể thêm những việc em tự giác làm ở nhà.

Nhiệm vụ học tập này rất phù hợp với tính chất thảo luận nhóm. GV cần hướng dẫn, tổ chức để HS không lặp lại các công việc vừa được nêu, đồng thời giúp các em xác định đúng những việc tự giác làm ở nhà.

Sau khi HS thảo luận và trình bày theo yêu cầu của nhiệm vụ học tập, GV cần có những nhận xét, khái quát lại và gợi ý thêm những việc khác mà em có thể tự giác làm ở nhà. GV cũng cần lưu ý khích lệ những trường hợp HS trả lời đúng/chưa đúng, tránh chỉ trích hoặc phê bình.

Hoạt động 3: Chia sẻ

Hoạt động này có 2 hình khá quen thuộc:

Hình 1: Bé đang chơi điện thoại ngay cạnh bồn rửa chén bát (ý chỉ là không tự giác làm việc nhà).

Hình 2: Hai anh em cùng nhau rửa chén bát giúp bố mẹ.

Với câu hỏi *Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm của những bạn nào? Vì sao?*, GV không nên áp đặt HS vào ngay hình 2, mà cần lắng nghe các em phát biểu, chia sẻ rồi định hướng: Ở nhà, em cùng anh/chị hoặc cùng bố mẹ làm việc luôn mang đến niềm vui, cụ thể là hai bạn trong hình tỏ ra hứng khởi, vui vẻ khi cùng giúp bố mẹ rửa chén bát.

Từ sự định hướng này, HS sẽ nhận ra và bày tỏ quan điểm: đồng tình hay không đồng tình với hình nào. Trong trường hợp, HS chọn phương án đồng tình với hình 1, GV cần kiên nhẫn hơn để lắng nghe HS trình bày vì sao em chọn như vậy. Việc em chơi điện thoại không hẳn là xấu, nhưng chơi trong bối cảnh em có thể làm việc nhà nhưng em vẫn không tự giác làm; trong lúc người thân cần sự giúp đỡ của em mà em không tự giác thì đó là việc chưa tốt.

Từ đây, GV cần có lời dẫn để kết nối giải quyết câu hỏi b. *Vì sao phải tự giác làm việc ở nhà?* Với yêu cầu này, có thể có nhiều câu trả lời không giống nhau, GV cần lường trước những tình huống trả lời của HS để có hướng giải quyết, sao cho HS sẽ tự nhận thức được: việc tự giác làm việc ở nhà không chỉ là hoạt động giúp đỡ bố mẹ, người thân, qua đó tăng cường sự giao tiếp, tình cảm giữa các thành viên trong gia đình, mà còn giúp em rèn luyện tính tự giác, rèn luyện các kỹ năng cần thiết trong cuộc sống (như rửa chén bát, lau bàn ghế, gấp chăn mền...).

LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Xử lý tình huống

Hoạt động này đòi hỏi năng lực quan sát hình của HS nên có tính chất luyện tập lại hoạt động ở phần Khám phá. Nhìn qua, HS khó nhận ra được nội dung, dụng ý của hình, do vậy GV cần tổ chức, gợi ý để HS quan sát và nhận thức được. Những điểm cần lưu ý:

- Mẹ đang mặc áo cho bạn nữ.
- Bố đang lấy ba lô để chuẩn bị đeo vào vai cho bạn nữ.
- Anh đang mang giày tận chân bạn nữ.

Đây là một buổi sáng chuẩn bị đi học, bạn nữ không tự chuẩn bị hay tự giác làm bất kì một việc gì của mình mà phải nhờ đến cả nhà hỗ trợ.

Câu hỏi: *Em sẽ nói gì với bạn nữ...* là một câu hỏi mở, có tính nêu vấn đề cao, vì vậy HS sẽ có nhiều phương án trả lời. Nếu tổ chức tốt, đây là tình huống rất sinh động và có tính thực tiễn, sự nhận thức sâu sắc đối với HS.

Gợi ý: GV có thể tổ chức cho HS sắm vai để diễn tả lại nội dung tình huống này, có thể vào vai người mẹ để dẫn dắt nhằm làm sáng tỏ nội dung, ý đồ tổ chức của hoạt động.

Sau khi sắm vai xong, HS sẽ trình bày các phương án của mình: Thông điệp với bạn nữ. GV cũng cần dự đoán trước các thông điệp, lời khuyên của HS có thể đưa ra với bạn nữ, chẳng hạn:

- Bạn nữ nên tự mang giày;
- Bạn không nên để cả nhà làm giúp bạn;
- Bạn nữ cần tự giác làm việc của mình.
-

Hoạt động 2: Liên hệ bản thân

Từ mục 1, GV kết nối với mục liên hệ bản thân để HS trả lời các câu hỏi:

- Em có giống bạn nữ không?
- Kể thêm những việc em đã tự giác làm ở nhà và lợi ích của việc làm đó.
- Em chưa tự giác làm việc gì? Em phản ánh thực hiện như thế nào?

Việc xác định lợi ích của tự giác làm việc ở nhà có thể gây lúng túng cho HS hoặc câu trả lời trùng lặp nhau, vì vậy GV cần định hướng về lợi ích của việc tự giác một cách nhẹ nhàng, không áp đặt.

Đối với những việc các em chưa tự giác làm được ở nhà, GV cũng cần khích lệ HS tự giác. Có thể nhiều em chưa ý thức được những việc mình nên tự giác làm ở nhà, GV cần gợi ý sát với thực tế của gia đình HS để các em nhận ra.

Đối với nhiệm vụ: *Em sẽ phần đầu thực hiện như thế nào?* không yêu cầu cao về kế hoạch mà chỉ cần nêu được hướng thực hiện cụ thể, chẳng hạn: Em hay quên gấp chăn (hoặc chưa gấp chăn) khi ngủ dậy. Em nên:

- Tự nhắc mình vào buổi tối trước khi đi ngủ.
- Viết giấy nhắc để trên bàn học, gần cặp sách.
- ...

THỰC HÀNH

Nội dung thực hành của bài này khá đơn giản, yêu cầu nêu trong SGK chỉ là tự giác làm những việc nhà vừa sức, phù hợp. GV có thể cho HS sắm vai để thực hiện các việc nhà thông thường, cụ thể như:

- Sắm vai cùng anh/chị lau nhà;
- Sắm vai để lau bàn ghế, tưới cây.
- ...

GHI NHỚ

Kết thúc bài học, GV cho HS học thuộc lòng câu thơ của Hồ Chí Minh:

*Tuổi nhỏ làm việc nhỏ
Tùy theo sức của mình.*

Lưu ý

– Ý thức tự giác là một yếu tố khó định lượng trong một thời gian ngắn, vì nó thuộc yếu tố bên trong và được biểu hiện ra bằng những hoạt động, hành vi bên ngoài. Hình thành ý thức tự giác cho HS là một quá trình, cần có sự phối hợp giữa GV và phụ huynh, đặc biệt là việc tự giác làm việc nhà càng cần có sự phối hợp của phụ huynh. GV cần nghiên cứu kĩ chương trình, kết hợp với bài *Tự giác làm việc ở trường và Cùng thực hiện nội quy trường lớp*; lập kế hoạch theo dõi về sự tiến bộ của các em trong các hoạt động, qua đó đánh giá đúng ý thức tự giác.

– Với các mục tiêu như đã nêu, GV có thể linh hoạt trong hoạt động tổ chức dạy học để giờ học được sinh động. GV hoàn toàn có thể đưa ra nhiều hơn các tình huống sát với cuộc sống, phô biến trong nhiều gia đình; lựa chọn các công việc phù hợp, vừa sức để cho HS sắm vai hoặc tự thực hiện ngay tại lớp.

Bài 6

KHÔNG NÓI DỐI VÀ BIẾT NHẬN LỖI

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- Nhận được một số biểu hiện của không nói dối và biết nhận lỗi;
- Hiểu được tác dụng của nói thật và biết nhận lỗi, tác hại của nói dối và không biết nhận lỗi trong sinh hoạt;
- Đồng tình với nói thật và biết nhận lỗi, không đồng tình với nói dối và không biết nhận lỗi;
- Thực hiện được và nhắc nhở bạn bè không nói dối và biết nhận lỗi.

KHỞI ĐỘNG

GV có thể tổ chức cho từng nhóm HS hát bài *Năm ngón tay ngoan* (Nhạc và lời: Trần Văn Thụ). Bài hát này mô tả theo năm ngón tay nên GV có thể sắp xếp HS theo kiểu mô tả như trong bài hát và cho HS vừa hát vừa biểu diễn để tăng sự sinh động, hấp dẫn. Trong các chương trình văn nghệ, liên hoan, hoạt động ngoại khoá, trải nghiệm, có thể dàn dựng thành một tiểu phẩm vui nhộn, ý nghĩa.

Ngoài bài *Năm ngón tay ngoan*, GV có thể gợi ý cho HS một số bài hát khác phù hợp với chủ đề như: *Bà Công đi chợ trời mưa* (đồng dao), *Năm cánh sao vui* (nhạc: Hải Hà, lời thơ: Phong Thu),...

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi

a. Các hình trong hoạt động này tạo thành một mẩu chuyện nhỏ:

Hình 1: Bạn Lan đang cầm một cuộn len và vô tình làm rơi bình hoa trên bàn.

Hình 2: Đúng lúc đó có một con mèo phóng từ ghế ra cửa sổ.

Hình 3: Mẹ xuất hiện và hỏi về việc ai đã làm rơi, vỡ bình hoa.

Hình 4: Bạn Lan chỉ vào con mèo, ý nói con mèo nhảy ra cửa sổ và làm rơi vỡ bình hoa chứ không phải do em ấy.

Khi xem hình, HS có thể tưởng tượng theo cách riêng của các em. GV có thể đặt các câu hỏi để gợi ý cho các em nhận ra nội dung bài học theo từng hình. Từ đó, HS có thể trả lời câu hỏi: *Lan đã nói thật hay nói dối mẹ?*

b. GV có thể tổ chức cho HS trả lời theo cá nhân (cũng có thể thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm 4 HS) để trả lời câu hỏi: *Việc bạn Lan nói dối có thể dẫn đến điều gì?*

HS có thể trả lời theo nhiều hướng khác nhau, có khi rất hồn nhiên. Tuy nhiên, các em còn nhỏ, nên nhiều em chưa ý thức được một cách rõ ràng hậu quả xấu, nghiêm trọng, lâu dài của việc không thành thật hay nói dối. Các em thường tìm cách để không bị mẹ mắng, bị phạt. Hơn nữa, trong tình huống này, ngẫu nhiên có con mèo phỏng qua đúng lúc cái bình hoa rơi xuống. Vì thế, GV cần phân tích cho HS hiểu:

- Nói dối, nói không đúng sự thật là một hành vi không tốt.
- Nói dối, nói không đúng sự thật trong nhiều trường hợp sẽ để lại hậu quả nghiêm trọng (ví dụ câu chuyện *Cậu bé chăn cừu*).
- Các em phải luôn luôn nói với người lớn đúng sự thật để được chỉ bảo, hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời; trong một số trường hợp cần có hướng sửa chữa, khắc phục, giải quyết.
- Nói dối, nói không đúng sự thật nhiều lần sẽ tạo thành thói quen xấu, từ đó dẫn đến những hành vi sai trái mà chính bản thân các em có thể không nhận thức được nếu không được điều chỉnh đúng đắn.

Hoạt động 2: Thảo luận

Hoạt động thảo luận thường được tổ chức theo nhóm. Tuỳ tình hình lớp học, GV có thể cho các nhóm thảo luận lần lượt các hoạt động a, b hoặc cho các nhóm thảo luận đồng thời cả hai hoạt động.

a. Việc làm của bạn Hùng là đúng hay sai? Vì sao?

GV cho HS nhận diện nội dung 2 hình:

Hình 1: Bạn Hùng xin tiền bô để mua bút.

Hình 2: Bạn Hùng đi mua nước uống ở cửa hàng.

HS có thể trả lời theo nhiều phương án:

- Bạn Hùng nói dối, bạn xin tiền mua bút nhưng lại dùng tiền để mua nước.
- Hoặc là bạn Hùng không nói dối, tiền mua nước không phải là khoản tiền bô cho để mua bút.

Vì thế, GV cần linh động góp ý cho mỗi câu trả lời của HS, không nên áp đặt rằng bạn Hùng chắc chắn đã không thật thà, xin tiền bô mua bút nhưng thực tế là lấy tiền mua nước.

Tuy nhiên, GV cũng lưu ý HS: em cần nói rõ với bô mẹ việc mình dùng tiền để làm gì. Việc em muốn mua nước do khát cũng là một việc cần thiết nhưng em không nên mua các loại nước ngọt, nước có gas,...

b. Ở hoạt động này, HS có thể nhanh chóng nhận ra nội dung các hình:

Hình 1: Các bạn nam đá bóng làm vỡ cửa kính nhà bên đường.

Hình 2: Các bạn vòng tay nhận lỗi với bác chủ nhà.

Vì thế, HS dễ xác định rằng các bạn trong hình làm sai và biết nhận lỗi.

GV căn dặn HS: mỗi người đều có thể làm sai nhưng cần biết nhận lỗi, biết sửa sai, không lặp lại những hành động sai ấy.

GV có thể lưu ý thêm việc lựa chọn trò chơi, địa điểm chơi để bảo đảm an toàn cho mình và mọi người.

Hoạt động 3: Chia sẻ

a. Em đồng tình và không đồng tình với bạn Nga điều gì? Vì sao?

Đối với hoạt động này, hình thức thích hợp nhất vẫn là thảo luận nhóm 4 HS. Tuy nhiên, GV cũng có thể áp dụng cách khác như: phát biểu ý kiến cá nhân, thảo luận nhóm đôi, phân nhóm theo luồng ý kiến (nhóm đồng tình, nhóm không đồng tình),...

Trước khi HS phát biểu ý kiến, GV cần cho HS nhận ra nội dung của từng hình:

Hình 1: Bố đang phác thảo một bức tranh phong cảnh, có hình sông, núi.

Hình 2: Bố không có ở đó, bạn Nga cầm bút vẽ vào bức tranh hình một con mèo.

Hình 3: Có thể bố đang khiển trách anh trai của Nga đã vẽ vào tranh của bố (vì thấy nét mặt anh trai hoảng hốt, nét mặt Nga thì ngạc nhiên).

Hình 4: Nga nhận lỗi và vòng tay xin lỗi bố, anh trai vỗ vai động viên Nga, nét mặt bố vui vẻ.

Từ việc tìm hiểu nội dung hình, HS có thể trả lời:

– Không đồng tình: bạn Nga tự ý vẽ lên bức tranh của bố.

– Đồng tình: Nga biết nhận lỗi và xin lỗi; anh trai vỗ về động viên em gái.

Trong tình huống này, GV có thể gợi ý nâng cao: Nga có cơ hội nào để không nhận lỗi hoặc đổ lỗi cho người khác không? Một số HS khá, giỏi có thể nhận ra một chi tiết mà Nga có thể đổ lỗi cho anh trai. Đó là trong hình 3, bố hiểu nhầm và trách anh trai. Bởi vì thường các anh trai hay nghịch ngợm nên mọi người dễ cho rằng anh trai đã vẽ lên tranh của bố. Tuy nhiên, Nga đã không làm như thế, chúng tỏ bạn ý thức rõ hành động của mình là sai, nhận lỗi và xin lỗi bố, không đổ lỗi cho người khác (như bạn Lan đổ lỗi cho con mèo làm vỡ bình hoa), cũng không để người khác nhận lỗi thay mình. Đó là một thái độ sống rất trung thực, thẳng thắn, tích cực, các em HS nên học tập.

b. Kể thêm một số biểu hiện của nói dối và không biết nhận lỗi.

Đối với hoạt động này, GV có thể tiếp tục tổ chức cho các nhóm tìm và nêu ra các biểu hiện của không nói dối và biết nhận lỗi. GV cũng có thể cho các nhóm thi đua bằng cách: mỗi nhóm đứng lên nói một biểu hiện của không nói dối và biết nhận lỗi; nhóm nào nói được nhiều hơn sẽ chiến thắng. Lưu ý: khi HS phát biểu, GV cho lần lượt các HS trong nhóm đứng lên chứ không chỉ nhóm trưởng hoặc một bạn cố định nào đó. Điều này có thể giúp các em rèn luyện sự mạnh dạn, tự tin trước tập thể, thấy mình có thể đóng góp vào kết quả của tập thể.

Về một số biểu hiện của không nói dối và biết nhận lỗi, nếu HS gặp khó khăn, GV cần gợi ý cho các em tìm biểu hiện trong các lĩnh vực như: trong sinh hoạt; trong học tập; trong mối quan hệ bạn bè; trong mối quan hệ gia đình; khi đi mua hàng ở chợ, siêu thị; khi tham quan du lịch; khi tham gia các hoạt động tập thể;...

c. Vì sao không được nói dối và phải biết nhận lỗi?

Trong hoạt động 1b, GV đã phân tích cho HS một số lí do các em không được nói dối và biết nhận lỗi. Ở đây, GV yêu cầu các em tự phát biểu ý kiến của mình. Hoạt động này mang tính nâng cao và phân hoá ngoài việc tổ chức hoạt động nhóm, GV có thể hỏi ý kiến cá nhân HS. Các em khá, giỏi, nhanh nhẹn, tư duy nhạy bén có thể làm tốt. Một số em có thể trả lời sai, nhầm lẫn hoặc chưa được chính xác, GV cần giúp HS định hướng và điều chỉnh nhận thức, hành vi.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Xử lý tình huống

Hai tình huống trong hoạt động này được thể hiện bằng hình ảnh. GV cho HS tìm hiểu nội dung từng cặp hình để đề xuất cách khuyên nhủ bạn bè của các em. Phần này, cách tổ chức dạy học linh động, nếu có điều kiện, GV có thể cho các nhóm tiến hành sắm vai như một vở kịch nhỏ, không chú trọng diễn xuất mà chú ý vào cách khuyên nhủ bạn.

a. Tình huống 1

GV có thể giúp HS hiểu bài bằng cách dẫn dắt các em theo từng phần:

– Tìm hiểu nội dung các hình:

Hình 1: Bạn nam nói với mẹ là “Con đi học nhóm”.

Hình 2: Bạn nam trong hình 1 và một bạn nữa đang đá bóng.

– Phân tích nội dung tình huống: Bạn nam nói với mẹ là đi học nhóm nhưng thực ra bạn ấy đi đá bóng. Đây là một hành động sai trái vì bạn ấy nói dối mẹ đi học để đi chơi.

– Khi đưa ra lời khuyên, HS có thể nói bằng nhiều cách nhưng cần thể hiện được các nội dung:

+ Bạn không nên như thế vì nói không đúng sự thật với mẹ chính là nói dối.

+ Nếu muốn đi đá bóng cùng bạn bè, bạn có thể nói đúng sự việc, mẹ sẽ đồng ý vì đá bóng cũng là một hoạt động thể thao lành mạnh, có ích cho sức khoẻ.

– GV có thể lưu ý thêm với HS:

+ Khi các em muốn đi đâu, làm gì đều phải xin phép bố mẹ, thông báo cụ thể thời gian, địa điểm, người đi cùng cho bố mẹ, người thân biết rõ để giám sát, đảm bảo sự an toàn.

+ Học nhóm là một hoạt động tốt, có nhiều lợi ích. Tuy nhiên, HS lớp 1 thường không có nhiều bài tập nhóm mang về nhà nên nếu các bạn muốn có một hoạt động nhóm ngoài bài học trên lớp, các bạn cần có sự đồng ý, hướng dẫn, giúp đỡ của người lớn.

+ Đá bóng là môn thể thao rèn luyện sức khoẻ. Nhưng bạn cũng cần lưu ý phải đảm bảo các yếu tố về: sân bãi, thời tiết, thời gian, tình trạng sức khoẻ của bạn,...

b. Tình huống 2

GV hướng dẫn HS theo các bước như trên.

- Tìm hiểu nội dung hình:

Hình 1: Trong lớp học, một bạn nam nói với cô giáo: “Thưa cô, em không thuộc bài a”.

Hình 2: Bạn nam ở hình 1 nói với bố mẹ: “Cô khen con chăm học, bố a.”.

- Phân tích nội dung tình huống: Trong lớp học, bạn nam không thuộc bài, bạn nhận lỗi với cô giáo. Nhưng bạn ấy lại nói dối với bố mẹ là cô giáo khen mình chăm học.

- Lời khuyên của HS dành cho bạn nam trong hình cần thể hiện được nội dung:

+ Bạn không nên nói dối bố mẹ vì sự thật là bạn không chăm học nên đã không thuộc bài, cô giáo không hề khen bạn.

+ Bạn nên chăm chỉ hơn để học bài, thuộc bài, làm bài tập đầy đủ.

+ Bạn cần nói thật với bố mẹ rằng mình không thuộc bài để bố mẹ biết tình trạng học tập của bạn, có cách giúp bạn chăm chỉ và học tốt hơn.

- Lưu ý đối với HS:

+ Học tập là nhiệm vụ và quyền lợi của mỗi HS, các bạn cần phải học bài, làm bài đúng quy định.

+ Luôn nói đúng sự thật với bố mẹ (người nuôi dưỡng, chăm sóc mình) về kết quả hay tình trạng thực sự của mình để họ có cách hỗ trợ, giúp đỡ bạn kịp thời, cần thiết, tránh để tình trạng trầm trọng hơn.

Hoạt động 2: Liên hệ bản thân

Đây là hoạt động liên hệ thực tế của bản thân HS. GV nhắc HS mạnh dạn phát biểu và nêu đúng sự thật.

GV mời một số HS kể lại tình huống thật của mình khi các em mắc lỗi và biết nhận lỗi cũng như những lời nói của bố mẹ đối với em trong tình huống đó.

Tuy nhiên, thực tế đời sống luôn có nhiều tình huống xảy ra và không phải bố mẹ lúc nào cũng có những lời nói, hành động phù hợp khi con cái mắc lỗi. GV cần đặc biệt chú ý nếu HS nêu những biểu hiện của bố mẹ như la mắng nặng lời, đánh đập,... Cũng có thể một số em có những biểu hiện tâm lý như xấu hổ, hồi hộp, buồn bã, khóc,... Tại lớp học, GV cần động viên, ổn định tâm lý các em. Sau đó, nhanh chóng dẫn dắt các em vào hoạt

động Thực hành để tránh các em gặp phải vấn đề về tâm lý. Sau đó, nếu có thể, GV dùng một số phương pháp để gửi gắm mong muốn của các em đến bố mẹ.

THỰC HÀNH

Hoạt động 1: Sắm vai để thể hiện việc biết nhận lỗi

Đây là bài thứ 6, hoạt động sắm vai đã khá quen thuộc với HS, GV chỉ cần nhắc HS các nội dung như:

- Thảo luận kịch bản, lời thoại, cách xử lý tình huống.
- Phân vai cho các thành viên.
- Chú ý an toàn khi luyện tập và thể hiện.
- Nêu cách khắc phục, hạn chế (nếu có thể).

Hoạt động 2: Tập nói những câu xin lỗi phù hợp

Trong những tình huống này, nếu có thời gian, GV tiếp tục tổ chức sắm vai như hoạt động trên. GV cũng có thể tổ chức hoạt động nhanh bằng cách cho HS trả lời theo ý kiến cá nhân để phát huy tư duy và cách thể hiện của mình một cách độc lập.

Sau 2 hoạt động ở phần Thực hành, GV lưu ý HS cố gắng rèn luyện để không vấp phải hoặc lặp lại những lỗi trên.

GHI NHỚ

Kết thúc bài học, GV nêu nội dung ý nghĩa và cho HS học thuộc hai câu ca dao:

*Những người tinh nết thật thà,
Đi đâu cũng được người ta tin dùng.*

Bài 7

KHÔNG TỰ Ý LẤY VÀ SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG CỦA NGƯỜI KHÁC

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- Biết được hành vi tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác là không đúng. Nếu được một số tác hại của việc tự ý lấy đồ người khác;
- Đồng tình với việc không tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác; không đồng tình với hành vi tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác;
- Thực hiện và nhắc nhở bạn bè, người xung quanh cùng thực hiện không tự ý lấy đồ dùng của người khác, đây là hành vi vi phạm pháp luật.

KHỞI ĐỘNG

GV sunn tầm và kể cho HS nghe một câu chuyện về gương sáng thật thà của HS. Gợi ý:

- GV sunn tầm các mẫu chuyện về gương sáng ở lớp/trường hoặc trên báo *Nhi Đồng*, *Rùa Vàng*, *Khăn quàng đỏ*,...
- Tham khảo các video clip từ các chương trình truyền hình *Quà tặng cuộc sống*, *Khoảnh khắc kì diệu*,...

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi

- GV tổ chức cho HS xem hình và HS trả lời bằng thẻ trắc nghiệm cá nhân (bông hoa *Nên – Không nên*), nếu câu trả lời vì sao *Nên làm* hoặc *Không nên làm* việc đó.

Hình 1: Bạn Bình nói mượn bút vẽ màu cam của bạn Minh.

GV có thể gợi ý bằng các câu hỏi:

- Các bạn trong hình đang làm gì?
- Em thích bạn Bình hay bạn Minh? Vì sao?

Sau đó GV giải thích cho HS hiểu rằng mượn chử không tự ý lấy đồ dùng của người khác là thể hiện sự thật thà và lịch sự.

Với hình 2: Nga đi siêu thị với mẹ và tự ý lấy bánh ở siêu thị để ăn, các câu hỏi gợi ý có thể là:

- Trong hình có mấy nhân vật?
- Các nhân vật đang làm gì?

– Em thấy hành động của ai là không nên làm? Vì sao?

GV hướng dẫn và phân tích kĩ cho HS thấy hành động của nhân vật bạn nhỏ là không nên. Ở hình này, GV cần khai thác hình ảnh bạn nhỏ đang cầm bánh trên tay (*lấy ở quầy hàng*) trong khi mẹ đã thanh toán đầy đủ sau khi mua hàng ở siêu thị; cô thu ngân tươi cười chào tạm biệt hai mẹ con.

Hình 3: Mẹ đang nấu ăn, Lam tự ý mở túi xách của mẹ.

Việc Lam tự ý mở túi xách trong khi mẹ bận nấu ăn là không nên, lẽ ra em phải xin phép mẹ và phải được mẹ cho phép. Hơn nữa, Lam cần phụ mẹ chuẩn bị bữa ăn.

GV có thể mở rộng thêm: việc lén lút lục lọi đồ của người khác là hành vi gian dối của kẻ trộm (Lam vừa lấy đồ vừa nhìn lén mẹ), nếu xảy ra ngoài xã hội thì có thể bị xử lý trước pháp luật.

Hình 4: Tú đưa lại đồ mà Thanh để quên.

Câu hỏi gợi ý:

– Em nghĩ thế nào về hành động của bạn Tú?

– Bạn Thanh phải làm gì tiếp theo?

Hình có thể phát sinh nhiều tình huống trả lời:

– Tình huống 1: Bạn Tú đã nhắc bạn Thanh lấy đồ để quên.

– Tình huống 2: Thanh cho Tú mượn đồ mà quên lấy lại nhưng Tú vẫn trả lại cho Thanh.

– Tình huống 3: Có thể bạn Tú đã mượn đồ của bạn Thanh mà không hỏi ý kiến nên bây giờ trả lại (Thanh ngạc nhiên vì tưởng đã mất).

GV chốt theo hướng tích cực nhất để giáo dục HS: Hành động và cách xử lí của bạn Tú vẫn đáng khen và nên làm.

Hoạt động 2: Thảo luận

a. Bạn Loan đã làm điều gì sai? Nhờ mẹ khuyên bảo, Loan đã sửa sai như thế nào?

– HS xem nội dung trong từng hình. GV tổ chức cho 3 HS thể hiện tiểu phẩm:

Hình 1: Loan đưa cho mẹ xem con gấu bông đã lấy của bạn.

Hình 2: Mẹ dạy Loan phải trả lại cho bạn và xin lỗi bạn.

Hình 3: Loan đem gấu bông trả lại cho bạn và xin lỗi bạn.

Hình 4: Hai bạn vui vẻ cùng chơi gấu bông với nhau.

– HS thảo luận theo nhóm và trình bày ý kiến.

– GV đề cao và phân tích kĩ hình 4: cả hai bạn cùng chơi với nhau.

b. Vì sao không được tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác?

– GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận nhóm đôi và HS nêu ý kiến. Sau đó, GV chốt ý: không được tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác vì như thế là hành động sai, không thật thà, thiếu tôn trọng bản thân và cả người khác.

– GV cần động viên, khích lệ những ý đúng trong các câu trả lời của HS để từ đó dẫn dắt HS tiếp cận nội dung chính của bài học: em không được tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác; nếu em lỡ làm sai thì nên trả lại và xin lỗi; cũng cần tha lỗi cho bạn bè khi bạn lỡ sai lầm.

Hoạt động 3: Chia sẻ

Để bước chuyển tiếp sang hoạt động 3 được tự nhiên, liền mạch, GV cần có những lời dẫn phù hợp.

a. Em đồng tình và không đồng tình với việc làm nào? Vì sao?

Hình 1: Hùng hỏi mượn xe đạp của Thắng.

Hình 2: Mai trách Cường tự ý lấy sách của Mai.

– HS xem hình và sử dụng thẻ chọn để chia sẻ ý kiến cá nhân. HS có thể dễ dàng *đồng tình* với việc làm ở hình 1, *không đồng tình* với việc làm ở hình 2.

– GV yêu cầu HS nêu lí do vì sao chọn thẻ *đồng tình* hoặc *không đồng tình*. Qua đó, GV giúp các em nhận biết được điều cơ bản: đồng tình với thái độ, hành vi không tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác; không đồng tình với hành vi tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác

b. Khi muốn sử dụng đồ dùng của người khác, em phải làm gì?

GV gợi ý thêm:

– Khi muốn sử dụng đồ dùng của người khác, em phải làm gì?

– Khi được cho mượn, em sẽ sử dụng và giữ gìn đồ dùng đó như thế nào? Tại sao?

– Khi hỏi/xin phép mượn đồ dùng nhưng không được cho mượn, em sẽ làm gì?

– Khi mượn đồ và dùng xong, em sẽ làm gì?

Từ đó, GV giúp HS hiểu được là phải xin phép, hỏi ý kiến và được sự chấp nhận mới được mượn và sử dụng đồ dùng của người khác. Mượn thì phải giữ gìn đồ dùng đó cẩn thận và nhớ trả lại. Khi trả phải biết cảm ơn. Việc tự ý lấy đồ dùng của người khác dù có ý hay vô ý cũng gần với việc ăn trộm và nếu nghiêm trọng có thể bị xử lý trước pháp luật, mọi người sẽ xa lánh, không chơi với mình.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Xử lý tình huống

SGK đưa ra tình huống: Hải tự ý lấy đồ chơi (robot) của Đông và rủ Khang cùng chơi chung.

Sau khi HS hình dung được tinh huống, GV hướng dẫn để HS suy nghĩ và đưa ra những lời khuyên mang tính tích cực, thích hợp, rèn luyện thêm kỹ năng giải quyết vấn đề cho các em bằng những câu hỏi gợi mở như:

- Em đồng ý với hành động và lời nói của bạn Hải không? Vì sao?
- Nếu em là bạn Khang, em sẽ nói gì và làm gì?
- Em nghĩ bạn Hải sẽ làm gì sau khi nghe bạn Khang nói?
- HS nêu thêm ý kiến khác...

Hoạt động 2: Liên hệ bản thân

HS có thể kể về một lần đã xin phép để sử dụng đồ của người khác và nêu thái độ của người đó như thế nào.

GV có thể: a) Cho HS chuẩn bị trước ở nhà để phát biểu trong giờ học; hoặc b) Xem đây như một bài tập, HS về nhà chuẩn bị và vào buổi học sau, GV cho một vài HS phát biểu trước lớp.

THỰC HÀNH

GV tổ chức hoạt động theo tổ với yêu cầu:

- Mỗi tổ đưa ra một hình huống nhắc nhở bạn không tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác.
- Tổ khác sẽ thảo luận và thực hiện sắm vai hành vi không tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác.

Ngoài ra, GV có thể gợi ý thêm tinh huống cho HS khai thác và thực hành:

- *Lan để quên cài tóc rất đẹp trên bàn học, Mai nhìn thấy và rất thích nó. Mai sẽ làm gì?*
- *Nam có ba cây bút chì chuốt săn trong hộp bút để trên bàn, Thanh chỉ có một cây bút chì bị gãy. Thanh sẽ làm như thế nào?*
- *Hưng và Thắng thấy một chai nước ai đó để quên ở căng-tin trường học. Hai bạn sẽ làm sao cho đúng?*

Sau khi HS thực hiện xong hoạt động sắm vai, GV có thể cho cả lớp nhận xét, đánh giá để biếu dương, rút kinh nghiệm.

GHI NHỚ

Kết thúc bài học, GV cho HS học thuộc lòng câu: *Em không được tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác nhé.*

Bài 8

TRẢ LẠI CỦA RƠI

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- Nếu được hành động nhặt được của rơi, biết tìm cách trả lại cho người đánh mất là biểu hiện của tính thật thà;
- Hiểu được vì sao khi nhặt được của rơi phải trả lại cho người đánh mất;
- Đồng tình với hành động trả lại của rơi cho người đánh mất; không đồng tình với thái độ, hành vi nhặt được của rơi nhưng không trả lại cho người đánh mất hoặc thờ ơ cho đó không phải là việc của mình;
- Thực hiện được hành động trả lại cho người đánh mất khi nhặt được của rơi.

KHỞI ĐỘNG

GV cho HS diễn hoạt cảnh *Bà Công đi chợ* (đã được tập dượt trước) cho cả lớp xem để vừa tạo tâm thế, hứng thú, vừa kết nối HS với nội dung bài học (Do HS lớp 1 đã biết bài đồng dao *Bà Công đi chợ* hoặc đã được nghe, xem và hát bài hát cùng tên của nhạc sĩ Phạm Tuyên nên GV có thể cho cả lớp cùng đọc bài đồng dao hoặc cho cả lớp hát trong hoạt động khởi động).

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi

Khi xem hình, HS có thể trả lời câu hỏi theo nội dung quan sát được ở từng hình.

Hình 1: Tan trường, trên đường về, bạn Thành thấy bạn nữ đi trước làm rơi một cây bút.

Hình 2: Thành cúi xuống và nhặt cây bút của bạn.

Hình 3: Thành đuổi theo bạn nữ và gọi bạn ấy lại.

Hình 4: Thành trao lại cây bút cho bạn nữ. Bạn nữ vui vẻ khi nhận lại đồ vật của mình đánh rơi.

GV cần động viên, khích lệ những ý đúng trong các câu trả lời của HS. Song song đó, GV nên khen ngợi HS biết trả lời câu hỏi thành một câu chuyện liền mạch, ví dụ: “Giờ ra về, Thành trông thấy một bạn nữ đi trước đánh rơi cây bút của mình nhưng không hay biết. Thành vội nhặt lên, nhanh chân chạy theo và trả lại vật nhặt được cho bạn nữ”.

Sau khi nghe HS trả lời, GV nhận xét và giúp cho HS hiểu rõ ý nghĩa và giá trị mang lại từ câu chuyện trên bằng các câu hỏi gợi mở:

- Bạn Thành nhặt được của rơi lúc chỉ có một mình, không ai trông thấy, vậy tại sao bạn Thành không giữ lại cho mình?

– Thái độ của bạn nữ khi nhận lại vật đánh rơi như thế nào?

– Em có thể đặt tên cho câu chuyện trên là gì? (*Chuyện bạn Thành, Bạn Thành thật thà, Bạn Thành đáng yêu...*).

Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt HS tiếp cận nội dung chính của bài học: Trả lại của rơi cho người đánh mất là hành động đúng đắn và đáng yêu của người thật thà.

Hoạt động 2: Thảo luận

a. Các bạn đã làm thế nào để trả lại của rơi cho người đánh mất?

GV chia lớp thành hai đội và mỗi đội có thể chia thành nhiều nhóm (tùy theo điều kiện của lớp). Một đội thảo luận về việc làm của bạn nam (trong cặp hình phía trên) và đội còn lại thảo luận về việc làm của bạn nữ (trong cặp hình phía dưới) để trả lại của rơi cho người đánh mất.

– Cặp hình trên. Hình 1: Bạn nam trên đường đi học về ngang qua công viên nhìn thấy một chiếc điện thoại của ai đó đánh rơi (bỏ quên). Hình 2: Bạn ấy đã nhặt và giao chiếc điện thoại cho bác bảo vệ trong Ban Quản lý công viên, nhờ bác tìm và gửi lại cho người đánh mất.

– Cặp hình dưới. Hình 1: Một bạn nữ trên đường đi thì nhìn thấy bên gốc cây có một chiếc ví của ai đó đánh rơi. Bạn ấy đã tìm đến chủ công an và nhờ trao lại chiếc ví nhặt được cho người đánh rơi.

Sau khi HS thảo luận về từng việc làm, GV cho cả lớp phát biểu.

Để khai thác tinh huống trên, GV không nên dừng lại ở việc chỉ yêu cầu HS nêu lại cách làm của hai bạn nhỏ mà gợi ý để HS trả lời thêm câu hỏi:

– Vì sao bạn nam lại trao chiếc điện thoại cho bác bảo vệ mà không trao cho ai khác? (Vì bạn nam không biết được người làm rơi điện thoại là ai nên phải nhờ bác bảo vệ là người lớn và đáng tin cậy;...)

– Vì sao bạn nữ lại trao chiếc ví cho chủ công an mà không phải là người khác? (Vì bạn nữ nghĩ chủ công an là người rất giỏi trong việc giúp tìm ra người làm rơi ví; vì bạn nữ rất tin tưởng chủ công an; vì chủ công an luôn giúp đỡ người dân trong mọi việc...)

– Ngoài bác bảo vệ, chủ công an, em có thể trao lại vật nhặt được cho ai để trả lại cho người đánh mất? (thầy cô, ông bà, cha mẹ, nhân viên siêu thị, nhân viên cửa hàng...)

Sau khi HS nêu ý kiến, GV có thể kết ý: Khi nhặt được của rơi, các em nên tìm đến và trao vật nhặt được cho những người lớn đáng tin cậy như bác bảo vệ, chủ công an, thầy cô, ông bà, cha mẹ... để có thể trả lại cho người đánh mất.

b. Vì sao khi nhặt được của rơi, phải tìm cách trả lại cho người đánh mất? (Vì đó là tài sản của họ, họ phải làm việc vất vả mới có được)

Sau khi HS nêu suy nghĩ của mình, GV kết ý: Khi nhặt được của rơi, cần tìm đến ngay những người lớn đáng tin cậy để mau chóng trả lại cho người đánh mất vì đó là tài sản riêng, quý giá đối với họ, gia đình họ...

Hoạt động 3: Chia sẻ

Để bước chuyển tiếp từ hoạt động 2 sang hoạt động 3 được tự nhiên, liền mạch, GV cần có những lời dẫn phù hợp.

a. Em đồng tình với ý kiến của bạn Dũng hay của bạn Hoa? Vì sao?

Sau khi quan sát hình (HS quan sát cá nhân hay thảo luận nhóm – tùy vào GV và điều kiện của lớp học), HS dễ dàng đồng tình với việc làm của bạn Hoa và không đồng tình với việc làm của bạn Dũng. Để có thể phát triển toàn diện nhận thức của các em về việc cần làm của bạn Hoa để thuyết phục bạn Dũng cùng nhặt chiếc đồng hồ của ai đó đánh rơi đem về nộp cho cô giáo, GV có thể đặt ra các câu hỏi:

- Lời nói của Dũng cho thấy bạn ấy là người như thế nào?
- Em có thể nêu lí do vì sao Dũng nói như vậy?
- Vì sao em đồng tình với ý kiến của bạn Hoa?
- Em đoán xem câu chuyện sẽ diễn ra như thế nào?
- Em nghĩ Hoa đã nói gì với Dũng để Dũng đồng tình với Hoa?
- Em thấy gì qua câu chuyện của Thành, của Hoa?

Có thể khi trả lời, HS đưa ra các ý kiến khác nhau, vì vậy GV cần chuẩn bị các phương án đối thoại sao cho vừa tôn trọng suy nghĩ của các em, vừa đảm bảo định hướng giáo dục của bài học.

Mục tiêu cuối cùng ở đây là giúp các em nhận biết được điều cơ bản: cần đồng tình với suy nghĩ, hành vi biết quan tâm đến những người xung quanh, cảm thông với sự lo lắng, khó khăn của người đánh mất đồ đạc, tài sản... để khi gặp tình huống nhặt được của rơi thì biết tìm cách trả lại cho người đã mất; không đồng tình với suy nghĩ không phải của mình thì khi thấy của rơi đúng nhất, như vậy là chưa biết quan tâm đến những người xung quanh và giúp đỡ họ khi cần thiết.

b. Khi nhặt được của rơi, làm thế nào để trả lại người đánh mất?

SGK chỉ nêu hành động trả lại của rơi cho người đánh mất trong tình huống thuận lợi là người nhặt biết được người đánh rơi là ai (Chuyện của Thành), hay tình huống người nhặt được của rơi biết tìm đến những người đáng tin cậy và nhờ họ trao lại của nhặt được cho người đánh mất (Chuyện của bạn nam nhặt được điện thoại; bạn nữ nhặt được ví tiền; chuyện của Dũng, của Hoa nhặt được đồng hồ). Vì thế trong hoạt động này, GV cần động viên, khuyến khích để HS xuất phát từ thực tế của những người trong gia đình, của bản thân, của những người xung quanh để nêu thêm những cách làm hay (hiệu quả) để trả lại của nhặt được cho đúng người đã đánh rơi (không trả nhầm hoặc trả cho người có tinh tham lam).

Dựa vào ý kiến của HS, GV có thể giúp HS biết cách để trả lại của rơi cho đúng người đánh mất bằng các câu hỏi gợi mở:

– Người nhặt được phải nhớ rõ về địa điểm, hoàn cảnh lúc nhặt được của rơi.

– Khi là người trực tiếp trả lại của rơi thì phải kiểm tra xem những thông tin về đồ vật, của cải nhặt được mà người muôn nhận lại cung cấp có chính xác hay không. Nếu thông tin chính xác thì việc trả lại cho người đánh mất mới thật sự có ý nghĩa (tránh việc trả nhầm hoặc trao nó cho người tham lam).

GV chốt ý: Trả lại của rơi là việc làm thể hiện sự quan tâm đến mọi người xung quanh. Việc trả lại của rơi chỉ thật sự có ý nghĩa khi trao lại cho đúng người đánh mất.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Xử lý tình huống

SGK đưa ra tình huống “Một bạn nữ cho bạn xem chiếc vòng vừa nhặt được và bạn ấy tỏ ra rất thích chiếc vòng”. Sau khi HS hình dung được tình huống, GV hướng dẫn để HS suy nghĩ và đưa ra lời khuyên mang tính tích cực. Ví dụ:

– Em sẽ khuyên hai bạn nói rõ cho cha mẹ biết nếu đang ở nhà; cùng đến gặp thầy cô, bác bảo vệ (nếu sự việc diễn ra ở trường), đến gặp bảo vệ, nhân viên hướng dẫn... (nếu ở sân ga, siêu thị, khu vui chơi...) để báo rằng có nhặt được chiếc vòng và nhờ người lớn tìm cách thông báo, trả lại cho người đánh mất. Khuyên hai bạn không nên sử dụng chiếc vòng vì có thể làm hỏng nó trước khi trao lại cho người mất.

Hoạt động 2: Liên hệ bản thân

Để HS có thể kể việc em hoặc bạn em nhặt được của rơi và đã trả lại cho người đánh mất, GV có thể: a) Cho HS chuẩn bị trước ở nhà để phát biểu trong giờ học; hoặc b) Xem đây như một bài tập, HS về nhà chuẩn bị và vào buổi học sau, GV cho một vài HS phát biểu trước lớp.

THỰC HÀNH

Hoạt động 1: Sắm vai thể hiện tình huống

SGK giới thiệu tình huống thể hiện qua hình: Hai bạn nam và nữ trên đường đi đến trường thì nhặt được một chiếc điện thoại của ai đó đánh rơi. Đi được một lúc, hai bạn gặp một người thanh niên, người này nhận: “Điện thoại này của tôi.”. Bạn nữ hỏi người thanh niên: “Số điện thoại của anh là gì ạ?”. Kết thúc tình huống là hai bạn đến văn phòng nộp chiếc điện thoại cho thầy hiệu trưởng.

GV chia lớp thành các nhóm 4 HS/nhóm để cùng sắm vai (mỗi em nhận một vai). Để đảm bảo thời lượng, GV chỉ nên đặt ra những yêu cầu đơn giản về lời nói, động tác, thái độ cần thể hiện trong mỗi hình để nối kết liền mạch câu chuyện.

Sau khi HS thực hiện xong hoạt động sắm vai, GV có thể cho cả lớp nhận xét, đánh giá để biểu dương, rút kinh nghiệm.

Hoạt động 2: Làm theo những tấm gương nhặt được của rồi trả lại người đánh mất.

GV cần hướng dẫn thêm về thái độ, cử chỉ cần thiết của HS khi trao lại của cải, đồ vật cho người đánh mất: thái độ tự nhiên, thân thiện; lời nói nhẹ nhàng thể hiện niềm vui của người trả như cùng hoà với niềm vui của người nhận; đón nhận lời cảm ơn trong vui vẻ (Và nếu trong vai trò của người nhận, cần thể hiện lòng biết ơn qua lời cảm ơn chân thành gửi đến người trao).

GHI NHỚ

Trước khi kết thúc bài học, GV cho HS học thuộc lòng câu ghi nhớ: *Khi nhặt được của rồi, phải tìm cách trả lại người đánh mất.*

Cả lớp cùng hát bài *Bà Công đi chợ* để kết thúc bài học.

Lưu ý

– Để tăng cảm xúc cho HS cuối tiết học (nếu còn thời gian) hoặc sử dụng ít thời gian trong tiết sinh hoạt tập thể tuần học 16, GV có thể kể cho HS nghe truyện ngắn *Đồng đô la bất hạnh* (truyện nước ngoài của tác giả Patrick White) hoặc câu chuyện trong phiên tòa xét xử vụ án hôi bia ở Đồng Nai diễn ra ngày 8/7/2014, một vị hội thẩm nhân dân trong Hội đồng xét xử đã đọc bài thơ *Bà Công đi chợ* để răn dạy hai bị cáo hôi bia.

– Vì đây là bài học cuối của chủ đề *Thật thà* nên GV có thể chốt chung 3 bài học thành ghi nhớ cho HS học thuộc.

Chân trời sáng tạo

Bài 9

SINH HOẠT NỀN NẾP

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- Nhận được một số biểu hiện của việc sinh hoạt nền nếp;
- Nhận biết được sự cần thiết phải sinh hoạt nền nếp;
- Đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện việc sinh hoạt nền nếp; không đồng tình với thái độ, hành vi chưa sinh hoạt nền nếp;
- Thực hiện và hình thành những thói quen sinh hoạt nền nếp như gọn gàng, ngăn nắp, đúng giờ, v.v. trong học tập, sinh hoạt, vui chơi hàng ngày.

KHỞI ĐỘNG

Trò chơi Ai nhanh, ai đúng

Cách chơi:

- GV yêu cầu HS cất tất cả sách vở, đồ dùng học tập vào cặp hoặc ngăn bàn.
- Đề cử 1 HS làm quản trò.
- Quản trò nói: “Tôi cần, tôi cần”. Cả lớp trả lời: “Cần gì? Cần gì?”.
- Quản trò nói: “Cần quyển sách Toán (quyển vở tập viết, cây bút chì màu, cục gôm, cây thước, viên phẩn,...)”.
- HS tìm vật yêu cầu, rồi cầm đưa lên thật nhanh. HS đưa vật yêu cầu lên chậm hoặc đưa không đúng vật được yêu cầu là thua, không được chơi nữa.

Sau khi kết thúc trò chơi, GV cần hỏi HS: “Để lấy thật nhanh vật được yêu cầu, em phải sắp xếp sách vở và đồ dùng học tập như thế nào?”. Từ câu trả lời của HS, GV khéo léo chốt ý, giải thích “*Sinh hoạt nền nếp*” là *sinh hoạt thể nào* rồi chuyển sang phần khám phá.

GV cũng có thể lựa chọn, sử dụng trò chơi khác, bài hát, bài thơ khác có nội dung về sinh hoạt nền nếp, phù hợp với HS lớp 1 để thực hiện phần khởi động này.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi

a. HS quan sát hình và có thể trả lời ngay: “Hình 2 thể hiện sinh hoạt nền nếp”. Tuy nhiên, GV cần cho HS trả lời nội dung từng hình, trước khi kết luận là hình 2.

Hình 1: Bạn nam không thức dậy đúng giờ và mẹ phải gọi dậy.

GV cũng có thể đặt thêm vài câu hỏi cho HS như: Bạn nào trong lớp luôn thức dậy đúng giờ, không cần ai gọi? (GV khen ngợi ngay những HS này, khuyến khích các em

khác tập thúc dậy đúng giờ); Theo em, bạn nam trong hình nên làm gì để thúc dậy đúng giờ? (Ngủ sớm, không thức khuya, để đồng hồ báo thức,...)

Hình 2: Mọi người cùng tập thể dục buổi sáng.

GV nên cho HS trình bày thêm: Để có thể cùng nhau tập thể dục buổi sáng, mọi người phải thúc dậy thế nào? (dậy cùng lúc, dậy sớm,...); Tập thể dục thể thao có lợi ích gì? Em có tập thể dục hay luyện tập môn thể thao nào không? Từ đó, GV khuyến khích, động viên HS tập thói quen rèn luyện thân thể hằng ngày.

b. HS có thể trả lời nhanh là góc học tập 1 vì nó gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ. Nhưng để có thể biết được nền nếp của HS ở nhà và tạo không khí lớp được hào hứng hơn, GV có thể thêm câu hỏi: “Góc học tập của em ở nhà giống hình 1 hay hình 2?” trước khi HS trả lời câu hỏi trong sách. Thầy cô cũng cần hỏi thêm: “Để có góc học tập sạch đẹp, gọn gàng như hình 1, các em phải làm gì?”.

Hoạt động 2: Thảo luận

a. GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm không quá 6 HS để mỗi HS đều có thể tham gia đóng góp ý kiến.

Hình 1: Xếp hàng trật tự khi ra vào lớp.

Hình 2: Mặc đồng phục chỉnh tề, sạch sẽ khi đến trường.

Hình 3: Tập trung chú ý khi người khác phát biểu, trình bày.

Hình 4: Sắp xếp quần áo gọn gàng.

GV cần đề nghị các nhóm cho biết vì sao phải thực hiện như các hình vẽ. Ví dụ, hình 1: Chúng ta phải xếp hàng trật tự, không chen lấn, xô đẩy khi ra vào lớp để tránh té ngã, bàn ghế không bị xô lệch.

b. Sau khi các nhóm nêu xong, GV cho nhóm tiếp tục thảo luận để trả lời câu hỏi *Sinh hoạt nền nếp có lợi ích gì?*

Hoạt động 3: Chia sẻ

a. GV cho HS quan sát kĩ phòng của bạn Hà và nêu ý kiến của mình. GV cũng có thể đặt các câu hỏi gợi ý để HS tập trung vào ý gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ,...

GV cần đặt thêm câu hỏi: Để căn phòng được sạch đẹp như phòng bạn Hà, chúng ta phải làm gì?

b. GV cho HS kể thêm một số biểu hiện của sinh hoạt nền nếp trong sinh hoạt, học tập hằng ngày.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Xử lý tình huống

a. Trước tiên, GV cho HS xem và nêu nội dung hình:

Hình 1: Một bạn trai đang đá bóng khi trời đã tối.

Hình 2: Bố mẹ đang đợi dù người để ăn cơm.

Sau đó, dựa vào hình, GV có thể gợi ý cho HS xây dựng tình huống hoặc GV nêu tình huống cụ thể, rõ ràng như: Sơn rất thích chơi đá bóng. Đi học về, thay đồ xong, Sơn liền đi ra khoảng đất trống gần nhà để chơi đá bóng. Ngày nào, bố mẹ Sơn cũng phải chờ đợi Sơn về ăn cơm. Em sẽ khuyên Sơn thế nào đây?

GV có thể cho HS thảo luận nhóm đôi để xử lý tình huống này. GV nên cho các nhóm trình bày kiểu đối thoại trực tiếp trong thực tế để GV điều chỉnh, hướng dẫn HS cách khuyên nhủ người khác thật nhã nhặn, lịch sự, có văn hoá.

b. Từ hình trong sách, GV gợi ý cho HS nêu những việc anh, chị, em,... trong gia đình mình chưa sinh hoạt nền nếp. Sau đó cho HS nêu tiếp em đã làm gì khi thấy anh, chị, em,... ở nhà chưa sinh hoạt nền nếp. GV khen ngợi HS có cách xử lý tốt, điều chỉnh cách xử lý chưa tốt của HS. GV hướng dẫn các HS khác cách xử lý hay, khéo khi thấy anh, chị, em,... chưa sinh hoạt nền nếp.

Hoạt động 2: Liên hệ bản thân

GV yêu cầu HS nêu những việc cần phải làm để sinh hoạt ở nhà, ở trường được nền nếp hơn. Thầy cô giúp HS nêu được biện pháp cụ thể để sinh hoạt nền nếp hơn.

THỰC HÀNH

Hoạt động 1: Chuẩn bị sách vở, dụng cụ học tập cho buổi học ngày mai.

GV đọc từng môn học trong thời khoá biểu ngày mai. HS nêu những sách vở, đồ dùng cần thiết cho môn học đó và lấy bút vào cắp. Những sách, vở, đồ dùng nào không có ngay tại lớp, HS sẽ bổ sung khi về nhà.

GV yêu cầu HS khi về nhà: Mỗi tối, nhờ bố mẹ đọc từng môn học trong thời khoá biểu hôm sau và tự soạn sách vở, đồ dùng học tập như đã làm ở lớp.

Hoạt động 2: Lập thời gian biểu và hằng ngày thực hiện công việc theo nền nếp.

GV có thể cho HS hoạt động nhóm để xây dựng thời gian biểu những việc cần làm trong ngày của mình theo thứ tự thời gian. Chú ý hoàn cảnh của HS, thời gian biểu của mỗi HS có khác nhau nhưng phải hợp lý và phù hợp với mỗi gia đình.

Ví dụ: Bạn A nhà xa trường nên phải dậy lúc 6 giờ sáng, bạn B nhà gần trường nên 6 giờ 30 thức dậy.

GHI NHỚ

GV có thể cho HS học thuộc ghi nhớ tại lớp. Để HS hứng thú, các em đọc tiếng nào, vỗ tay theo tiếng ấy, đọc và vỗ tay nhanh dần, lớp học sẽ rất hào hứng.

Bài 10

CÙNG THỰC HIỆN NỘI QUY TRƯỜNG, LỚP

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- *Nêu được những biểu hiện của việc thực hiện đúng nội quy trường, lớp;*
- *Nhận biết được sự cần thiết phải thực hiện đúng nội quy trường, lớp;*
- *Đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện thực hiện đúng nội quy trường, lớp; không đồng tình với thái độ, hành vi không thực hiện đúng nội quy trường, lớp;*
- *Tự giác thực hiện đúng nội quy trường, lớp.*

KHỞI ĐỘNG

- HS nghe hoặc hát theo clip hay đĩa nhạc bài hát *Bài ca đi học* (Nhạc và lời: Phan Trần Bằng). Dựa vào nội dung bài hát, GV giới thiệu bài.
- GV cũng có thể lựa chọn bài hát, bài thơ khác có nội dung nói về trường lớp, thích hợp với HS lớp 1 để khởi động.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi

Học sinh quan sát từng hình và trả lời:

Hình 1: Giữ vệ sinh sân trường và chăm sóc cây xanh.

Hình 2: Lễ phép chào cô giáo khi cô vào lớp.

Hình 3: Chào hỏi người lớn trong trường học.

Hình 4: HS biết bỏ rác đúng quy định (bỏ rác vào thùng rác phân loại).

Hoạt động 2: Thảo luận

a. GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm không quá 6 HS để mỗi HS đều có thể tham gia đóng góp ý kiến:

Hình 1: Bạn nam chưa thực hiện đúng nội quy vì đi muộn.

Hình 2: Hai bạn nam nói chuyện làm mất trật tự trong giờ học, chưa thực hiện đúng nội quy.

Hình 3: HS mặc đồng phục gọn gàng, sạch sẽ khi đến trường, biết chào bác bảo vệ.

Hình 4: Hai bạn đuổi nhau trên cầu thang, chưa thực hiện đúng nội quy.

b. Sau khi các nhóm trình bày xong, GV cho nhóm tiếp tục kê thêm những việc làm thực hiện đúng nội quy và những việc làm chưa thực hiện đúng nội quy trường, lớp.

Hoạt động 3: Chia sẻ

a. HS quan sát hình và nêu lên ý kiến của mình:

Hình 1: Em không đồng tình khi các bạn để phòng học như thế vì phòng học phải luôn sạch sẽ, gọn gàng.

Hình 2: Em không đồng tình với bạn nam đã vẽ lên bàn học vì vẽ như thế sẽ làm hư và bẩn bàn học.

Hình 3: Em không đồng tình khi các bạn chơi đùa trong lớp, leo lên bàn học vì chơi đùa như thế có thể gây tai nạn và làm hư hỏng bàn ghế.

Hình 4: Em không đồng tình với bạn nữ chơi gấu bông trong giờ học vì trong giờ học phải tập trung nghe giảng.

b. GV cho HS nêu nội quy nào khó thực hiện nhất và nói rõ vì sao. Từ đó, GV gợi ý cho cho HS biện pháp để thực hiện tốt nội quy ấy.

c. HS có thể thảo luận nhóm đôi và trình bày vì sao phải thực hiện nội quy trường, lớp.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Xử lý tình huống

GV cho HS xem và nêu nội dung hình: Hai bạn đang đánh nhau. Sau đó, GV có thể gợi ý cho HS nêu một vài tình huống có thể dẫn đến đánh nhau ở trường: Đùa giỡn quá mức làm đau nhau; Đe, chạy va chạm nhau nhưng không xin lỗi; Lấy đồ dùng của bạn mà không xin phép; Chọc ghẹo bạn,...

Tùy từng tình huống cụ thể HS đưa ra, GV cho HS xử lí. GV cần nhấn mạnh cho HS cách xử lí tốt nhất là dùng lời lẽ hoà nhã, lịch sự khi khuyên nhủ bạn bè không nên đánh nhau và để tránh đánh nhau, cần phải biết nhận lỗi, xin lỗi.

Hoạt động 2: Liên hệ bản thân

a. GV yêu cầu HS kể lại một việc em và các bạn đã cùng làm để thực hiện đúng nội quy trường, lớp.

Chú ý: HS phải kể chân thật việc bản thân và bạn bè đã làm. GV khen ngợi, động viên các HS đã biết thực hiện đúng nội quy trường, lớp.

b. HS nêu điều mình chưa thực hiện được trong nội quy của lớp thời gian qua và sẽ làm gì để thực hiện được điều đó trong thời gian tới.

Thầy, cô cần yêu cầu HS nêu được biện pháp cụ thể để thực hiện. Ví dụ: Em thường để quên sách vở, đồ dùng học tập ở nhà. Em sẽ tập thói quen soạn sách vở, đồ dùng học tập theo thời khoá biểu ngay sau khi ăn cơm chiều xong để không bị quên.

THỰC HÀNH

Hoạt động 1: Trang trí bảng nội quy lớp học theo ý thích của mình.

HS có thể làm việc theo tổ, nhóm để trang trí bảng nội quy lớp học. HS tự sáng tạo theo thống nhất của tổ, nhóm mình. Các em có thể cắt, dán, vẽ,... tùy ý.

GV cần dặn dò HS chuẩn bị các dụng cụ, vật liệu cần thiết trước tiết học này. GV chú ý khen ngợi, động viên HS sáng tạo, cố gắng hoàn thành công việc.

Tùy trình độ HS và điều kiện sẵn có, GV tổ chức cho HS thực hiện. GV cũng có thể cho HS thực hiện hoạt động này thật vui tươi, hào hứng như sau:

Gợi ý 1:

– GV phát tờ bìa A3 cho mỗi nhóm, trên tờ bìa vẽ sẵn cây xanh (nếu HS có khả năng, có thể cho HS tự vẽ cây xanh).

– HS vẽ, cắt hình trái cây trên giấy thủ công, sau đó ghi chữ có nội dung là các quy định, nội quy như: chuyên cần, đúng giờ, lễ phép, đoàn kết, trật tự,... trên trái cây đó (tùy trình độ HS, GV theo dõi và hỗ trợ).

– HS dán những trái cây đã có chữ lên cây xanh trên tờ bìa (hoặc dán các hình trái cây có chữ viết sẵn, nếu có).

– HS có thể trang trí thêm trên tờ bìa của mình.

Gợi ý 2:

– GV phát cho mỗi nhóm một cành cây khô được cắm trong chậu nhựa.

– HS vẽ, cắt hình trái cây, lá cây, bông hoa trên giấy thủ công, sau đó ghi chữ có nội dung là các quy định, nội quy như: chuyên cần, đúng giờ, lễ phép, đoàn kết, vệ sinh,... trên trái cây đó (tùy trình độ HS, GV theo dõi và hỗ trợ).

– HS dán hoặc dùng dây treo những trái cây, lá cây, bông hoa đã có chữ lên cành cây khô (hoặc dán các hình trái cây, lá cây, bông hoa có chữ viết sẵn, nếu có).

Thực hiện xong, các nhóm trình bày, cả lớp nhận xét. GV nhận xét, bổ sung.

Hoạt động 2: Nhắc nhở bạn cùng thực hiện đúng nội quy trường, lớp.

Để nhắc nhở các bạn cùng thực hiện đúng nội quy trường, lớp, GV nên hướng dẫn HS từng bước:

– Tìm hiểu vì sao bạn chưa thực hiện đúng nội quy, quy định ấy.

– Bạn gặp khó khăn gì khi thực hiện nội quy, quy định đó?

– Nhắc nhở và gợi ý cho bạn cách khắc phục khó khăn để thực hiện đúng nội quy hơn.

Lưu ý HS cần thể hiện sự chân thành, quan tâm đến bạn khi nhắc nhở; tránh việc chê bai, ra lệnh, hù doa bạn,...

GHI NHỚ

Thời gian này, HS đã có thể đọc được. GV có thể đọc ghi nhớ và cho HS đọc theo. Sau đó, cả lớp đọc ghi nhớ, từng HS đọc ghi nhớ (hoặc đánh vần để đọc).

Bài 11

TỰ CHĂM SÓC BẢN THÂN

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- *Nêu được những việc làm hàng ngày để tự chăm sóc bản thân như đánh răng, giữ ấm cơ thể, tắm rửa, tập thể dục, ngồi học đúng tư thế...*
- *Nhận biết được sự cần thiết của việc tự chăm sóc bản thân;*
- *Đồng tình với những việc làm có lợi cho sức khỏe, không đồng tình với những thói quen trong sinh hoạt có hại cho sức khỏe;*
- *Thực hiện được những việc tự chăm sóc bản thân ở nhà hay ở trường.*

KHỞI ĐỘNG

HS lớp 1 đã biết nhiều bài hát ngắn, vui, dễ hát về các hoạt động thể dục, vệ sinh buổi sáng. Bài hát *Tập thể dục buổi sáng* (Nhạc và lời: Minh Trang) mà SGK giới thiệu chỉ là một gợi ý. GV có thể chọn một bài hát khác cùng chủ đề (ví dụ *Con cào cào* – Khánh Vinh, *Rửa mặt như mèo* – Hàn Ngọc Bích, v.v.) cho cả lớp hát hoặc kể cho HS nghe một đoạn truyện *Bạn Lợn lười tắm* (Tác giả: Hiền Bùi)... để vừa tạo tâm thế, hứng thú, vừa kết nối HS với nội dung bài học.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi

Khi xem hình, HS có thể trả lời câu hỏi *Các bạn đã tự làm những việc gì? Những việc đó có lợi ích như thế nào?* theo nội dung quan sát được ở từng hình. Ví dụ:

Hình 1: Bạn nữ đang đánh răng. Việc đánh răng giúp cho bạn ấy có hàm răng sạch sẽ, hơi thở thơm tho.

Hình 2: Bạn nữ mặc áo dài tay đang choàng khăn vào cổ. Việc này giúp giữ ấm cổ và cơ thể.

Hình 3: Bạn nam đang tắm với xà phòng. Việc tắm rửa giúp cho cơ thể sạch sẽ, mát mẻ, thoái mái.

Hình 4: Hai chị em đang tập thể dục. Việc tập thể dục giúp cho cơ thể dẻo dai, khoẻ mạnh, tinh thần sảng khoái.

Sau khi nghe HS trả lời, GV cần động viên, khích lệ những ý đúng trong các câu trả lời của HS để từ đó giúp cho HS hiểu rõ những việc làm trên đều mang lại lợi ích thiết thực cho sức khoẻ và người biết tự mình làm những công việc vừa nêu là biết chăm sóc bản thân, biết yêu thương chính mình.

Hoạt động 2: Thảo luận

a. Em đồng tình với việc làm của các bạn không? Vì sao?

Hoạt động này có yêu cầu cao hơn hoạt động 1 ở chỗ: HS phải biết nêu các chi tiết (nhân vật, khung cảnh, hoàn cảnh ...) có trong hình, hành động của các nhân vật, thái độ của từng nhân vật thể hiện biết hay không biết tự chăm sóc bản thân.

Tuỳ vào tình hình của lớp, GV có thể chia lớp thành các nhóm 4 HS, mỗi nhóm thảo luận nội dung một hình về việc làm của các bạn có thể hiện biết tự chăm sóc bản thân hay không. Sau đó cho các nhóm trình bày, cả lớp phát biểu về từng việc làm trong mỗi hình:

Hình 1: Hai bạn nam và nữ đang cùng nhau đi bộ (tập thể dục) trong một không gian thoáng đãng (xanh mát). Trông gương mặt của hai bạn rất vui vẻ và thoải mái.

Hình 2: Bạn nữ đang ngồi quá gần màn hình ti vi để xem phim hoạt hình.

Hình 3: Bạn nam đang làm vệ sinh buổi sáng nhưng chỉ súc miệng và nghĩ không cần phải đánh răng.

Hình 4: Bạn nam đang trên đường đi học với mái tóc bù xù, gương mặt lem bẩn, quần áo xộc xệch, ba lô chỉ mang một bên vai.

Sau khi HS đã thảo luận về từng việc làm, GV cho cả lớp phát biểu.

HS có thể dễ dàng đồng tình với việc làm của hai bạn ở hình 1, không đồng tình với việc làm của các bạn ở các hình 2, 3, 4. Tuy nhiên để phát triển toàn diện nhận thức của HS, GV nên tổ chức cho HS thảo luận thêm về hình 2, 3, 4 bằng cách nêu các câu hỏi như:

- Vì sao em không đồng tình với việc làm của bạn?
- Em sẽ khuyên bạn thế nào trong tình huống này?
- Em sẽ làm gì trong tình huống đó?

Có thể khi trả lời, HS sẽ đưa ra những ý kiến khác nhau, vì vậy GV cần chuẩn bị các phương án đối thoại sao cho vừa tôn trọng suy nghĩ của các em, vừa bảo đảm định hướng giáo dục cho bài học.

Mục tiêu cuối cùng ở đây là giúp các em nhận biết được điều cơ bản: cần đồng tình với những việc làm biết tự chăm sóc bản thân để khoẻ mạnh, tự tin, đáng yêu mỗi ngày; không đồng tình với hành vi, suy nghĩ cho rằng những việc như đánh răng, thể dục, tắm rửa không quan trọng, xem ti vi thì ngồi thế nào và bao lâu cũng được... không ảnh hưởng đến sức khoẻ.

b. Việc làm của bạn Hùng có gì đúng, có gì sai? Lợi ích việc làm đúng, tác hại của việc làm sai là gì?

Để giúp HS trả lời được dễ dàng, GV cần chuẩn bị một số gợi ý, tạo điều kiện cho HS nhận ra những việc làm đúng và lợi ích mang lại, cũng như tác hại của những việc làm sai. Ví dụ: Hùng thích chơi bóng đá, đó là việc làm đúng, có lợi cho việc tăng cường sức khoẻ và rèn luyện tinh thần mạnh mẽ. Việc uống nước bù vào lượng mồ hôi thoát ra ngoài khi

chơi thể thao của Hùng cũng rất có lợi cho sức khoẻ. Tuy nhiên, sau khi chơi thể thao, mồ hôi ra như tắm liền uống nước đá, bật quạt ngay, để gió từ quạt thổi tóc thẳng vào người có thể gây nguy hiểm cho sức khoẻ. Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV có thể đúc kết nội dung để HS biết tự chăm sóc bản thân đúng cách. Để bạn Hùng được mát mẻ trong tinh huống nêu trên, cách xử lý tốt nhất là lấy khăn lau sạch mồ hôi rồi bật quạt từ xa để làm mát cơ thể từ từ nhằm bảo đảm an toàn cho sức khoẻ.

Hoạt động 3: Chia sẻ

Để bước chuyển tiếp từ hoạt động 2 sang hoạt động 3 được tự nhiên, liền mạch, GV cần có những lời dẫn phù hợp.

a. Khi ngồi học, tư thế nào là đúng, tư thế nào chưa đúng? Tác hại của việc ngồi chưa đúng tư thế là gì?

Sau khi quan sát hình (HS quan sát cá nhân hay thảo luận nhóm – tuỳ vào GV và điều kiện của lớp học), HS dễ dàng nhận thấy ở hình 1, bạn nam ngồi sai tư thế (còng lưng, co chân, đầu cúi thấp; ghế ngồi không có chỗ tựa sau lưng); ở hình 2, bạn nam ngồi đúng tư thế (lưng thẳng, đầu hơi cúi, không tì ngực vào thành bàn, chân chạm đất thoải mái; ghế ngồi có chỗ tựa sau lưng).

Sau khi HS trình bày ý kiến, GV cho HS so sánh hai tư thế ngồi học, lợi ích và tác hại của hai tư thế ngồi đó và đưa ra kết luận: Ngồi học đúng tư thế sẽ giúp cho cơ thể không bị mệt mỏi, vóc dáng cơ thể cân đối. Việc ngồi sai tư thế dễ gây mệt mỏi, cong vẹo cột sống, gù lưng, về lâu dài sẽ ảnh hưởng đến sức khoẻ và vóc dáng cơ thể.

b. Kể thêm một số việc làm để tự chăm sóc bản thân.

GV hướng dẫn HS kể cho nhau nghe theo từng cặp đôi hoặc nhóm, sau đó mời các em trình bày trước lớp. GV khích lệ những HS có những việc làm thể hiện tích cực, biết tự phục vụ bản thân, không làm phiền lòng những người thân trong gia đình.

c. Vì sao phải biết tự chăm sóc bản thân?

Đây là câu hỏi khó. Để giúp HS trả lời câu hỏi được dễ dàng hơn, GV cần gợi ý, tạo điều kiện để HS có thể nhìn nhận vấn đề xuất phát từ thực tế gia đình của các em. Trong khi một số em phải tự làm những việc như tắm rửa, thay quần áo... và nhiều việc khác nữa do bố mẹ, người thân trong gia đình bận boutu việc khác, không có thời gian chăm sóc các em, thì một số em chỉ thích được bố mẹ tắm rửa, thay quần áo, chải tóc, mang vớ, đút cơm,... thích được phục vụ mọi việc nên không biết tự chăm sóc bản thân; ngược lại, những em biết tự chăm sóc bản thân sẽ thấy những việc làm này giúp cho các em vui vẻ, tự tin khi tiếp xúc với mọi người, tinh thần thoải mái...

Trên cở sở những lí giải của các em, GV giúp HS khắc sâu ý nghĩa của việc tự chăm sóc bản thân: biết tự chăm sóc bản thân sẽ giúp cơ thể khoẻ mạnh, trí tuệ minh mẫn, tâm hồn lành mạnh, năng động, tự tin và đáng yêu.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Xử lý tình huống

Em sẽ khuyên bạn Dũng như thế nào khi bạn chạy ra đường tắm mưa?

Sau khi HS hình dung được tình huống, GV hướng dẫn để HS suy nghĩ và đề xuất lời khuyên đưa ra cho bạn Dũng. Ví dụ: Tắm mưa dễ làm cho cơ thể bị nhiễm lạnh và cảm lạnh. Cũng cần nói thêm, khi mưa đông thường kèm theo sét nên khi ở ngoài trời hay đứng dưới các cây to, dễ bị sét đánh. Vì thế lời khuyên ở đây là không nên tắm mưa.

Khi HS đưa ra những cách xử lý tình huống, GV nên rèn luyện thêm kỹ năng bằng những câu hỏi gợi mở sau:

- Ngoài ý kiến của bạn..., em nào có ý kiến khác?
- Các em thích ý kiến của bạn... hay ý kiến của bạn...?
- Các em thấy có thể làm cách này được không?, v.v.

Hoạt động 2: Liên hệ bản thân

Chia sẻ với các bạn những việc em đã làm và chưa làm được để tự chăm sóc bản thân.

Để HS có thể kể ra những việc đã hoặc chưa làm để chăm sóc bản thân, GV gợi ý cho các em nêu các việc làm chăm sóc bản thân mỗi ngày theo nhóm trước khi chia sẻ trước lớp.

– Những việc đã làm để tự chăm sóc bản thân: biết tự đánh răng, rửa mặt mỗi buổi sáng; tự mặc quần áo khi đi học; mặc thêm áo khoác khi trời lạnh; đi ra nắng biết mang nón và nước uống; biết tắm rửa sau khi đi học về; biết chải đầu gọn ghẽ...

– Những việc chưa làm được để tự chăm sóc bản thân: ví dụ, lười tắm khi trời lạnh; chưa đi ngủ đúng giờ; thích uống nước đá khi trời nóng hoặc khi đi từ ngoài trời nắng về; thích đá bóng dưới trời mưa...; đợi mẹ mặc quần áo cho; đợi bố mẹ nhắc mới đi tắm hoặc đi đánh răng...

GV khích lệ HS thay đổi các thói quen chưa tốt để tự chăm sóc bản thân, đỡ phiền bố mẹ, người thân.

THỰC HÀNH

Hoạt động 1: Đánh răng đúng cách

GV cho HS nêu cách các em chải răng (đánh răng) mỗi ngày, cho các em tự nhận xét. GV khích lệ những em nêu cách chải răng đúng và chỉ ra một số thao tác thường gặp ở trẻ như đưa bàn chải chải ngang mặt răng, thường chải mặt ngoài của răng, không chải mặt trong răng, không chải lưỡi, súc miệng qua loa... là cách đánh răng chưa đúng.

Sau đó, GV dựa vào các hình phóng to như trong SGK kết hợp với mô hình hàm răng và bàn chải (đồ dùng dạy học trong chương trình Nha học đường) để mô phỏng lại các bước đánh răng đúng cách:

Bước 1. Rửa sạch bàn chải. Lấy một lượng kem vừa đủ (đối với trẻ em, lượng kem đánh răng bằng hạt đậu).

Bước 2. Xoay tròn bàn chải, chải mặt ngoài của răng.

Bước 3. Chải hàm trên hất xuống, hàm dưới hất lên (chải lên, xuống mặt ngoài của răng).

Bước 4. Chải lên, xuống (hoặc xoay tròn) mặt trong của răng.

Bước 5. Chải mặt nhai của răng. Đặt lông bàn chải song song với mặt nhai của răng, sau đó kéo từ trong ra ngoài khoảng 10 lần.

Bước 6. Dùng bàn chải chải lưỡi từ trong ra ngoài.

Bước 7. Súc miệng bằng nước sạch. Sau khi chải răng, em có một nụ cười tươi tắn.

Sau khi thao tác vài lượt, GV cho HS sử dụng bàn chải đánh răng và kem đánh răng để thực hành (mô phỏng) các thao tác đánh răng và sử dụng bàn chải đúng cách (tuỳ vào điều kiện của lớp học, GV có thể cho HS thực hành cùng với việc rửa tay với xà phòng trong thời gian còn lại của tiết học sau khi hướng dẫn HS cách rửa tay sạch).

GV có thể gợi HS nêu cách làm sạch bàn chải và bảo quản bàn chải. Dựa trên trả lời của HS, GV giúp HS biết lưu ý đến thời hạn sử dụng tốt nhất của bàn chải là từ 1 tháng đến 1,5 tháng; sau khi chải răng xong thì rửa sạch bàn chải rồi đặt bàn chải theo chiều đứng với lông bàn chải hướng lên trên và đặt nơi khô ráo.

Gợi ý: GV có thể cho HS đọc bài thơ *Đánh răng đúng cách* cho không khí lớp học thêm vui vẻ trước khi chuyển sang hướng dẫn HS cách rửa tay với xà phòng:

Đánh răng đúng cách

Rửa sạch bàn chải

Lần lượt ra – vào

Bôi vào chút kem (hình 1)

Nhé nhàng tinh cảm!

Em chải trong, ngoài

Sau hết chải lưỡi (hình 6)

Hàm trên, hàm dưới

Súc miệng là xong!

Xoay tròn, lên – xuống (hình 2, 3, 4)

– Kết quả xem nào?

Đều đặn bàn tay.

– Hàm răng sạch mát

Tiếp đến mặt nhai (hình 5)

Nụ cười tươi tắn

Đặt nghiêng bàn chải

Hơi thở thơm tho! (hình 7)

Hoạt động 2: Rửa tay đúng cách

HS nêu vì sao phải rửa tay, lợi ích của việc rửa tay và cách rửa tay hằng ngày. GV cho các em nhận xét. Sau đó, GV hướng dẫn quy trình rửa tay cho HS (có nhiều quy trình rửa tay, trong SGK chọn giới thiệu quy trình rửa tay mà các em đã được học ở mầm non).

Quy trình rửa tay bằng xà phòng:

Bước 1: Làm ướt hai bàn tay bằng nước và xà phòng. Chà hai lòng bàn tay vào nhau.

Bước 2: Chà lòng bàn tay này lên mu và kẽ ngoài các ngón tay của bàn tay kia và ngược lại.

Bước 3: Chà hai lòng bàn tay vào nhau, miết mạnh các kẽ trong ngón tay.

Bước 4: Chà mặt ngoài các ngón tay của bàn tay này vào lòng bàn tay kia.

Bước 5: Dùng bàn tay này xoay ngón cái của bàn tay kia và ngược lại (làm sạch ngón tay cái).

Bước 6: Xoay các đầu ngón tay này vào lòng bàn tay kia và ngược lại. Rửa sạch tay dưới vòi nước chảy đến cổ tay và lau khô tay.

Thời gian mỗi lần rửa tay tối thiểu là 30 giây. Các bước 2, 3, 4, 5 làm đi làm lại tối thiểu 5 lần.

Sau khi HS thực hiện xong, GV gọi vài em HS so sánh cách thực hiện ở nhà và cách vừa thực hiện. GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, rút kinh nghiệm.

GHI NHỚ

Trước khi kết thúc bài học, GV giúp HS hiểu việc tự chăm sóc bản thân là một thói quen tốt, không chỉ mang lại lợi ích cho sức khoẻ, phòng ngừa bệnh tật, giúp tự tin, nâng cao chất lượng cuộc sống, mà còn làm cho bố mẹ vui lòng vì thấy con mình đã lớn. Biết làm những việc trên cũng thể hiện tình yêu thương đối với bố mẹ, không làm bố mẹ bận tâm và mất nhiều thời giờ cho mình bởi những việc mà mình tự làm được.

GV cho HS học thuộc lòng câu ghi nhớ: *Biết tự chăm sóc bản thân là biết yêu thương chính mình.*

Lưu ý

Để tăng cảm xúc vui vẻ và yêu thích tiết học, giúp HS nhớ bài học tự nhiên, GV có thể dành thời gian vào cuối tiết học cùng các em xem (và làm theo) video clip *Vũ điệu rửa tay* (trên nền nhạc Chicken dance) hoặc bài hát về bé tập đánh răng.

Bài 12

PHÒNG, TRÁNH ĐUỐI NƯỚC

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- Nhận được một số biểu hiện của tai nạn đuối nước;
- Nhận biết được một số nguyên nhân và hậu quả của tai nạn đuối nước;
- Thực hiện được một số cách đơn giản và phù hợp để phòng, tránh tai nạn đuối nước.

KHỞI ĐỘNG

Nội dung khởi động SGK gợi ý là bài hát *Bé tập bơi* (Nhạc và lời: Song Trà). Bài hát này trên Youtube có nhiều MV (music video: các clip âm nhạc, có hình ảnh động minh họa) khá sinh động, GV có thể tham khảo để lựa chọn.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi

Nội dung hoạt động có 4 hình, mỗi hình là một bối cảnh không gian khác nhau nên có thể nhiều HS chưa hình dung hết được. Vì vậy, GV cần yêu cầu HS phải quan sát kĩ để hiểu đúng nội dung, thông điệp của từng hình. GV cần hướng dẫn, tổ chức và có những gợi ý cụ thể để đảm bảo điều này:

Hình 1: Hai bạn nam đang tắm sông, một bạn nhảy từ trên cây xuống sông. Đây là trò chơi khá nguy hiểm của nhiều bạn nhỏ ở nông thôn.

Hình 2: Bốn bạn nhỏ đang đi phà qua sông (bối cảnh phô biến ở miền Tây Nam Bộ), một bạn đã bước hẳn ra ngoài, một bạn đang trèo qua rào chắn, bạn mang máy ảnh đang đi tới và nhiều khả năng sẽ theo hai bạn kia trèo qua rào chắn để chụp ảnh... Đây là những hành động rất nguy hiểm. GV có thể mở rộng thêm về tính chất của sự nguy hiểm này khi phà đang chạy... và ngay cả nơi bạn nhỏ mặc áo xanh đứng sát rào chắn bên phải cũng không phải là chỗ đứng an toàn... Nói chung, ở hình này, GV cần tổ chức để HS nhận ra những hành động nguy hiểm; những nguy cơ tiềm ẩn đối với HS.

Hình 3: Các bạn nhỏ đang chuẩn bị xuống sông (hoặc ao hồ) tắm mà không có bất kì thiết bị bảo hộ nào, không có người lớn nào bên cạnh. Đây là hành động cực kì nguy hiểm cần cho HS nhận diện được.

Hình 4: Ba bạn nhỏ đang đi thuyền trên sông, các bạn (và cả cô chèo thuyền) đều không mặc áo phao – một thói quen không tốt của người dân vùng sông nước. Điều đặc biệt của bức hình này là một bạn đưa chân xuống nước, một bạn đưa tay nghịch nước... đều rất nguy hiểm.

Nếu thời gian cho phép, GV có thể phân tích, mở rộng thêm cho HS hiểu: việc ngồi thuyền cần phải giữ thăng bằng, nếu ngồi lệch hẳn về một bên hoặc đưa tay, chân xuống nước thì không chỉ bản thân mình có nguy cơ ngã xuống sông mà còn làm thuyền mất thăng bằng, dễ bị lật.

Nói chung, cả 4 hình của hoạt động này đều cho thấy những việc làm của các bạn nhỏ là không an toàn, có nguy cơ dẫn đến tai nạn đuối nước. GV cần tổ chức linh hoạt để HS tự nhận ra tính chất không an toàn và thấy được các nguy cơ tai nạn của mỗi hành động, từ đó, kết nối với hoạt động 2.

Hoạt động 2: Thảo luận

Câu hỏi thảo luận SGK đưa ra cũng là một nội dung quan trọng trong mục tiêu bài học: *Để phòng, tránh đuối nước, các bạn trong hình phải làm gì?*

Nội dung hoạt động này có 4 hình:

Hình 1: Hai bạn nhỏ đang tắm sông. GV cần hướng dẫn HS quan sát để nhận ra được, chung quanh không có người lớn nào, cũng không có phao bảo hộ...

Hình 2: Hai bạn nhỏ đang tắm ở hồ bơi, trên hồ có hai chiếc phao nhưng các bạn không mang theo; trên bờ cũng không thấy có người lớn hay nhân viên cứu hộ.

Nếu tổ chức cho HS quan sát, thảo luận tốt thì các chi tiết của hình 2 sẽ là những gợi ý cho giải pháp của hình 1. Cả hình 1 và hình 2 đều có chung nguy cơ rủi ro đuối nước, vì vậy có thể có chung giải pháp: Tắm sông hay hồ bơi đều cần đến phao bảo hộ và người giám hộ (hoặc nhân viên cứu hộ).

Đối với hình 3 và hình 4, bối cảnh có thể xa lạ với nhiều HS, GV cần lý giải hoặc có những minh họa thêm để các em hiểu rõ:

Hình 3: Bạn nam đang mải đuổi theo bắt chuồn chuồn. Đặc điểm của chuồn chuồn là đậu một lát rồi bay... vì vậy để bắt được chuồn chuồn, người bắt cần tập trung dõi theo đường bay và chỗ đậu của nó, nếu lơ là sẽ mất dấu chuồn chuồn. Chính vì sự tập trung cao độ chú ý dõi theo để bắt được chuồn chuồn nên ban ấy sẽ không để ý đến việc mình đã ra đến mép bờ sông (ao hồ) từ lúc nào. Như thế, nhiều khả năng bạn ấy sẽ bị hụt chân xuống nước, nguy cơ tai nạn đuối nước là rất cao. Giải pháp đưa ra là không bắt chuồn chuồn ở những nơi ao hồ, sông ngòi và tốt nhất là không chơi một mình nơi bãi vắng, nơi có ao hồ, gần sông suối.

Hình 4 là bối cảnh của các khu tập thể, nơi có bể nước dùng chung. Nội dung hình mô tả hai người mẹ đang (mải) giặt áo quần, bên cạnh là bể nước (to, sâu) đang mở nắp. Trong lúc đó, hai cô bé lại đang chơi trò chơi bịt mắt, cô bé bịt mắt có thể sa chân vào miệng bể nước bất kì lúc nào. Như vậy, việc trẻ em chơi đùa ở những khu vực nói trên tiềm ẩn nhiều nguy cơ, rủi ro về tai nạn đuối nước.

Hoạt động 3: Chia sẻ

Hoạt động này yêu cầu HS bày tỏ quan điểm đồng tình hay không đồng tình với các việc làm, tình huống trong hình. Với các hình trong hoạt động này, đây là yêu cầu khá đơn giản, vì vậy việc giải thích vì sao đồng tình/không đồng tình mới thực sự là trọng tâm của yêu cầu.

Ở hình 1, gia đình đi thuyền trên sông, cả nhà đều mặc áo phao, ngồi ngay ngắn giữa thuyền. GV có thể kết nối với hình 4, mục Khám phá để cung cấp thêm nhận định của HS.

Hình 2: Hai HS đang tắm ở hồ có biển báo “Hồ sâu nguy hiểm”. Tấm biển chính là chỉ báo của bức hình để HS nhận diện và đưa ra quan điểm nên hay không nên.

Hình 3 là hoạt động tập bơi có hướng dẫn của GV. GV có thể mở rộng thêm bằng các nội dung khích lệ HS trong việc rèn luyện, học bơi (như là một biện pháp trang bị kỹ năng phòng tránh chủ động tai nạn đuối nước);

Hình 4: Hai HS đang chơi trò chơi thả thuyền giấy sát bờ sông/ao hồ (GV có thể kết nối thêm với hình 3, bắt chuồn chuồn ở mục Khám phá). Bối cảnh bờ sông đầy hoa cỏ khá hấp dẫn đối với các em nhỏ, song việc rủ nhau chơi ở sát bờ sông tiềm ẩn nhiều rủ ro đuối nước.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Xử lý tình huống

Nội dung a của hoạt động này yêu cầu HS nhận biết được phải làm gì khi gặp tình huống trong hình. Để xử lý tình huống, trước hết GV cần cho HS quan sát thật kỹ các hình. Đây cũng là hoạt động ôn lại hoạt động Khám phá (quan sát hình và trả lời câu hỏi). Theo đó, hình 1 là một bạn đang bị đuối nước và kêu cứu – đây là tình huống khá khó, GV cần phân tích kỹ: HS lớp 1 không thể tự cứu bạn bằng cách nhảy xuống nước đưa bạn lên bờ, như vậy rất nguy hiểm, vì nhiều khả năng là cả hai cùng bị đuối nước, cần loại bỏ phương án này. Tổ chức để HS tìm ra phương án khả dĩ đối với HS là tìm kiếm sự trợ giúp bằng cách kêu cứu và tìm người lớn gần nhất. Ngoài ra, HS có thể tìm kiếm các vật cứu hộ như: áo phao, hộp xốp... gần đó để quăng xuống chỗ nạn nhân.

Với tính chất khó khăn và phức tạp của tình huống, GV có thể tổ chức cho HS thảo luận để tìm ra phương án hợp lí nhất, đảm bảo các em thực hiện được. Nếu thời gian cho phép, GV có thể tổ chức cho HS sắm vai nhằm tăng cường tính trực quan sinh động của tình huống này.

Hình 2: Các bạn nữ đang hái hoa cạnh bờ sông cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro. GV có thể kết nối với hình 4, mục Chia sẻ (hình ảnh thả thuyền giấy) để cung cấp thêm cho HS trong việc bày tỏ quan điểm và giải thích vì sao.

Hình 3 là tình huống hai bạn nam đang chơi đùa, xô đẩy nhau trên cầu. Hình ảnh cho thấy đây là chiếc cầu hẹp, kết cấu khá đơn sơ, rất dễ bị ngã xuống nước.

Hình 4 có nội dung bạn nữ đang cõi với chân lên để mức nước của chiếc lu nước lớn. Hành động khá chênh vênh, dễ trượt chân.

Nói chung, để giải quyết nội dung này, GV cần cho HS quan sát kĩ hình, hỗ trợ các em phân tích các nguy cơ, sự nguy hiểm để từ đó giúp các em đưa ra lời khuyên cho các bạn trong hình.

Đối với yêu cầu của câu b. *Trời nắng, bạn Nam tắm dưới ao quá lâu. Em sẽ khuyên bạn Nam điều gì?*, GV cần tổ chức để HS nhận thấy: Tắm ao là hành động không nên, tắm giữa trời nắng, lại tắm lâu càng dễ bị cảm. Như vậy, HS sẽ tự rút ra lời khuyên cho Nam.

Hoạt động 2: Liên hệ bản thân

Từ những thực tiễn của hoạt động Luyện tập, hoạt động Liên hệ bản thân sẽ được thực hiện một cách khá tự nhiên, nhíp nhàng. Các cách thức phòng tránh đuối nước có thể được nhắc lại nhằm củng cố kiến thức đã học, đồng thời mở rộng thực tế cho HS.

THỰC HÀNH

Hoạt động 1: Kỹ năng sử dụng áo phao

GV cần thực hành thi phạm cách mặc áo phao, sau đó hướng dẫn HS tự thực hành mặc áo phao đúng cách. Sau khi HS thực hiện được và đúng, mới tổ chức thi ai mặc áo phao nhanh và đúng cách.

Hoạt động 2: Kỹ năng tìm kiếm trợ giúp để cứu người đuối nước

Đây là hoạt động thực hành, củng cố lại tình huống của một nội dung khó trong phần Luyện tập. GV có thể đưa ra các tình huống cụ thể để cho HS thực hành các phương án tìm kiếm sự trợ giúp nhằm cứu người đuối nước như: gọi người lớn; kêu cứu; gọi điện thoại...

Lưu ý: Phải tuyệt đối loại bỏ phương án trực tiếp nhảy xuống nước để cứu bạn, kể cả khi em biết bơi.

GHI NHỚ

Kết thúc bài học, GV cho HS cùng đọc to, học thuộc lòng câu ghi nhớ:

Duối nước rất nguy hiểm. Các em phải có ý thức và kỹ năng phòng, tránh đuối nước.

Bài 13

PHÒNG, TRÁNH TAI NẠN TRONG SINH HOẠT

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- Nếu được các tai nạn thương tích có thể xảy ra trong sinh hoạt hằng ngày như: cầm vật nhọn, sắc, chọc phá thú vật, ném đá, trèo cây,...
- Nhận biết được sự cần thiết của việc phòng, tránh tai nạn trong sinh hoạt;
- Biết và thực hành được một số kỹ năng cơ bản, cần thiết để phòng, tránh tai nạn, thương tích trong sinh hoạt.
- Đồng tình với thái độ, hành vi đúng để phòng, tránh tai nạn trong sinh hoạt; không đồng tình với thái độ, hành vi không phòng, tránh tai nạn trong sinh hoạt.

KHỞI ĐỘNG

Đây là bài học ở gần cuối năm lớp 1 nên GV có thể cho HS đọc bài thơ *Nước sôi* (Thanh Minh). GV lưu ý HS về giọng điệu và cử chỉ khi đọc thơ. Ngoài ra còn có một số bài thơ nhắc nhở HS về an toàn trong sinh hoạt như: *Đi giày, Con đi ra nắng, Kẹo ngọt* (Nguyễn Lãm Thắng),...

GV cũng có thể cho HS xem video clip về một số sự việc có thể gây tai nạn trong sinh hoạt để các em bước đầu có ý thức (chú ý tránh các hình ảnh có thể gây sợ hãi cho HS).

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi

a. Những vật dụng này có thể gây tai nạn, thương tích gì?

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để thực hiện yêu cầu bài học. Các hình ảnh này là những vật dụng khá quen thuộc trong gia đình hay trong sinh hoạt đời thường, HS dễ dàng nhận diện từng hình ảnh và nêu những nguy cơ có thể xảy ra:

– Bàn là (bàn ủi): Nếu sử dụng không cẩn thận và đảm bảo an toàn, có thể gây bỏng, gây cháy, điện giật, có thể bị rơi trúng chân,...

– Cưa cầm tay: Nếu sử dụng không cẩn thận và đảm bảo an toàn, có thể gây thương tích trên cơ thể, chảy máu, nếu không được sơ cứu kịp thời vết thương có thể bị nhiễm khuẩn, uốn ván,...; mạt cưa có thể bay vào mắt, mũi,...

– Các loại dao: Nếu sử dụng không cẩn thận và đảm bảo an toàn, có thể gây đứt tay, chảy máu hoặc nặng hơn nếu lực tác động mạnh,...

– Ổ cắm điện: Nếu sử dụng không cẩn thận và đảm bảo an toàn, có thể bị điện giật,...

– Bộ dụng cụ cắt móng tay: Nếu sử dụng không cẩn thận và đâm bảo an toàn, bấm móng tay, kéo có thể gây đứt hoặc đâm vào tay chân; dụng cụ mài móng có thể đâm vào tay chân; dụng cụ ngoáy tai có thể đâm vào tai;...

– Ghế xích đu: Nếu sử dụng không cẩn thận và đâm bảo an toàn, có thể bị ngã...

b. Cần làm gì để phòng tránh tai nạn, thương tích khi sử dụng những vật dụng đó?

Trước hết, GV nhắc nhở HS rằng các em còn nhỏ, chưa thể tự mình sử dụng các dụng cụ trên. Nếu có nhu cầu sử dụng phải có sự giúp đỡ, hướng dẫn, quan sát cụ thể, chặt chẽ của người lớn. Các lưu ý cụ thể:

– Bàn là: Điều chỉnh nhiệt độ thích hợp với từng loại quần áo; luôn kiểm soát nhiệt độ; khi không sử dụng phải đặt đúng vị trí,...

– Cưa cầm tay: Không nên thò tay vào gần chỗ cưa đang hoạt động, phải đứng xa để không bị mạt cưa bay vào mắt, mũi,...

– Các loại dao: Sử dụng đúng mục đích, không vừa cầm dao vừa đi hoặc chạy,...

– Ổ cắm điện: Không sử dụng khi tay đang ướt; khi không sử dụng phải có dụng cụ che kín, tránh trường hợp các em bé thò tay, bút, đồ chơi vào,...

– Bộ dụng cụ cắt móng tay: Không sử dụng cho các mục đích khác, không tự ý tháo rời,...

– Ghế xích đu: Không co chân lên, không đứng lên, đứa nghịch trên ghế; đu đưa với tốc độ vừa phải,...

GV nhắc nhở HS: Tuyệt đối không tự sử dụng các vật dụng trên theo ý mình mà không có sự quan sát, theo dõi của người lớn. Trong một số trường hợp đặc biệt, các em cần hiểu rõ công dụng của từng loại, biết cách sử dụng một cách an toàn.

c. Kể thêm một số vật dụng trong nhà có thể gây tai nạn, thương tích.

GV hướng dẫn các nhóm tìm ví dụ trong một số phương diện như:

– Thức ăn: Nghẹn vì các loại hạt, thạch; dị ứng thức ăn, ăn thức ăn chưa chín hoặc hết hạn sử dụng,...

– Nước uống: Bị sặc nước, nước uống không đảm bảo vệ sinh, bị bỏng nước sôi hoặc bỏng lạnh,...

– Cầu thang: Ngã bậc cầu thang, kẹt tay chân vào thang cuốn,...

– Xe cộ: Bỏng ống xả xe máy, kẹt chân vào bánh xe đạp, xe máy...

– Nhà cửa: Kẹt đầu vào cửa sổ, kẹt tay vào cửa,...

– Đi đường: Ngã do đường trơn, bị thú vật thả rông húc phải...

– Cây cối: Ngã khi trèo cây, bị côn trùng cắn, đốt,...

– Khác: Bụi hoặc vật nhỏ bay vào mắt,...

– ...

Hoạt động 2: Thảo luận

a. Cần làm gì để phòng tránh tai nạn, thương tích khi đi trên cầu thang, bậc thềm, thang cuốn?

Hoạt động thảo luận thường được tổ chức theo nhóm. Tuỳ tình hình lớp học, GV có thể cho các nhóm thảo luận nội dung của tất cả các hình hoặc cho các nhóm thảo luận một số hình nào đó (cầu thang, thang cuốn, thang máy, bậc thềm,...). HS cần hiểu rõ nhiệm vụ cụ thể của mình, sau đó đề xuất các câu trả lời:

- Phòng tránh tai nạn, thương tích khi sử dụng cầu thang:
 - + Mắt nhìn các bậc thềm và bước chân;
 - + Tay vịn lan can;
 - + Đi với tốc độ bình thường, từng bước một, không lao, chạy;
 - + Không trượt trên lan can cầu thang;
 - + Phải có đủ ánh sáng,...
- Phòng tránh tai nạn, thương tích khi sử dụng thang cuốn:
 - + Quan sát kĩ để chọn bậc lên;
 - + Đứng bên phải thang cuốn để nhường đường;
 - + Tay vịn chắc trên bề mặt lan can, không thò tay xuống phía dưới tay vịn;
 - + Không thò chân vào các mép cuốn;
 - + Bước ra khỏi thang cuốn khi hết nhịp;
 - + Cần có sự quan sát, hỗ trợ của người lớn,...
- Phòng tránh tai nạn, thương tích khi đi bậc thềm:
 - + Quan sát kĩ;
 - + Bước lên, xuống từng bậc một;
 - + Không chạy nhảy, phóng một lúc nhiều bậc;
 - + Không đi xe đạp phóng xuống hoặc lên;
 - + Không trượt ván hoặc trượt pa-tanh qua bậc thềm,...

b. Việc làm của các bạn dưới đây có thể gây tai nạn, thương tích gì? Cần làm gì để phòng tránh?

GV có thể tổ chức thảo luận theo nhóm đôi để thực hiện hoạt động này. Mỗi nhóm tìm hiểu một hoạt động.

Trước hết, GV hướng dẫn HS nhận diện hình, sau đó trả lời các câu hỏi:

Hình 1: Một bạn nữ đứng trên ghế, gần lan can, với tay ra ngoài, phía trên cao.

- Nguy cơ: bị trượt chân khỏi ghế, ngã xuống đất; bị ngã ra ngoài lan can,...
- Cách phòng tránh: không trèo lên ghế, vòi ra ngoài lan can, không cõi với cao; nếu cần hãy nhờ người lớn giúp đỡ...

Hình 2: Một bạn nam trèo cây hái quả.

- Nguy cơ: bị ngã xuống đất.
- Cách phòng tránh: tuyệt đối không trèo cây; sử dụng dụng cụ hái trái cây chuyên dụng; nhờ người lớn giúp đỡ...

Hình 3: Một bạn nam đang cầm phích cắm để cắm vào ổ điện.

- Nguy cơ: bị điện giật.
- Cách phòng tránh: tuyệt đối không tự ý cắm điện để sử dụng các dụng cụ điện; nhờ người lớn giúp đỡ...

Hình 4: Một bạn nam đang kéo xích đu về phía sau, phía trước xích đu là em bé.

- Nguy cơ: gây va chạm, làm em bé ngã, bị thương,...
- Cách phòng tránh: khi chơi xích đu phải quan sát xung quanh cẩn thận và cần có sự giám sát của người lớn.

Hoạt động 3: Chia sẻ

a. Em có đồng tình với việc làm của các bạn không? Vì sao? Em sẽ khuyên các bạn như thế nào?

GV có thể tổ chức thảo luận nhóm lớn để thực hiện hoạt động này. Mỗi nhóm tìm hiểu một đến hai hoạt động.

Trước hết, GV hướng dẫn HS nhận diện hình, sau đó phát biểu ý kiến:

Hình 1: Một bạn nam đứng trong bếp, tay sờ vào nồi đang nấu trên bếp, có hơi nóng bốc lên.

Hình 2: Một bạn nữ bị một con chó cắn vào tay.

Hình 3: Hai bạn nữ đang chơi cát, một bạn bốc cát ném vào mặt bạn kia.

Hình 4: Ba bạn nam thả diều gần các cột điện cao thế.

Sau khi tìm hiểu nội dung các hình, HS chắc chắn lựa chọn không đồng tình. Đối với việc trả lời vì sao và đưa ra lời khuyên, HS có thể có nhiều cách trả lời theo ý các em. Tuy nhiên, các câu trả lời cần đảm bảo được các nội dung sau:

Hình 1: Tuyệt đối không chạm vào bếp hay nồi đang nấu. Nếu có việc cần, bạn hãy nhờ người lớn giúp đỡ. Nếu bị bỏng nhiệt, hãy để chỗ bị bỏng dưới vòi nước ở nhiệt độ bình thường trong 5 phút, sau đó nhờ người lớn giúp đỡ sơ cứu hoặc đưa đi bệnh viện; không được tự ý sơ cứu nếu không biết cách làm đúng.

Hình 2: Không chơi đùa với các con vật khi không có rọ mõm hay cách bảo vệ an toàn. Bạn không nên đùa với chó như vậy, có thể bị chó cắn, bị lây bệnh dại,... Nếu bị chó cắn cần ngay lập tức nhờ người lớn giúp đỡ đưa bạn đến bệnh viện khám, xét nghiệm, tiêm thuốc phòng dại theo tư vấn của bác sĩ; đồng thời, quan sát theo dõi tình trạng của con chó trong thời gian ít nhất 1 tháng.

Hình 3: Khi chơi cát, nếu cát bay vào mắt có thể làm hỏng giác mạc, dẫn đến bị mù,... Bạn nên cẩn thận và biết cách bảo vệ an toàn khi chơi. Nếu bị cát bay vào mắt, bạn không được dụi mắt mà hãy nhờ người lớn giúp đỡ để rửa mắt bằng nước sạch, đến gặp bác sĩ nếu cần.

Hình 4: Chơi gần cột điện rất nguy hiểm, có thể bị điện giật. Bạn không nên thả diều gần các cột điện cao thế vì rất dễ bị điện giật. Bạn nên tìm những bãi đất trống, an toàn.

Cuối hoạt động, GV nhắc nhở HS tuyệt đối tránh các tình huống, hoàn cảnh như trên để đảm bảo toàn, tránh những tai nạn, thương tích vô cùng nguy hiểm.

b. Vì sao phải chú ý phòng tránh tai nạn, thương tích trong sinh hoạt?

Đây là một hoạt động đòi hỏi HS phải suy nghĩ và giải thích theo cách hiểu của mình. Trải qua quá trình tìm hiểu bài học này và kinh nghiệm cá nhân, các em ít nhiều nhận thức được mối nguy hiểm của các tai nạn, thương tích có thể xảy ra trong sinh hoạt đời thường. Qua hoạt động thảo luận, các em có thể đưa ra nhiều ý kiến khác nhau để trả lời câu hỏi vì sao phải chú ý phòng tránh tai nạn, thương tích trong sinh hoạt. Tùy thuộc vào câu trả lời của HS, GV cần cân nhắc, điều chỉnh, bổ sung, dặn dò thêm nhưng cần thể hiện được các nội dung sau đây:

– Mỗi người có rất nhiều hoạt động khác nhau trong đời sống. Sinh hoạt đời sống tưởng bình thường nhưng luôn ẩn chứa những nguy cơ có thể gây tai nạn. Trong sinh hoạt, chúng ta thường sử dụng nhiều vật dụng, dụng cụ hỗ trợ như: dao, kéo, búa, kìm, sắt, đá,... nên có thể gây ra tai nạn, thương tích.

– Khi bị tai nạn, thương tích ít nhiều đều ảnh hưởng đến các công việc, hoạt động khác của mỗi người về thể chất, tâm lí, tinh thần và nhiều khi cả về kinh tế.

– Có nhiều người, sau khi bị tai nạn, thương tích sẽ bị ảnh hưởng hoặc sang chấn tâm lý dẫn đến sợ hãi, không dám sử dụng một số vật dụng nào đó trong sinh hoạt,...

– Tai nạn thương tích có khi để lại hậu quả nhẹ nhưng nhiều khi gây ra những hậu quả nặng nề như: vết thương lớn, phải phẫu thuật, phải cắt một phần cơ thể, để lại di chứng lâu dài,...

– Các hoạt động đời sống diễn ra thường xuyên, liên tục, mỗi ngày, liên quan đến nhiều người. Khi xảy ra tai nạn như: cháy nổ, điện giật,... không chỉ ảnh hưởng đến một người mà còn có thể ảnh hưởng đến nhiều người, huỷ hoại nhiều tài sản.

–

Vì thế, các em phải luôn cẩn thận trong mọi hoạt động để bảo vệ mình; học cách sơ cứu cơ bản phù hợp để sử dụng trong những tình huống cần thiết.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Xử lý tình huống

Các tình huống trong hoạt động này được thể hiện bằng hình ảnh. GV cho HS tìm hiểu nội dung từng tình huống để đề xuất cách xử lý. Phần này, cách tổ chức dạy học linh động, nếu có điều kiện và khả năng, GV có thể cho các nhóm tiến hành sắm vai như một vở kịch nhỏ nhở, không chú trọng diễn xuất mà chú ý vào cách khuyên nhủ bạn.

Hình 1: Bạn không nên sử dụng bàn là vì bạn còn nhỏ; cũng không nên sờ, chạm vào bàn là khi đang hoạt động. Với tình huống này, bạn hãy ngay lập tức tìm sự giúp đỡ của người lớn để tránh nguy cơ bị bỏng hoặc gây cháy nổ.

Hình 2: Bạn không nên vừa đi vừa dùng dao vì có nguy cơ đứt tay; nếu bị vấp ngã, dao có thể đâm vào người.

Hình 3: Bạn không nên dùng bật lửa hoặc hộp diêm tạo lửa vì có thể gây cháy nổ, nguy hiểm đến tính mạng, tài sản của mình và nhiều người khác.

Hình 4: Bạn không nên vừa sạc pin vừa dùng điện thoại vì có thể gây cháy nổ, bị điện giật.

Đối với các tình huống này, GV nhắc nhở HS tuyệt đối không làm vì rất nguy hiểm. Các em cũng hãy nhắc nhở bạn bè, người thân cẩn thận trong các tình huống trên.

Hoạt động 2. Liên hệ bản thân

a. Với hoạt động này, GV cho HS nhìn lại các hoạt động của mình và trả lời theo thực tế để các em nhận thức rõ hơn việc cần bảo đảm an toàn, tránh thương tích trong sinh hoạt.

GV gợi ý cho các em nhớ lại những việc đã nêu trong các hoạt động ở trên như:

- Sử dụng thiết bị điện;
- Sử dụng phương tiện giao thông;
- Sử dụng các vật dụng trong gia đình;
- Tham gia các trò chơi, hoạt động tập thể;
- Di cầu thang, thang máy, thang cuốn, bậc thềm;
- Ăn uống,...

b. HS có thể nêu các ý kiến cá nhân để bảo đảm an toàn, phòng tránh tai nạn, thương tích trong tình huống mà em vừa nêu. GV tuy vào câu trả lời của các em để góp ý, điều chỉnh nếu cần.

THỰC HÀNH

Hoạt động 1: Một số kỹ năng thoát khỏi đám cháy

Nếu có điều kiện, GV có thể chuẩn bị video clip hướng dẫn kỹ năng thoát khỏi đám cháy để HS xem và học hỏi.

GV cần làm mẫu trước khi tổ chức cho HS thực hành, nhắc các em chú ý hỗ trợ nhau khi luyện tập. GV cần nhắc HS các nội dung:

- Nhớ các thao tác trong kỹ năng thoát hiểm.
- Đảm bảo an toàn khi luyện tập.
- Không dùng dụng cụ luyện tập để chơi, đùa giỡn.

Hoạt động 2: Dùng băng dán cá nhân băng bó những vết thương nhỏ.

Trong hoạt động này, GV tiếp tục tổ chức cho HS thực hành như hoạt động trên.

Sau 2 hoạt động ở phần Thực hành, GV lưu ý HS:

- Tuyệt đối tuân thủ các quy định an toàn.
- Luôn có sự hướng dẫn, giám sát, giúp đỡ của người lớn.
- Không tự ý sơ cứu nếu không biết cách làm đúng.
- Luôn nhắc nhở bạn bè, người lớn đảm bảo an toàn trong sinh hoạt, biết cách sơ cứu khi cần thiết.

GHI NHỚ

Kết thúc bài học, GV cho HS học thuộc và ghi nhớ:

Phải cẩn thận khi sử dụng vật dụng trong sinh hoạt để phòng, tránh tai nạn, thương tích.

Chân trời sáng tạo

Bài 14

PHÒNG, TRÁNH TAI NẠN GIAO THÔNG

MỤC TIÊU

Sau bài học, HS biết:

- Nhận được các tín hiệu đèn giao thông, biển báo và cách tham gia giao thông an toàn;
- Nhận biết được sự cần thiết của việc chấp hành nghiêm chỉnh luật giao thông; hậu quả của tai nạn giao thông;
- Biết và thực hành được các hành vi thể hiện sự tuân thủ, chấp hành đúng luật giao thông;
- Đồng tình với thái độ, hành vi chấp hành, tuân thủ luật giao thông; không đồng tình với thái độ, hành vi không chấp hành luật giao thông.

KHỞI ĐỘNG

GV có thể tổ chức cho HS đọc bài thơ *Đèn giao thông* (Thanh Minh) theo từng nhóm. Có thể cho HS phân câu và đọc: 2 câu đầu, 2 câu 3–4, 2 câu 5–6, 4 câu cuối. GV lưu ý giọng điệu và cử chỉ khi đọc thơ.

Ngoài bài thơ này, GV cũng có thể cho HS xem video clip hoặc hát các bài hát về chủ đề giao thông như: *Em đi qua ngã tư đường phố*, *Đi đường em nhớ* (Nhạc và lời: Hoàng Văn Yên); *Đèn đỏ đèn xanh* (Ý thơ: Thế Hội; Nhạc: Lương Vĩnh),...

KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xem hình và trả lời câu hỏi

a. Người và xe đã chấp hành quy định an toàn giao thông như thế nào?

GV hướng dẫn HS quan sát nhanh nội dung hình tại một ngã tư đường phố. Trong hình có nhiều xe cộ, người lớn, trẻ em. GV cần tạo điều kiện cho nhiều HS trả lời câu hỏi. Tùy thuộc mỗi cá nhân HS có cách trả lời riêng, GV linh động điều chỉnh và định hướng nhưng cần đảm bảo các nội dung sau:

– Đường thẳng trước mặt (theo hướng HS nhìn vào sách) đang báo đèn đỏ, các phương tiện giao thông như ô tô, xe máy đang dừng lại; người đi bộ qua đường đúng vạch dành cho người đi bộ.

– Đường ngang báo đèn xanh nên các phương tiện giao thông được lưu thông; những người đi bộ muôn qua đường ngang này đang dừng lại để chờ.

b. Việc làm nào an toàn, việc làm nào không an toàn khi qua đường?

GV có thể hỏi nhanh HS để tìm hiểu nội dung của hai hình:

Hình 1: Một bạn nam qua đường bằng cách trèo rào chắn ở giữa đường.

Hình 2: Một số bạn qua đường trên cầu đi bộ.

Nhìn vào hình, HS có thể xác định hành vi ở hình 1 là không đúng, hành vi ở hình 2 là đúng. GV cần nhắc nhở thêm với HS một số vấn đề khi qua đường:

- Không phải đường nào cũng có vạch qua đường hoặc cầu đi bộ nên các em cần quan sát thật kỹ.
- Các em còn nhỏ, khi đi đường cần có bố mẹ hoặc người lớn giúp đỡ.
- Nghiêm chỉnh chấp hành luật giao thông khi tham gia giao thông để đảm bảo an toàn cho mình và người khác.

Hoạt động 2: Thảo luận

a. *Cần làm gì để phòng, tránh tai nạn giao thông trong những tình huống sau?*

Hoạt động thảo luận thường được tổ chức theo nhóm. Tuỳ tình hình lớp học, GV có thể cho các nhóm thảo luận nội dung của tất cả các hình hoặc cho các nhóm thảo luận một số hình nào đó (mỗi nhóm 1 hình hoặc 2 hình).

HS cần nhận diện được nội dung các hình, sau đó đưa ra cách làm đúng để phòng tránh tai nạn giao thông:

Hình 1: Hai bạn nam đang đá bóng dưới lòng đường, có một chiếc ô tô đang chạy tới.

– Hành động đúng: Đá bóng đúng nơi quy định. Tuyệt đối không đá bóng dưới lòng, lề đường.

Hình 2: Hai bạn nhỏ qua đường khi chưa có tín hiệu đèn xanh dành cho người đi bộ, trong khi các phương tiện giao thông đang được phép đi lại.

– Hành động đúng: Đợi tín hiệu đèn đỏ để các phương tiện giao thông dừng lại, tín hiệu đèn xanh dành cho người đi bộ bật lên thì mới được qua đường.

Hình 3: Hai bạn nhỏ đi bộ dưới lòng đường.

– Hành động đúng: Đi bộ trên vỉa hè hoặc lề đường bên phải. Tuyệt đối không đi bộ dưới lòng đường hoặc giữa đường.

Hình 4: Ba bạn nam đi xe đạp dàn hàng ba trên đường. Vừa đi vừa nói chuyện vui vẻ.

– Hành động đúng: Đi xe đạp theo hàng dọc. Tuyệt đối không dàn hàng ngang. Khi đi đường phải chú ý quan sát.

GV lưu ý thêm:

– Các hoạt động thể thao là rất tốt và cần thiết nhưng các em cần chơi thể thao đúng nơi quy định, tuyệt đối không chơi ở lòng, lề đường hoặc các khu vực nguy hiểm, không được phép.

– Khi qua đường luôn phải quan sát cẩn thận hoặc có sự giúp đỡ của người lớn.

– Khi tham gia giao thông luôn phải tập trung chú ý để thực hiện đúng luật và đảm bảo an toàn.

b. Kể thêm một số việc làm có thể dẫn đến tai nạn giao thông và cách phòng, tránh.

GV tiếp tục tổ chức hoạt động nhóm để các em nêu các tình huống, việc làm có thể gây tai nạn giao thông cũng như cách phòng tránh. GV gợi ý cho HS trong các phương diện cụ thể như:

- Khi tham gia giao thông bằng đi bộ;
- Khi tham gia giao thông bằng xe đạp;
- Khi tham gia giao thông bằng xe gắn máy;
- Khi tham gia giao thông bằng xe ô tô;
- Khi tham gia giao thông bằng các phương tiện giao thông công cộng;
- Khi tham gia giao thông bằng máy bay;
- Khi tham gia giao thông ở nông thôn;
- Khi tham gia giao thông ở thành phố, thị xã, thị trấn;
- ...

Hoạt động 3: Chia sẻ: Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào? Vì sao?

GV có thể linh động tổ chức hoạt động nhóm lớn, nhóm đôi hoặc hỏi ý kiến cá nhân. GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung của các hình, sau đó giải thích lí do em đồng tình hay không đồng tình. Các em có thể diễn đạt bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các nội dung sau:

Hình 1: Bố (mẹ) chở con bằng xe máy, cả hai đều đội mũ bảo hiểm, đang dừng trước vạch sơn khi tín hiệu đèn đỏ. Tuy đường vắng và trời nắng nhưng hai bố con vẫn chấp hành đúng luật giao thông.

Hình 2: Người lớn và trẻ em đang đi bộ trên vỉa hè, em bé có người lớn đi cùng, hai người nói chuyện vui vẻ.

Hình 3: Một phụ nữ chở ba trẻ em bằng xe máy, không ai đội mũ bảo hiểm, nét mặt mọi người đều có vẻ căng thẳng.

Hình 4: Hai bạn nam đang chở nhau bằng xe đạp, đi giữa lòng đường, bạn phía sau đứng trên gác-ba-ga.

Khi HS trả lời, GV chú ý điều chỉnh cách hiểu, cách giải thích của HS (nếu cần).

LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Xử lý tình huống

Có hai tình huống *a* và *b*, GV cho HS tìm hiểu nội dung từng tình huống để đề xuất cách xử lý. Phần này, cách tổ chức dạy học linh động, nếu có điều kiện và khả năng, GV

có thể cho các nhóm tiến hành sắm vai như một vở kịch nhỏ, không chú trọng diễn xuất mà chú ý vào cách khuyên nhủ bạn.

a. Em sẽ khuyên bạn Lan như thế nào trong tình huống sau?

GV có thể giúp HS hiểu bài bằng cách dẫn dắt các em theo từng phần:

Tìm hiểu nội dung hình: Bạn Lan ngồi trong xe ô tô (đang chạy) nhưng bạn thò đầu, thò tay ra ngoài để cười và vẫy tay.

HS có thể có nhiều cách đưa ra lời khuyên nhưng cần đảm bảo nội dung:

– Bạn Lan không được phép làm như thế vì rất nguy hiểm.

– Khi ngồi trong xe ô tô phải ngồi nghiêm túc, thắt dây an toàn, nếu em bé nhỏ cần phải có ghế chuyên dụng cho em bé, không được thò tay, thò đầu ra ngoài.

b. Khi sang đường ở nơi không có đèn hiệu giao thông, em phải quan sát như thế nào và nên có những động tác gì?

Câu trả lời của HS cần đảm bảo các nội dung sau:

– Quan sát kĩ các phương tiện trên đường;

– Qua đường khi đường vắng;

– Giơ tay lên cao để xin đường;

– Ở nửa đường bên này, giơ tay và quan sát bên trái; nửa đường bên kia, giơ tay và quan sát bên phải;

– Nên đi cùng người lớn, không nên đi một mình.

Hoạt động 2: Liên hệ bản thân: Em đã thực hiện các quy định an toàn giao thông như thế nào?

Đối với hoạt động này, GV tổ chức cho HS phát biểu ý kiến cá nhân để các em tự nhìn lại việc tham gia giao thông của mình. Từ đó, các em nhận ra mình đã chấp hành đúng hay chưa đúng luật giao thông, có định hướng khắc phục, sửa chữa như thế nào.

Trong hoạt động này, GV lưu ý có thể có một số HS không biết việc mình làm là sai, một số em có lời nói, hành vi chê bai, gièu cợt bạn bè,... để động viên, hướng dẫn các em nhận thức và hành động đúng.

THỰC HÀNH

Hoạt động 1: Kỹ năng đội mũ bảo hiểm đúng cách

Các bước đội mũ bảo hiểm đã được hướng dẫn trong SGK, HS cũng đã sử dụng nhiều trong đời sống. Nếu có điều kiện, GV chuẩn bị hoặc cho HS mang theo mũ bảo hiểm của mình để thực hành. Có thể HS có những cách khác nhau nên nếu xảy ra tranh cãi, GV cần linh động xử lý tình huống khi thực hành.

GV cần nhắc HS các nội dung:

- Nhớ các thao tác;
- Đảm bảo an toàn khi luyện tập;
- Không dùng dụng cụ luyện tập để chơi, đùa giỡn.

Hoạt động 2: Kỹ năng đi bộ qua đường an toàn ở những nơi không có đèn hiệu giao thông

Trong hoạt động này, GV tiếp tục tổ chức cho HS thực hành như hoạt động trên.

Sau 2 hoạt động ở phần Thực hành, GV lưu ý HS cố gắng rèn luyện để không vấp phải hoặc lặp lại những lỗi trên.

Hoạt động 3: Vẽ hoặc sưu tầm tranh, ảnh về phòng, tránh tai nạn giao thông

Hoạt động này mang tính mở, GV có thể giao cho các em làm ở nhà, làm theo nhóm từ tiết 1 và cho các em giới thiệu vào tiết 2.

GHI NHỚ

Kết thúc bài học, GV cho HS học thuộc và ghi nhớ: *An toàn giao thông là hạnh phúc của mọi người, mọi nhà.*

GV cũng có thể gợi ý cho HS tìm hiểu thêm một số câu nói ý nghĩa về an toàn giao thông.

Chân trời sáng tạo

TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ

1. TỔNG KẾT

GV hệ thống hoá 14 bài đã học trong năm; khẳng định những chuẩn mực thái độ, hành vi đạo đức và sự cần thiết của việc thực hiện những chuẩn mực thái độ, hành vi đó đối với HS lớp 1. Để tăng thêm tính sinh động, hấp dẫn cho bài tổng kết, GV có thể sử dụng sơ đồ tư duy kết hợp hình ảnh học tập của HS. Sơ đồ có thể thiết kế theo hình thức mở để HS có thể tham gia vào việc hoàn thiện nội dung của sơ đồ.

GV nhận xét về tinh thần, thái độ học tập môn học và ý thức phản ánh của HS theo mục tiêu mà các bài học đạo đức đã đặt ra; lưu ý biểu dương những biểu hiện tích cực và xác định những việc có thể làm để khắc phục những điểm còn hạn chế của lớp nói chung và từng HS nói riêng liên quan đến việc học tập và thực hiện các nội dung đạo đức.

Nói chung, bài tổng kết nên được thực hiện trong không khí cởi mở, chan hoà, mang tính chất khép lại một chặng đường học tập để tiếp tục đồng hành trên những chặng tiếp theo.

Sau bài tổng kết môn *Đạo đức 1* nói riêng, chương trình lớp 1 nói chung, HS sẽ bước vào kì nghỉ hè. GV nên có các định hướng, gợi ý để HS thực hành những bài học đã được học trong năm vừa qua vào dịp hè này. Chẳng hạn, gợi nhắc lại nội dung chủ đề bài học *Quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ* và gợi ý cho HS về một chuyến thăm ông bà; hoặc, nghỉ hè, các em nên làm gì để giúp đỡ bố mẹ, v.v.

Ngoài ra, GV cần nghiên cứu trước chương trình giáo dục môn Đạo đức ở lớp 2 để hướng dẫn cho HS trao đổi với cha mẹ trong kì nghỉ hè, nhằm chuẩn bị tâm thế và các điều kiện học tập môn học một cách chủ động.

2. ĐÁNH GIÁ

Đánh giá kết quả giáo dục sẽ thực hiện theo những hướng dẫn của các cơ quan quản lý giáo dục ở những thời điểm cụ thể, thích hợp.

Trước khi đưa ra kết quả đánh giá cụ thể cho từng HS, GV cần lưu ý thêm:

– Cho HS tự đánh giá và tổ chức để các tổ, nhóm HS đánh giá lẫn nhau; những kết quả đánh giá này được HS và các tổ, nhóm gửi cho thầy, cô giáo trong giờ tổng kết.

– Tham khảo ý kiến đánh giá của phụ huynh về kết quả giáo dục môn học của con em. Để thuận lợi, phụ huynh có thể ghi ý kiến đánh giá của gia đình vào sổ liên lạc; HS gửi sổ liên lạc cho thầy, cô trong giờ tổng kết.

– Tham khảo ý kiến đánh giá của các tổ chức mà HS tham gia sinh hoạt (Măng non, Sao tháng Tám, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh...).

– Khi đưa ra đánh giá tổng kết, GV cần đổi chiều với các đánh giá quá trình để thấy được sự tiến bộ của HS.

Phụ lục

MỨC ĐỘ YÊU CẦU CẨN ĐẶT CÁC NĂNG LỰC ĐẶC THÙ TRONG SÁCH GIÁO KHOA ĐẠO ĐỨC 1

STT	Bài học	Yêu cầu cần đạt các năng lực đặc thù			Năng lực phát triển bản thân	Năng lực kinh tế - xã hội		
		Nhận thức chuẩn mục hành vi	Đánh giá hành vi	Điều chỉnh hành vi				
1	Mãi ấm gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu được một số biểu hiện của yêu thương gia đình. - Biết được sự cần thiết của yêu thương gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được hành vi yêu thương/không yêu thương gia đình. - Đồng tình với hành vi yêu thương gia đình; không đồng tình với hành vi bạo lực gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hành vi yêu thương gia đình. - Khắc phục hành vi chưa yêu thương gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> Biết những ưu điểm, hạn chế của bản thân khi thực hiện hành vi yêu thương gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> Lập được hoạch điều chỉnh thái độ, hành vi để yêu thương gia đình ngày càng thể hiện sâu sắc, toàn diện hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện kế hoạch đã lập. 	<ul style="list-style-type: none"> Biết khái niệm gia đình; biết quan sát, tìm hiểu về gia đình.
2	Quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu được một số biểu hiện của vắnglori, lể phép, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. - Biết vì sao phải quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được thái độ, hành vi quan tâm, chăm sóc/không quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ. - Đồng tình với thái độ, hành vi quan tâm, chăm sóc; không đồng tình với thái độ, hành vi không quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hành vi quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ. - Khắc phục hành vi chưa quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ. 	<ul style="list-style-type: none"> Biết những ưu điểm, hạn chế của bản thân khi thực hiện hành vi quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ. 	<ul style="list-style-type: none"> Lập được hoạch điều chỉnh thái độ, hành vi để ngày càng thể hiện quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện kế hoạch đã lập. 	<ul style="list-style-type: none"> Biết quan sát, tìm hiểu về gia đình, các hành vi ứng xử trong giá đình.

3	Anh chị em quan tâm, giúp đỡ nhau	<ul style="list-style-type: none"> Nếu được một số biểu hiện quan tâm, giúp đỡ nhau của anh chị em trong gia đình. Biết vì sao anh chị em phải quan tâm, giúp đỡ nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> Phân biệt được thái độ, hành vi anh chị em quan tâm, giúp đỡ nhau/không quan tâm, giúp đỡ nhau. Đồng tình với thái độ, hành vi anh chị em quan tâm, giúp đỡ nhau; không đồng tình với thái độ, hành vi anh chị em tí nạnh, tranh giành, không nhường nhịn, không quan tâm, giúp đỡ nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện những hành vi nhường nhịn, giúp đỡ nhau giữa anh chị em trong gia đình. - Khắc phục những hành vi nhường nhau giữa anh chị em nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> Có kế hoạch điều chỉnh thái độ, hành vi thích hợp để anh chị em ngày càng quan tâm, giúp đỡ nhau hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> Biết quan sát, tìm hiểu về gia đình, các hành vi ứng xử trong gia đình.
4	Tự giác làm việc ở trường	<ul style="list-style-type: none"> Nếu được một số biểu hiện của tự giác khi làm việc ở trường. Biết vì sao cần tự giác khi làm việc ở trường. 	<ul style="list-style-type: none"> Phân biệt được hành vi tự giác/không tự giác khi làm việc ở trường. Đồng tình với hành vi tự giác; không đồng tình với hành vi không tự giác. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện những hành vi tự giác ở trường. - Khắc phục những hành vi chưa tự giác ở trường. 	<ul style="list-style-type: none"> Lập được kế hoạch rèn luyện tự giác khi sinh hoạt ở trường; 	<ul style="list-style-type: none"> Biết quan sát, tìm hiểu về nhà trường.
5	Tự giác làm việc ở nhà	<ul style="list-style-type: none"> Nếu được một số biểu hiện của tự giác khi sinh hoạt ở nhà. Biết vì sao cần tự giác khi sinh hoạt ở nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> Phân biệt được hành vi tự giác/không tự giác khi sinh hoạt ở nhà. Đồng tình với hành vi tự giác; không đồng tình với hành vi không tự giác. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện những hành vi tự giác ở nhà. - Khắc phục những hành vi chưa tự giác ở nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> Lập được kế hoạch rèn luyện tự giác khi sinh hoạt ở nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> Biết quan sát, tìm hiểu về gia đình; các hành vi ứng xử ở trường.

6	<i>Không nói dối và biết nhận lỗi</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết thế nào là nói thật, nói dối; vì sao không nên nói dối. - Biết thế nào là sai sót, khuyết điểm; vì sao phải biết nhận lỗi khi mắc phải thiếu sót, khuyết điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được cái đúng/sai của thật thà/ không thật thà. - Đóng tình với hành vi nói thật và biết nhận lỗi; không đóng tình với hành vi nói dối và không biết nhận lỗi. 	<ul style="list-style-type: none"> Phân biệt được cái đúng/sai, tốt/ xấu của nói thật/ nói dối, biết/ không biết nhận lỗi. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện và nhắc bạn bè cùng thực hiện không nói dối, biết nhận lỗi khi có thiếu sót, khuyết điểm trong học tập và sinh hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> Lập được kế hoạch rèn luyện thật thà trong gia đình, nhà trường và xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> Học tập và làm theo những gương sáng thật thà. 	<ul style="list-style-type: none"> Tham gia các phong trào "Nói lời hay, làm việc tốt" của nhà trường, cộng đồng.
7	<i>Không tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác</i>							
8	<i>Trả lại của rơi</i>							

9	Sinh hoạt nền nếp	Nếu được một số biểu hiện sinh hoạt nền nếp ở trường và ở nhà. Biết được lợi ích và sự cần thiết của sinh hoạt nền nếp.	Đồng tình với hành vi sinh hoạt nền nếp; không đồng tình với hành vi sinh hoạt không gọn gàng, ngắn nắp, đúng giờ.	Thực hiện hành vi sinh hoạt nền nếp.	Biết được những ưu điểm, hạn chế của bản thân khi thực hiện sinh hoạt nền nếp
10	Cung thực hiện nội quy trường, lớp	- Nếu được những biểu hiện thực hiện nội quy trường, lớp. - Biết vì sao phải thực hiện nội quy trường, lớp.	Đồng tình với hành vi thực hiện nội quy trường, lớp; không đồng tình với hành vi vi phạm nội quy trường, lớp.	Thực hiện và nhắc nhở các bạn cùng thực hiện nội quy trường, lớp.	Biết được thuận lợi, khó khăn của bản thân khi thực hiện nội quy trường, lớp.
11	Tự chăm sóc bản thân	- Nếu được những biểu hiện tự chăm sóc bản thân. - Biết được lợi ích của tự chăm sóc bản thân.	Phân biệt được hành vi biết tự chăm sóc bản thân/chưa biết tự chăm sóc bản thân.	- Thực hiện những việc và có thể làm để tự chăm sóc bản thân. - Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện những việc cần và có thể làm để giữ gìn sức khoẻ.	Biết điều chỉnh hành vi, thói quen để tự chăm sóc bản thân.

	Có ý thức, kĩ năng phòng, tránh đuối nước.	Phân biệt được hành vi an toàn/không an toàn khi tiếp xúc với môi trường nước.	Thực hiện và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè cùng thực hiện những hành vi an toàn khi tiếp xúc với môi trường nước.	Biết bản thân phải làm gì để phòng, tránh đuối nước.	Có kế hoạch học tập, rèn luyện những kĩ năng cơ bản để phòng, tránh đuối nước.	Thực hiện theo kế hoạch đã lập.	Tìm hiểu Luật Giao thông đường thuỷ.
12	Phòng, tránh đuối nước						
	Có ý thức, kĩ năng phòng, tránh tai nạn trong sinh hoạt.	Phân biệt được hành vi an toàn/không an toàn khi tiếp xúc, sử dụng các vật dụng trong sinh hoạt.	Thực hiện và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè cùng thực hiện những hành vi an toàn khi tiếp xúc, sử dụng các vật dụng trong sinh hoạt.	Biết bản thân phải làm gì để phòng, tránh tai nạn trong sinh hoạt.	Có kế hoạch học tập, rèn luyện những kĩ năng cơ bản để phòng, tránh tai nạn trong sinh hoạt.	Thực hiện theo kế hoạch đã lập.	Tìm hiểu Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm.
13	tai nạn trong sinh hoạt						
	Có ý thức, kĩ năng phòng, tránh tai nạn giao thông.	Phân biệt được hành vi an toàn/không an toàn khi tham gia giao thông.	Thực hiện và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè cùng thực hiện những hành vi an toàn khi tham gia giao thông.	Biết bản thân phải làm gì để phòng, tránh tai nạn giao thông.	Có kế hoạch học tập, rèn luyện những kĩ năng cơ bản để phòng, tránh tai nạn giao thông.	Thực hiện theo kế hoạch đã lập.	Tìm hiểu Luật Giao thông đường bộ.
14	tai nạn giao thông						

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH - PHAN THỊ BÍCH VÂN

Thiết kế sách: BÙI THỊ NGỌC LAN

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: VŨ TRỌNG THANH - PHAN THỊ BÍCH VÂN

Chép bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển
thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản
Giáo dục Việt Nam.

ĐẠO ĐỨC 1 – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số: G2HG1G001M20

Inbản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:địa chỉ

Cơ sở in:địa chỉ

Số ĐKXB: 496-2020/CXBIPH/4-184/GD

Số QĐXB:.....ngày tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-21759-2